

24380
T165

9-10
n. Feb. 1969

大吉



TÂN VĂN

SỐ ĐẶC BIỆT XUÂN KỶ-DẬU

TÂN-VĂN

NGUYỆT-SAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC

năm thứ hai • bộ 11 • số 9 & 10 • tháng 1 & 2 năm 1969

● NHỮNG THỦ CHƠI ĐẦU XUÂN :

- | | |
|--|-----------------|
| 5. Một vài thú chơi Xuân
đặc biệt trong miền Nam | VƯƠNG HỒNG-SÈN |
| 15. Những hội mùa Xuân | NGUYỄN-VĂN XUÂN |
| 39. Máy thú vui hội Xuân miền Bắc | TOÀN-ẢNH |
| 62. Thú chơi cây cảnh | LÊ-VĂN SIÊU |
| 67. Tục giao hảo kỳ lạ giữa hai
làng Phú-đa và Trinh-nữ | DƯƠNG THIỆU-MỤC |
| 73. Tết mộng tưởng | PHONG-CHÂU |
| 88. Chợ đêm Hà-tiên | ĐỒNG-HỒ |

● THƠ VĂN SÁNG-TÁC :

- | | |
|--------------------------------|------------------|
| 2. Đục trong thân cũng là thân | VŨ HOÀNG-CHƯƠNG |
| 97. Ư ám — Mạn ý | BÙI KHÁNH-ĐẰN |
| 98. Trái tim hồng | TRẦN-THỊ TUỆ-MAI |
| 99. Yêu anh Vượt chết | NGUYỄN MẠNH-CÔNG |
| 139. Mưa tha hương | CAO-TIỀU |
| 142. Mùa Mai | DU-TỬ LÊ |
| 143. Trăng sữa tháng 12 . . . | LÝ MINH |
| 144. Những ngón xuân sâu | HÀ NGUYỄN THẠCH |

● THỜI-SỰ VĂN-HỌC :

- | | |
|---------------------------------------|----------------|
| 145. Một vì sao rụng : John Steinbeck | TRẦN THIÊN-ĐẠO |
|---------------------------------------|----------------|

● BÌA : VĂN-THANH phỏng theo Tranh Cổ Bình-dân Việt-Nam.

TÂN-VĂN

số 38 đường Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn

điện-thoại : 23.595

- Xuất-bản do giấy phép số 358/NTGĐTTBC, ngày 28/3/1968
- ★ Chi - phiếu, bưu - phiếu đề tên ông Nguyễn - đình Vương
- ★ Thư-từ, bản-thảo, ấn-phẩm, đề tên ông Trần Phong - Giao
- Giao - thiệp trực-tiếp về mọi việc xin hỏi ông Gia - Tuấn

*Chân thành cầu chúc bạn đọc
một Tết Nguyên-đán đầm ấm mở
đầu một Năm Mới thanh bình và
thịnh vượng.*

Tòa-soạn TÂN-VĂN

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Đục trong thân cũng là thân

Thơ Ngũ-ngôn Cổ-phong
(gieo vần Đục)

Chợ Tết... Mai, Lan, Cúc
Dẫn mình trong bụi đục.
Từng phiến nép mặt hoa
Thẹn không bằng khóm Trúc
Đời đời vẫn kết giao
Nguyễn lánh xa thê tục.
Thân sao nghiệp nặng nề
Cõi trần mãi chen chúc?

Nhấn nhủ cùng Danh Hoa :
Chớ e hồng tử lục !
Giờ đây bạn các em
Ruột cũng đau từng khúc.
Lũy nào xưa tốt tươi
Cổng nào xưa ngoạn mục ?
Liên miên khói lửa này
Dám đâu mơ hạnh phúc !
Lần lượt Tre rồi Măng
Đã toi bời cốt nhục.
Gắng giữ tiết cho ngay
Giữa bao là câu thúc
Còn khó hơn lên trời
Biết đâu chẳng ngã gục ! ...

VƯƠNG HỒNG SẼN

Một vài thú chơi Xuân đặc biệt trong miền Nam

Chợ Tết Bền - thành xuân
Lòng thơm tràn cảm xúc.
Gió theo nắng đào lên
Tin hoa không ngọt giục.
Thân càng xót cho thân
Uống gầy hình ngọc đúc.
Thôi đành giữ hương trong
Vẹn thiếu quang chín chực !
Hàn - mai với U - lan
Một lòng như Đạm - cúc.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

(Sài-đô, Tết Mậu-Thân)

Năm nay tôi bị tò trác ! Tôi vừa viết được vài ba bài cho vài báo Xuân Kỷ Dậu, mặt vừa có chút máu, kể xảy ra chút việc nhà, chân chạy không bén đất, rồi tai nạn vừa qua khỏi, định thở cho khỏe, kể một ông bạn nhỏ — lựa là cầu mới thân, — ông bạn gửi thơ lại yêu cầu tôi giúp một bài vào số báo xuân anh đảm nhiệm.

Hỏi : Nhơn dịp chuẩn bị một số *Tân Văn* có chủ đề đặc biệt « *Những thú chơi đầu Xuân* », vậy xin bác thuật lại « *vài thú chơi xuân đặc biệt trong miền Nam* » cho chúng tôi nghe với.

Câu hỏi mới nghe dường dễ, nên tôi đã nhận lời. Đến nay ngồi hàng giờ, cần viết rặn không ra câu nào, mới nhớ lại giựt mình : năm xưa trong tập nguyệt san « *Văn Hóa Á Châu* » (tập số 2, tháng 2 năm 1961), mình đã viết rồi một bài nhan là « *Lễ tết Nguyên-đán trong Nam dưới mắt tôi* », hay là « *những cái tết của tôi đã ăn, nó như thế nào ?* », nay viết nữa làm sao đề khỏi nhời đi nhời lại, khỏi trùng, gẫm ra khó quá.

Tôi định chất vấn một ông bạn hàng xóm, cũng sanh trưởng trong Nam, cũng đồng trang lứa với tôi, tôi vừa hỏi, anh gạt ngang câu chuyện : « *Ái già hàm như mây ? Mây có mê tiền nhuận bút thì rán viết lấy ! Khéo hỏi bá láp, hòa bình không*

lo ? Thuở nay ăn là ăn, chơi là chơi, ai đi lại cắt nghĩa làm chi cho mệt ! Và ai biết làm sao mà nói ! »

Tôi đành về nhà làm lấy tôi, và nhìn nhận ông bạn Nam già có chút hữu lý. Cách ăn, cách cầm đũa, cách vui chơi tiêu khiển, cách thưởng xuân, cách ăn tết, thuở nay trong Nam, mạnh ai nấy làm được theo ý muốn, theo tiền túi của mình, được như vậy là đủ vui, làm sao cắt nghĩa ?

Người miền Nam chúng tôi, thuở nay là hết sức dễ dãi, miễn sao mạnh khỏe không đau ốm là đủ vui đủ ham sống, không cần có tiền nhiều mà cũng không cần tìm hiểu « tha cầu biệt xạ ».

Ở miệt đồng quê chúng tôi có người quanh năm không biết cà-phê là gì ! Tôi nói không ai tin, nhưng thử vô ruộng Bưng-xa-mo, Hòa-tú (Sóc-trăng) với tôi thì biết. Ảnh lượm đọt mần nầm trong ruộng, với cặp trâu với vợ con. Được một cục đường thẻ đường hộp, anh cắt đề dành : « Đó là món thuốc trừ rét ! ». Năm tôi chạy tản cư vào nhà anh, thấy anh trùm mền rên hỳ hỳ, tôi sẵn có đem theo, pha hai tách cà-phê, một tách tôi uống, một tách tôi cho anh, anh uống rồi một lát chỗi dậy xóc xáo vận động, miệng cười tít toét : « Thuốc, không phải đồ uống chơi ! » Một hôm anh ra chợ ôm cho tôi một cặp vịt ruộng béo lừm ; anh thấy nhà dọn dẹp chưng Tết, có một lục bình cắm nhánh mai vàng, anh hỏi, tôi nói giá, anh hít hà, qua bữa sau anh ôm ra cho tôi một bó bông mù-u còn búp, lá trụi lủi, bông trắng xóa, còn quí và hiếm có hơn bạch mai thứ giả, nhớ lại, hèn chi cụ Phan Thanh Giản, sanh tại Gành Mù-u, ông lấy biệt hiệu « Mai-Khê tiên-sanh » báo hại mấy ông bạn văn sĩ ngoài Bắc bí lù ! Và chính anh bạn nhà quê ấy là thầy văn khoa dạy tôi tiếng Việt. Tôi làm mặt khôn cắt nghĩa phong tục tìm mai (Hàn Dũ tầm mai), mua mai đắt giá, anh nhìn tôi mà tội nghiệp, ý nghĩ mà không dám nói ra : « Mấy thằng già ở chợ ăn sung mặc sướng quá rồi hóa khùng. Đọc sách quá rồi phát điên ! Tại mấy chả nói đót, rồi lầm lộn « Mai » và « May »,

« cây mai » và « cây lộc cầu may ». Mà quả thật. Ông cử gần nhà ưa nói « Mai quá chừng ! » « Mai phước cho tôi quá ! » Kỳ thật ý ông muốn nói « May quá chừng ! » và « May phước cho tôi quá ! » vân vân. Nào dè vì một sự nói đót, một sự phát âm sai, mà làm giàu làm lợi cho các nhà bán mai bán cây cảnh ! Mà không trách nhà tân học nói đót, vì nói đót trong Nam đã tràn đồng. Năm tôi dựng nhà trong Gia-định, lễ ăn mừng nhà mới, cũng gần Tết, ông thợ cái thợ mộc gốc ở Phú-xuân-hội (Nhà Bè), ông chưng cho tôi một đĩa quả tử, trong lòng đĩa có đề một trái mận-cầu xiêm, một trái dừa vừa đúng nạo, một trái đu đủ xanh và tuy cận Tết, xoài trái rất hiếm, vì không phải mùa, ông cũng rán chạy ra một trái xoài sống tròn vịn, ông ra vô có ý hãnh diện lắm, tôi không bằng lòng trách ông sao không chưng đĩa quả-tử cồ-diễn, « long-lân-qui-phụng », lấy trái thơm làm thân mình chim phượng, lấy trái ớt làm vòi rồng, lấy trái chuối làm vĩ làm cánh, ông nhe răng cười nói tinh bơ : « Lạ cho ông này làm giám-đốc viện bảo-tàng mà chưa biết ý nghĩa lời cầu chúc của già. Già chúc ông « Cầu Vừa Đủ Xài » mà ông không biết ! » Té ra, ông già này chơi chữ, ngụ ý : lấy trái mận-cầu, dùng chữ « cầu » ; lấy trái dừa, thay chữ « vừa » trong Nam nói một giọng ; lấy trái đu-đủ, dùng chữ « đủ » ; và lấy trái xoài, nói và hiểu ra chữ « xài » ; ông lại dặn tiếp hãy đề đĩa quả-tử chưng chơi ba ngày Tết, ra Giêng sẽ đẹp, như vậy trong nhà sẽ thơ thới dư ăn dư xài, vì mấy trái cây ấy đều giỏi chịu đựng, mười mười ngày vừa chín vừa đỏ càng thêm duyên. Mà quả thật, nhờ ông thợ cái năm ấy tặng cho tôi đĩa quả-tử « tân gia, tân xuân », nhà tôi vừa hết tiền là có Tân Văn hỏi bài, đỡ quá !

Ngày nay nhứt báo phở biến cùng khắp và tiếng nói từ Bắc chí Nam đã thống nhứt, giọng Bắc trên đài phát thanh đã đánh chết giọng Nam, chứ hai mươi năm về trước, giọng Bắc nghe rất lạ tai, và có nhiều khi nghe một bà nói hai chữ « đu đủ » chúng tôi không khỏi bụm miệng mà không dám cười. Cũng như mới đây đi nuôi vợ nằm nhà thương, người đàn bà bị giải phẫu hôm trước, hôm sau xin cho uống nước, cô y-tá

người Nam nói tỉnh phớt ăn-lê : « Bà địt được chưa ? Như bà địt được rồi thì tôi sẽ cho uống nước ! » Nhà đường đường là nhà khoa học, ai dám cười ở đây, nhưng nghe làm vậy tôi xin ghi chép đề đời. Và chẳng như đã nói, ở đây là nhà thương, người bệnh là người Nam, cô y-tá cũng người Nam, cho nên dùng tiếng ấy là tự nhiên, muốn tránh, đợi tra tự-điền kiểm được tiếng thanh thay thế thì đã mất tự nhiên rồi.

Và cũng nhờ nhứt báo phồ biến rộng rãi, như chuyện này giờ tôi thuật, danh từ gọi « sống giản dị ». Như ngày xưa, chúng tôi trong Nam ít quen dùng chữ nho, chúng tôi xưa có danh-từ nôm na là « xính xái », tôi cũng không biết hai chữ đó do chữ nào, điền nào mà có. Tỷ dụ, vào quán mua đồ vật, tiếng « xính xái » người mua người bán đều dùng :

Người mua nói. — Thôi mà, anh bán cho tôi món đó với giá đó đi. Xính xái mà ! « Ý muốn nói hãy thông cảm giùm tôi, hãy bán với cho tôi nhờ với ».

Người bán, thường là người Tàu cũng nói : — Hầy. Ngộ bán món này chưa tới giá của nó. Nhưng ngộ bán xính xái cho nị mà ! Xính xái ở đây hiểu rằng bán đề cầu thân đề được thêm một mối hàng, và cũng vì món hàng ấy (mía, quả trứng, rau thịt mau hư mau thúi), bán không cần lời nhiều.

Cái câu nguyên văn « Xính xái bồ lái bồ khự » nhờ nói đủ câu tôi hiểu lại đó là tiếng Triều-châu : « — vô lai vô khự », hai chữ đầu, tôi bí, bốn chữ sau nghĩa là « không đến không đi », « có qua có lại », mỗi lần Tết đến, về sóc nhà, tôi nghe đầy lỗ tai, hôm nay cho phép tôi nhắc lại đây tưởng không đến lạc đề.

Ở miệt Sóc-trăng, người nhà quê ưa nói một thế : « Sống xính xái » là « sống xập xệ », « sống lây lất qua ngày », và « ăn Tết xính xái » là « ăn Tết cầm chừng cho có với người ta », không cầu kỳ lập dị, tuy nói làm vậy mà trong mình có tiền bao nhiêu đều đem « xả lán », chơi cho hết đề cầu may, ngày mồng một ăn xài thả cửa, cầu may trọn năm sẽ có tiền xài bất tận như bữa đầu năm đã khai trương rồi.

Dịp Tết trong Nam chúng tôi kiêng cử nhứt là tránh bị rầy la, sợ có huông xúi quẩy luôn năm. Cha mẹ thấy con lỗi lầm cũng nhin quở mắng ; con cái giận nhau cãi nhau cũng nhin cho êm ấm trong nhà trong cửa... và vợ chồng dầu cãi-đắng cũng làm lành với nhau ngày mồng một và nhiều khi làm lành luôn suốt năm, cũng nhờ đầu xuân giả là hết giận hờn nào cũng không hay.

Bạn tác anh em ngày Tết gặp nhau ngoài đường và thường đi viếng nhau từng nhà với mấy câu liên miện : « Cúng hỷ bạt xồi » hiểu theo Nam theo chữ viết là « Cung hỷ phát tài », người Nam nhien và bị ảnh hưởng Tàu từ trong máu tủy.

Cũng ngày Tết, trong này ưa nói hai chữ « lì-xì » và qua ngày Tết cũng còn lì-xì mãi mãi, mỗi việc đều lì-xì cho xuôi chèo mát mái, thét lì-xì thành tục, từ số tiền con gói giấy đỏ đề cho trẻ nít đầu xuân đã trở nên lì-xì cái fri-gi-đe đến cái xe hơi đi lễ cầu, lo lót, hối lộ. Xét ra cho kỹ, đầu dây mối nhợ của sự hối lộ cũng do lễ Tết, lễ vật đầu năm đi tết mừng quan, ban đầu một chục trứng, một con gà, sau biến lần ra một tấm chèque, một số ngàn số triệu. Có một anh thầu vào quan, quan móc ví thuốc, thuốc quan đã hết, anh thầu lật đặt móc ví của mình dâng quan, quan liếc : đó là một chèque cuốn lại giá đề một triệu ; quan lắc đầu như chê điều thuốc vẫn còn nhỏ, anh thầu đứng dậy lễ phép thưa chiều nay tôi sẽ đem lại quan điều xi-gà, lớn bằng mười điều thuốc này. Quan gật đầu. Ôi, lì-xì. Ôi, lễ Tết đầu năm !

Ở miền Nam này, nếu hỏi chúng tôi về thú chơi tiêu khiển vào buổi đầu xuân, thú nào đặc sắc nhứt cho dân bản xứ, tôi lấy làm bối rối và chỉ biết trả lời vồn vện rằng Tết đến, trong Nam chỉ biết đánh bài, giỡn bạc chớ nào ai biết chơi giống gì ba ngày xuân ?

Mà thật, cận Tết, mùa lúa làm rồi, gặt hái vừa xong, lúa đập rồi, đã dẽ rồi, đem vỏ bồ vỏ vừa đã yên tâm rồi, thêm ngoài ruộng thiếu gì món « ngon và chịu chơi », gà vịt ê hề và mận cùi, con gặt con hái, « bọn cắt đập » từ miệt Vườn xuống tỉnh Sóc, tỉnh Bạc còn kẹt lại đó, cho nên trăm nhà như một, từ chủ điền đến tá điền, từ Sóc-trăng đến Bạc-liêu, mấy năm trúng mùa và chưa có nạn chiến tranh như ngày nay, đều « ăn chơi thả cửa ». Từ lớn đến nhỏ từ chủ đến người làm công, kẻ nào mê gà đá độ thì khởi sự săn sóc mấy con « trống cưng » hy vọng của mùa, kẻ nào thiết tha sợ bài bạc, thì phát con điều giấy, thả điều gần lười dứa cho nó có tiếng sáo điều, chiều chiều gió thổi, tiếng kêu « từ từ từ từ ! » Ở Mỹ-tho trước có một thi sĩ, mỗi năm gần Tết, làm điều lớn bằng cái mền, mua dây nhợ thả hết Tết mới đẹp, ông vui như trẻ nhỏ, mà điều ông còn kém đẹp, thua con điều thuần của anh Chủ Lý (Trần Đắc Lợi) thả trong ruộng Bà Hương Chanh, là bà nội của anh Chủ, con điều thuần rất đẹp, lên cao trải cánh nghiêng nghiêng bay liệng ngó quên thôi, hai đuôi dài tha thướt lê thê, khiến người đứng xem như mơ như mộng. Mà cái sướng còn thua của anh Chủ Lý, anh Chủ tay cầm sợi dây điều mới là khoái tột bậc. Kẻ ở ngoài sông, đánh cóc keng, thằng ăn có ở ngoài cũng như thằng coi thả điều, đầu hiệu và có cái sướng của thằng trong cuộc !

Còn những kẻ nào thích lúc-lắc bông vụ thì sắm bàn sắm đồ nghề, lựa ngà kiếm xương làm ra hột « tào cáo » (đại cầu), vẽ lại bàn bầu cua cá cộp... Kẻ nào ở gần sóc Thờ, thì trò nghề « xây vổ » cho đàn thờ đánh. Có kẻ thích chơi bài ngà, món sở thích của người Cao-miền miệt Sóc-trăng, ngoài có cái hộp bằng ngà nắp mở được, trong hộp vuông ấy có đựng một con ngà mặt lật ngửa vẽ nút gì « mặt tam mặt tứ gì », khi chơi, chủ cái lấy hộp và con ngà để vô một cái túi, ngồi trước mặt tay con, lựa mặt rồi lấy hộp ra để giữa sông cho tay con đặt tiền, gần như xỏ đề xỏ số, ấy thế mà vì gian nhiều ngay ít, tay con đàn thờ thua sạch nhà sạch cửa, đặt hoài không trúng, lâu ngày tích lũy, giận sôi gan cũng vì anh cò bạc Việt ít thật thà. Thật thà sao được, vì sách đã có chữ « cò gian bạc lận ».

Người ở chợ, công chức, thương gia khá giả thì thích cắt tê trâu, xì-phé, già-dách, bài cào ba lá, bài mã-chược, thính-cầu sáng đêm, hoặc gầy sông tứ sắc với các bà các thím.

Trong Nam vào ba ngày Tết, dám chắc không người nào gọi là ở không mà không rờ đến cây bài. Đau nằm liệt giường ngồi dậy không nổi, cũng bắt trẻ cháu lại gần « câu tôm câu cá » cho mình xem giải muộn !

Kề về chơi thì tôi đã biết chơi từ nhỏ. Kề ăn thì tôi đã biết ăn từ khi nếm vú mẹ bị thoa lọ nghẹ đen thui. Cái ăn cái chơi đã trải đủ mùi và có thể nói không lầm « tôi ăn muối còn nhiều hơn vài bạn nhỏ ăn cơm ! », nhưng ăn chơi mấy cũng chưa vừa, và nhớ lại còn thêm một cái Tết bĩ bản năm tản cư vô Hòa-tú (1946).

Cháo tết Chợ Đồn đêm khuya vài hột cơm thả trong nước luộc gà ngọt xớt, còn thua bữa cơm Chòi-mòi (Bạc-liêu) đầu xuân một con cá rô ruộng nướng, thoa bơ Bretel chánh hiệu và thả vô đĩa nước mắm hòn có xít ít nhều cà-cuống. Ăn làm vậy mà cấm dùng đũa, phải « xi đay » ăn tay ăn bốc như người Miên mới thú vị cho. Tết ăn khô nai Bình-dương, khô gộc bụng đối sẵn Rạch-giá, đầu năm Kỷ Dậu tính sò, không Tết nào vui bằng và nhắc đến còn chảy nước dãi bằng Tết năm 1946 (ất-dậu) ? Tết năm ấy, gươm kề cận cò mà chưa hay, chạy tản cư vô ruộng nhà, ở đậu nhà Cậu Hai Vĩnh (Trần Đắc Vĩnh) (Hòa-tú) là phải có ba sanh hữu hạnh, đầu thai ba kiếp chưa gặp lại chỗ vui như chỗ này. Gần Tết, Cậu hai kêu gánh hát Triều-châu vô diễn cho tá-diễn xem thí. Đá gà hốt me còn hơn kẹt-mết. Gái đồng, gái quê mặc sức lựa. Rượu Cậu sấm đủ rượu ngon, Bisquit, rượu chát cả mấy trăm chai trắng đỏ nhóc hằm. Thuở đó đồ gia vị hút mà Cậu có đủ vừa hột cải đến chai Maggy thú thiệt. Cậu có đến ba người đầu bếp, ở ruộng mà muốn ăn Tây Tàu Ta, có đủ tay ngự-thiện phục dịch hết lòng. Cậu học ít ; chỉ học đến bậc trung học trường tư ở Cần-thơ. Thuở ấy chưa có lớp dạy khoa nông-lâm, nhưng Cậu có khiếu, mua sách Tây Cậu trồng từ lá cải Đà-lạt đến cải

xoong (cresson), ớt bị, đủ thứ. Cậu hào hiệp, tá điền nào muốn ăn lại xin Cậu đều cho, nhờ cả liếp Cậu cũng ưng không nói gì, duy đứa nào vô phép lên ăn cắp lên nhờ không xin phép thì sẽ biết tay Cậu. Nhà Cậu giàu, Cậu chơi đá banh (foot-ball), Cậu dọn sân trồng cỏ, sân theo nhiều người thấy, còn đẹp và đúng thước tắc hơn sân Bờ-rô, Sài-gòn. Cậu sắm y phục thề thao đủ bộ cho hai ê-kíp chơi túc-cầu. Hết chơi phải góp y phục giày vớ đem cất vào kho có người chịu trách nhiệm. Tôi vì mê bao nhiêu ấy mà năm có giặc Tây giặc Thồ dậy (1946) tôi chạy vô đó ăn Tết cho phỉ chí ăn! Ở đó là cảnh tiểu Bồng-lai trên địa thế. Ban ngày cò bạc, nói tiểu-lâm. Muốn ăn thịt bít-tết, cứ lựa bò tơ ngã xuống, ăn không hết, bán lại cho tá-diên, tính một đồng rưỡi mỗi ký-lô thịt lựa. Còn dư xẻ khô đề nhậu. Muốn ăn tôm làm tạp-pín-lù, phải nói trước một ngày; Cậu sai mò tôm lên rộng trong lu khắp cho nhả bùn và mặc sức lựa con nào vừa ý. Muốn ăn cá nướng cá dúc lò cũng thế. Tôi đã thấy dọc bờ tre, dưới mương đĩa, cá trê cá lóc số ức vạn, cá bóng đề chiên lăn bột cũng nuôi sẵn trong ao, Cậu có một ao thả sen chứa nước mưa mùa hè ăn uống, một ao lớn hơn đề dành tắm rửa và giặt gỏi, cấm không cho xài lộn xộn cầu thả. Chơi bài không cho đánh lớn. Ai bài xấu và thua có Cậu giúp cho ăn cây ngon kéo chén lại. Cá ngoài ruộng, xuýt nữa tôi quên, Cậu không cấm câu và chài, duy mỗi chiều câu lưới được bao nhiêu phải ghé trại trình lên Cậu, cá nào ngon Cậu mua lên trả tiền sòng phẳng không hẹp bụng hai đảng, khi nào Cậu không mua sẽ đem bán đem ăn tùy ý. Cậu ở với khách nhỏ nhẹ hết lòng chiều ý khách, và nghe ở đâu có ai biết nấu món nào ngon thì Cậu sai người đi học tốn kém không nệ. Như đã nói, Cậu có đến ba người đầu bếp khéo, thế mà Cậu có tánh thích ăn dạo, thỉnh thoảng Cậu sai bắt vịt đem lại nhà nào đó leo lên vông nằm chờ luộc vịt, Cậu « khoái » nhà đó có khi vì nhà có con gái đẹp, hoặc xin đừng hiều lắm, vì chẳng qua chủ nhà giỏi nói tiểu lâm đề Cậu cười. Nếu hỏi tôi phong lưu trong Nam là thế

nào, tôi xin chỉ tìm sở ruộng cậu Hai Vĩnh trước năm 1946 thì biết. Cậu không tiếc của, lấy lúa phải chăng, ăn ở nhơn đức, ấy vậy mà cách mấy tháng sau Cậu bị tá điền dậy theo giặc lên án Cậu và rước Cậu chạy bỏ điền, nay đi làm thợ kỹ ăn lương công nhật. Thú vui Tết không đâu hơn trên điền Cậu Hai Vĩnh, mà nào có giống Tết miền Bắc miền Trung. Tôi chưa biết miền Bắc vì lúc trước có được bao nhiêu tiền tôi đều cúng vô đồ xua. Đến như miền Huế miền Trung, tôi cũng mới biết khá khá từ năm 1958 đến năm 1967, nhơn đi dạy học ngoài ấy. Duy tôi dám chắc chúng tôi trong Nam đã bình-dân-hóa cái Tết. Không kể những năm gần đây máy bay dễ dàng, một cảnh đào từ Hương-cảng cũng có thể đem vô Sài-gòn cho các phú gia thưởng thức ba ngày xuân, về giá tiền mấy vạn nào sá kể. Trước năm đảo chánh, chúng tôi chỉ chơi nhánh mai. Chậu thủy tiên cũng mới nhập gia từ ngày các văn sĩ phong lưu ngoài Bắc đem theo vào đề đỡ nhớ phong vị chốn cũ thú xưa. Ngoài có bánh chưng, nay trong này cũng ăn bánh chưng thịt đông lạnh theo đồng bào Bắc nhưng không bỏ bánh tét gói theo kiểu ông già bà cả năm xưa.

Người Tàu ở xóm Việt ăn Tết theo Việt và ăn Tết dư hơn Việt, vì nay họ là người Việt gốc Hoa.

Người Miên ở chung xóm với người Việt thấy Tết vui quá cũng nhào vô ăn Tết với Việt cho thêm vui, đá gà chung, đánh bài chung, nay họ là người Việt gốc Miên, có người nói rành rẽ tiếng Việt, chưa chắc ai rành hơn ai khi nói chuyện.

Duy buồn một nỗi, người miền Nam gần như mất gốc. Mượn dịp Tết mà vui say bài bạc, có khi thừa dịp Tết ra Cáp tằm biển, lên Đà-lạt đổi gió, sự cúng kiếng ông bà giao phó cho em cháu chăm nom. Một câu chuyện như sau xin lấy làm câu kết thúc. Cách nay mười năm có một ông đại thần cựu phụ chánh ngoài Kinh, chạy vào Nam lánh nạn. Ông có quen thân với một nhà vọng tộc ở Chợ-lớn, làm Tòa Áo Đỏ thời Tây. Ông Tòa mời ông quan Huế đến nhà ăn Tết. Ông

Quan Huế khăn đen áo lớn đến nhà ông bạn, ông bạn ra rước mặc quần đùi áo cụt tay, ông quan xoắn mắt nhưng không nói. Ông quan giữ lễ, xin làm lễ yết kiến từ đường nhà bạn, ông bạn cười lớn nói: « Thôi, tha đi, hãy qua phòng đây đánh phé với tui tui ». Ông quan cách vài hôm sau lại nhà tôi, thuật lại mà mặt còn tức: « Thằng gì hỗn quá. Ông bà nó mà ngày Tết nó không cho lạy. Hèn gì, nhớ lại rồi, năm xưa, nhà tôi chưa kịp vào khem; nó ra Huế đi xe Delage, dắt theo một con mèo; nó xin tôi chứa nó và mèo nó trong ba ngày Tết! »

VƯƠNG HỒNG SẼN

(Văn-Đường-phủ, 30 tháng 12 năm 1968)

Đầu Xuân qui vị phụ huynh nên tặng cho con em tác phẩm có trong danh sách được Bộ Giáo-dục chọn dịch:

TÂM CẢNH

truyện André MAUROIS
bản Việt-văn: MẶC-ĐỖ
GIAO-ĐIỂM tái-bản

Sách in lại lần thứ hai, thề theo yêu cầu của độc giả, dày 360 trang giá đặc biệt: 100 đồng.

NGUYỄN VĂN XUÂN

Những hội mùa Xuân

Những hội mùa Xuân miền Trung.

Trên giải đất dài thườn thượt như người con gái ngực lép, mông to nằm nghiêng, quay lưng ra biển, phần đất thịt chả là bao, còn thì toàn những núi non trùng điệp, ai dám bảo mình biết rõ những lễ lạc, phong tục, trò chơi nào diễn ra trên đó cho tường. Qua mỗi tỉnh, ta sẽ thấy một sắc thái riêng; tiền diện liên quan bề với trăm ngàn chiếc thuyền đầy những lối cúng bái, tín ngưỡng lạ lùng; hậu diện liên quan núi với các sắc dân thượng khác nhau từ y phục, tiếng nói đến các phong tục, tập quán, niềm tin...

Ở một khu vực như thế, tôi đâu dám dẫn bạn đọc đi xa.

Chỉ xin mời đến một làng ở miền Tiên-phước thuộc Quảng-tín (xưa là Quảng-nam) đề cùng nhân dân địa phương vui chơi ngày Tết. Tôi dẫn bạn đọc đến đó vì tôi biết đa số trong các bạn vốn quen sống ở thành thị và đang có một khát vọng: được nghe nói những chuyện của núi rừng.

Chiến tranh kéo dài quá. Rừng núi và các vùng cận sơn đã từ lâu không còn được nhắc tới nữa và bao trùm trong một màn sương bí mật hoặc chỉ hé ra cùng mùi thuốc súng khét lẹt. Mà bạn đọc cũng vốn có những định kiến khi nghĩ về dân cư và sự sinh hoạt của các làng này: lạ lùng, mian rợ nếu không phải khủng khiếp, hãi hùng! Có lẽ rừng núi và vùng cận sơn vốn cũng đôi khi có những đặc tính đó. Nhưng nếu ta đừng

nhìn bằng con mắt ngoại cuộc, ta gia nhập vào nó, sinh hoạt với nó, ta sẽ thấy nó không man rợ, lạ lùng mà đặc biệt, tân kỳ, không hãi hùng, khủng khiếp mà oai hùng thi vị. Chỉ có điểm hơi khác là màu sắc nên thơ không phải lẫm liệt mà đầy chất thực tế, hùng ca.

Bây giờ, bạn đọc hãy cùng tôi vào Làng dự những lễ tục và các hội mùa xuân.



Trước khi dự những ngày vui trong dịp Tết, bạn đọc, cả những người trên dưới ba mươi cũng cần biết sơ qua mấy lễ tục vẫn được bày ra hằng năm để chuẩn bị nghinh xuân. Và trong khi nói về các phong tục của Làng, tôi có nhắc đến một số phong tục, lễ lạc của Tỉnh, bạn cũng đừng tưởng tôi lần thẩn. Sự thực, từ tỉnh xuống làng vốn có một mối dây liên lạc sâu sa về hành chánh, lễ bái nên đôi khi nhắc chuyện của tỉnh cũng chính là của làng.

Với các bạn trẻ, nhiều người yên trí Tết chỉ bắt đầu vào những ngày ba-mươi, mồng một. Với người dân xưa, Tết bắt đầu từ đêm hăm-ba, cái đêm đưa chư vị tảo quân về hầu Thượng-giới tâu rõ việc trần gian mà có lẽ vào thời 1905-1907, cùng phong trào Duy Tân (?), Tú Xương đã sáng sủa cao ngất khi nâng chén rượu tiễn các ngài :

Vua bếp chơi Xuân.

Ba ông vua bếp dạo chơi xuân.

Đội mũ đi hia chẳng mặc quần.

Trời hỏi làm sao ăn vận thế.

Thưa rằng hạ giới nó Duy Tân (x)

(1) *Chơi chữ*, Lãng-Nhân, Nam Chi xb, trg : 212. Lãng-Nhân bảo bài thơ này không có tính cách thời sự nhưng theo tôi nó rất có tính cách thời sự. Tôi đoán Tú Xương chỉ có thể làm nó vào thời 1905-1907 khi Phong-trào Duy Tân khởi lên và tràn ngập toàn quốc. Tú Xương đã cười một cách hóm hỉnh nhưng vô hại →

Sau ngày hăm-ba, ông Táo về trời thì đến lễ Khếp Ấn. Ồ ? Khếp Ấn ? Ấn (con dấu) thì ngày nào chả khếp ? Khếp ấn là rửa con dấu rồi bỏ vào hộp, cất đi. Đúng như thế. Nhưng không giản dị như công việc xảy ra hàng ngày mà khếp ấn có thể là... khếp hẳn cho đến một ngày tốt sang xuân. Lễ khếp ấn này diễn ra long trọng từ triều đình với ngọc tì của Hoàng-đế xuống đến tận các triện đồng của Lý-trưởng ở làng. Thời kỳ khếp ấn ngày xưa là khếp hẳn công việc hành chánh. Nói cách khác, chỉ trừ khi phải gặp những việc tối quan hệ, còn các việc thường như đánh nhau đập đầu, chảy máu thì cứ hãy tạm giam lại đó. Kể từ khi khếp ấn thì những ngày ăn chơi nơi cửa quyền môn thực sự bắt đầu. Rượu, chè, cờ bạc... Các quan cứ tha hồ ăn tiêu trên những món hối lộ công khai gọi là Tết Quan của lý hương chánh phó tổng và bọn này cũng lợi dụng lễ ấy để đục khoét của dân đen.

Cùng với ngày khếp ấn, tức là ở làng ngày lý trưởng khếp triện đồng, dân làng cũng buộc hết các bồ lúa lại, nhà giàu khóa rương hòm và đồng thời khếp luôn cả các cánh cửa rừng... Lễ này có nơi chỉ một ngày, có nơi kéo dài cho đến sang năm ngày lành, tháng tốt hoặc đến ngày khai ấn mới thôi. Vào ngày này, các chùa bắt đầu treo phướn, làng dựng nêu để dành đất với ma quỷ. (Các gia đình thường thì chiều ba-mươi mới dựng nêu.)

Nhưng Tết chỉ có quyền đến theo lệnh nhà vua.

« Xuân từ trong ấy mới ban ra. » (Tú Xương).

Ồ ! Lạ lùng ! Nàng Xuân yểu điệu, rẽ cơn gió bắc mưa phùn mùa Đông, mang lộc non, hoa mới về gieo rắc hương phấn

→ và thực cũng khó đoán biết nhận định của ông qua bài thơ kia đối với phong trào trên.

Nhưng cũng nên ghi thêm : Kể từ đây (nếu quả thật tài liệu của Lãng-Nhân đúng, nghĩa là bài thơ trên của Tú Xương) mở ra một loại tranh hài hước mà *Phong Hóa Ngày Nay* năm nào đến Tết cũng nhắc lại : Ba vua bếp ăn mặc đủ triều phục, nhưng đều thiếu quần và những lòng chân « đồ sộ » cứ bày ra rất buồn cười.

thơm tho trong cõi nhân gian thì cứ về theo cái luật tuần hoàn, châu nhi phục thủy của hóa công, chứ việc gì nhà vua lại « ban ra » (Đối với Làng thì phải nói « ban vô ») ? Hiểu như thế tức là... chưa hiểu gì về ngày Ban Sóc cả. Ban Sóc là ngày nhà vua chính thức ban Lịch có ấn tín của vua cho tất cả thần dân để hưởng một năm mới của hoàng ân. Ngày Ban Sóc cử hành trọng thể ở triều đình. Các tỉnh thì quan lại đều tề tựu về hoàng cung. Hoàng cung là một cái điện xây trong thành tỉnh, hướng về cửa Tiền. Nơi đây, ở giữa, trên bệ cao có đặt một cái ngai sơn son, phết vàng để khi vua ngự giá các tỉnh thì ngồi lên đó cho các quan triều bái. Trước ngai, dưới thềm, các quan lại phẩm phục nghiêm trang, văn võ phân ban theo thứ tự phẩm tước mà đứng. Các ngày đại lễ như Ban Sóc, các quan làm lễ bái mạng rất cung kính trước cái ngai vàng...trống rỗng, nhưng vẫn tưởng như có Ngai ngự ở đó rồi mới nhận Lịch để tin chắc là . . . nàng Xuân sẽ theo lệnh đó mà về.

Lễ Ban Sóc là cái lễ chuyển mình của năm cũ sang năm mới. Sau cái lễ ấy thì dân chúng mặc sức mà dựng nêu, mua pháo, nấu bánh giết heo, giặt giũ áo quần. Thợ may thức đến ba bốn giờ sáng và thợ nắn chửi bới lung tung...



Ở Làng (một cái làng vô danh thuộc vùng cận sơn tỉnh Quảng-tín) này, phong tục đại cương giống hệt Quảng-nam Đà-nẵng (vì xưa chỉ chung một tỉnh Quảng-nam), thì muốn có Tết, trước hết phải có bánh tét và đặc biệt bánh tồ. Bánh tét là biến thể của bánh chưng ở ngoài Bắc. Bánh chưng ngoài Bắc hình vuông vẫn không hiểu khi lên đường Nam tiến, nó suy nghĩ thế nào mà không chịu nằm trong khuôn khổ cũ mà biến ra hình dài, như hệt một cái ống tre. (2) Trong đó dĩ nhiên cũng chỉ có mấy nguyên liệu chính của bánh chưng : nếp; nhưn đậu xanh có khi gia thêm hành, mỡ để ăn ngay

(2) Phải chăng làm thế cốt cho tiện việc mang xách khi đi đường đối với những lưu dân thường thay đổi chỗ ở ?

và gói bằng lá chuối. Nhưng bánh Tét (biến âm của Tết ?) hình như chỉ cốt đề nhắc nhở gốc nguồn phương Bắc xa xôi, chứ chưa đủ. Và chẳng, bánh tét thì nhiều tỉnh Trung Việt có (như họ vẫn có máu miền Bắc trong người) chứ đâu phải riêng tỉnh này. Vậy phải có thêm một thứ bánh nào khác để biểu hiệu một đặc tính. Phải chăng do đó bánh Tồ ra đời ? Bánh tồ thực sự chả có gì là ngon : cũng chỉ đường bột và nước đánh cho nhuyễn rồi đổ vào trong cái rọ tre có lót lá chuối. Trước kia làm bằng đường đen, sau này để « hiện đại hóa » có người đổi trắng, nhưng xem ra nó cũng chẳng ngon hơn bao nhiêu. Chỉ có điều khá lạ là bước qua đèo Ái-vân, ra « xứ Huế » không thấy thứ bánh ấy và bước sang phải, vào Quảng-ngãi, tỉnh giáp cận, cũng không thấy thứ bánh ấy trên bàn thờ tồ tiên ngày Tết. Ở hai tỉnh này, người ta được bạn bè Quảng-nam gửi cho phải đem chiên mới ăn được vì bánh đã cứng và cũng chẳng ai lấy làm trọng. Vậy mà đã gọi là dân Quảng-nam Quảng-tín thì ai cũng xem nó như bánh chủ yếu để tiêu biểu cho sự thành kính và niềm hy vọng đầu xuân. Không có nó, Tết sang trọng mấy cũng không thành Tết. Tôi đã bỏ nhiều công để nghiên cứu về cái bánh này trong các phong tục Việt và không tìm ra lý do xuất hiện của nó cho tới khi tôi đi sâu vào đời sống Trung-hoa... tôi mới gần như ngã ngựa khi nhận thấy hình như hầu hết gia đình Trung-hoa nào cũng có bánh tồ trong ngày Tết và có nơi cái bánh ấy to bằng cả cái mâm trong khi cái bánh xứ Quảng chỉ to bằng cái đĩa trung trung... Nhưng đây không phải cơ hội để nêu những giả thuyết về sự đồng hóa cái bánh tồ kia... Tôi chỉ giới thiệu nó với ý nghĩ nếu các bạn chưa biết gì về cái bánh kia thì bạn chưa đầy đủ tư cách để về Làng ăn Tết và dự các Hội Mùa Xuân.

Vậy thì đêm ba mươi đã qua. Bánh tét, bánh tồ đã nấu xong, giờ giao thừa đã điểm. Sáng mồng một, pháo nổ mừng xuân, cây nêu lất phất ngọn tre tươi trong gió và chiêm trống trong làng điểm lên lúc tỉnh sương báo tin xuân mới đã về. Lễ thần diễn ra trọng thể. Các vị hương chức áo mào uy nghi,

bái lạy theo cung điệu nhịp nhàng của âm nhạc và lời hô trầm bổng của tư lễ; đoàn lễ sinh phục sức sang trọng, chỉnh tề, tới lui khuôn phép đề thấp đèn, dâng nước chứng tỏ lễ nhạc đã đi tới tận thâm sơn cùng cốc của một quốc gia có kỷ cương. Cùng lúc ấy, ở tỉnh diễn ra cảnh các quan phủ huyện tụ họp về ở hoàng cung để bái mạng trước... cái ngai trống rỗng và một vị đường quan tiền hô, hậu ủng dẫn sang lễ đức Không Tử và gia đình ngài.

Lễ Nghinh Xuân của làng cũng do tình hướng dẫn. Ngày ấy cũng tùy theo âm lịch ghi sẵn mà các vị đại thần đi đón mùa Xuân hộ cho nhân dân. Lễ này diễn ra trọng thể. Các quan mặc phẩm phục triều đình ngồi trên kiệu, trên ngựa có lọng che, rước một con trâu tượng trưng cho nông nghiệp. Lễ này đã thấy có ghi trong *An-nam chí-lược* của Lê Tắc (đời Trần) (3) nhưng thay vì đánh con trâu đất thì người ta dựng một con trâu bằng nan tre, phát giấy; tô màu giống hình con trâu trong các quyền lịch, trâu đặt trên một cái giàn do nhiều người lính khiêng đi qua các phố cho dân chúng xem, giữa trống kèn rập rình, ngựa xe rộn rịp, cờ xí phát phơ. Lễ rước này chứng tỏ lòng kính trọng của quốc gia đối với nghề nông, vừa lấy nó làm căn bản, vừa đề cao công cụ sản xuất (con trâu) xem như đó là lý tưởng của nền nông nghiệp phồn thịnh mong được phổ biến cho khắp quốc dân. Cùng với lễ Hạ Điền vào khoảng tháng Mười do vua hoặc các đại thần ở kinh đô, hoặc các đường quan ở tỉnh đảm nhiệm việc vãi giống, gieo mạ và cấy, phải nói là người xưa — kể cả bậc tự xưng thiên tử — biết cúi mình

(3) *An Nam Chí Lược*, Lê Tắc, viện Đại-học Huế, Ủy-ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam, 1961, trang 47 : « Theo gia lễ ngày lập Xuân đi du Xuân, khiến các tôn trưởng giặc trâu đất... » Đây là một lễ tương tự lễ nghinh Xuân nói ở trên. Nhưng không hiểu sao ủy ban phiên dịch lại viết « giặc trâu đất » ? Trâu đất làm sao mà giặc (giắt ?) Xét trong bản chữ Hán in ở sau và cả bản Hán âm quốc ngữ bên cạnh thì đều thấy viết là *tiên thờ ngư* tức là quất bằng roi trên mình trâu đất. Có lẽ lễ tục là như thế nhưng dịch giả đã đọc lộn *tiên* (roi) ra *hiên* (giắt) nên làm chằng ?

sát đất phục vụ dân sinh. Chữ Tết và lễ Tết không thoát ly sinh hoạt nông nghiệp mà chỉ là đề đưa cái nghề có tính cách thô thiên, nhọc nhằn ấy vào Lễ, Nhạc, thi vị và thần thánh hóa nó. Nông nghiệp không chỉ còn là nghề mà là một lý tưởng cao đẹp ở trên tất cả mọi lý tưởng khác.

Nhưng sự thật không cần nhờ vua quan đón rước hay ban bố mùa Xuân mới có Xuân ! Đó là việc làm đề lương tâm khỏi trách móc của những kẻ chuyên đục khoét của dân. Dân làng đã chuẩn bị tự bao giờ cho một mùa Xuân thú vị, cho một cái Tết rộn rịp xóa bỏ hết cảnh khổ của những ngày qua và hứa hẹn một tương lai tươi đẹp. Hơn nữa, những ngày thanh bình kéo dài, họ làm gì cho hết thời giờ ? Ăn mặc tuy có đủ, có thiếu nhưng cũng chả sao. Và chẳng nghề nông còn lạc hậu, không làm ruộng là nghỉ và vào mùa xuân, không ăn chơi thì chỉ có cách...thất nghiệp mà muốn tránh cảnh thất nghiệp thì có phương pháp hiệu nghiệm nhất là...ăn chơi !

Những ông già trong làng, ngày đầu xuân đã cẩn thận lấy những tấm giấy hồng điều, giấy vàng bạc dán lên sừng trâu, đuôi trâu, chuôi và bắp cày rồi coi ngày lành, đánh trâu ra ruộng cày mở hàng. Những con trâu với màu sắc rực rỡ trên các thửa ruộng gợi những cảm tưởng thanh bình Nghiêu Thuấn. Những nhà nho mở tấm giấy hồng điều, nằm khom lưng trên phản trải chiếu hoa, nắn nót ngòi bút lông để khai bút :

« Minh niên khai bút, bút khai hoa »

Những bà mẹ đón người bán trâu đầu năm. Bà già phúc hậu hái những lá trầu mới còn đọng hơi sương đem bán cái lộc tươi cho khắp xóm làng.

Những ai không biết ăn trầu, mua về sợ lộc héo thì mua ít muối để ăn lấy sự mặn mà may mắn cho cả năm. Xong rồi các bà mẹ mặc áo quần mới vào. Gọi là mới, nhưng có bộ đã may cách... vài chục năm, lúc bà mới về nhà chồng, bằng chính tiền « giê » của chồng đi cưới. Rồi mỗi năm « xỏ tay » một đôi lần; hàng tơ quá tốt, nên cứ mới mãi. Các bà bận nguyên cả

cái áo với các nếp xếp, dẫn con cháu đi chúc mừng năm mới ở các nhà bà con thân thuộc và nhân thể dự các thú chơi xuân.

Các hội mùa xuân của làng khá phong phú như đã được giới thiệu từ đầu.

Trước hết vì là dân « Nam Ngãi Bình Phú » (4) nên thế nào cũng phải có « chuyện » Hát Bộ. Làng đã dựng hẳn lên một cái rạp có đủ ban nhạc, ban tuồng áo mão đàng hoàng để cho dân chúng đến xem đồng thời để bói tuồng. Sự thật, ở nhà người ta cũng đã dở tuồng, dở truyện ra bói. Những người có học thức nhiều sẵn sàng giải đáp cho những ai muốn bói Kiều, gọi là « Túy Kiều bốc nghiệm ». Ở tuồng và truyện, số phận cá nhân nằm trong câu văn câu thơ. Còn ở trường hát thì số phận nằm trong những cái mặt đồ của vai trung hay bộ râu còi của thằng nịnh mà người ta bắt thần gặp phải khi thoát bước vào trường hát. Bởi sợ khán giả phải gặp nhiều loại mặt nguy hiểm hay những cảnh chết chóc làm « đông » cả năm nên việc chọn tuồng cũng cần thận, tránh những tuồng có quá nhiều nhân vật hay cảnh tượng xui xẻo. Những tuồng thường đóng đầu năm là *Trương Cồ Thành* (Trương Phi ở Cồ Thành) *Huê dung lộ*, *Sấm Bành*, *Đình Lưu Tú*, *Ngũ Hồ* v.v... Tiếng trống châu sẽ vang lừng dội tới rừng sâu làm rộn rịp những trái tim non của những cặp trai gái đang tơ cũng như làm sừng sốt cả loài thú dữ.

Đã có Hát bộ thì — theo cái hệ thống Nam Ngãi Bình Phú! — lại phải có Bài chòi.

Bài chòi xuất phát từ bài trũng, bài tới. Loại bài này có đặc điểm: từ xưa nay, ta chơi bài hề không dùng bài Tàu ắt lại dùng bài Tây. Chỉ riêng loại bài này là sản phẩm sáng tạo thuần túy Việt Nam, ẩn loát trong các làng Việt Nam mà

(4) Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-dịnh, Phú-yên.

công dụng và khả năng phổ biến thì có lẽ chưa hề có loại bài bạc nào sánh kịp về phương diện tao nhã, sang trọng, đường bệ và đầy nghệ thuật đến thế. Trước tiên, loại bài này chỉ dùng để đánh bài tới trong gia đình, giữa bạn bè:

Nghe về, nghe về

Nghe về bài tới

Cơm chưa kịp xới

Trầu chưa kịp tèm

Tôi đánh một đêm

Thua ba tiền rưởi

Về nhà chổng chửi

Thằng Mốc, thằng Quảng

.

(Về Bài Tới)

Từ bài tới, bước ra đường xóm, giữa ngã tư, nó chêm chệ lên hàng *bài ghế* hay *bài chòi ghế*, ở đây, người ta đã dầy cỏ trên một khoảng rộng, sắp đặt ít chục cái ghế cho khách du xuân. Phía trước các ghế, trên một bục cao, có cái bàn, ống thẻ, người hô bài đứng ở đó để đọc tên những con bài y mới rút ra khỏi ống. Thẻ thức như hết bài chòi, chỉ có thu gọn lại thôi.

Bài chòi là sự thành công tốt đẹp của môn bài này. Tuy không đủ nghi vệ, phương tiện sang trọng như ở phố phường, Làng cũng dọn sẵn một khoảng đất rộng cạnh chợ để làm chỗ dựng chòi. Chòi gồm mười hoặc mười hai cái, cao độ hai ba thước, lợp bằng tranh, trong có ghế dài cho một gia đình nhỏ ngồi, trước có treo mỡ và có khi còn treo cả chiếc sáo vẽ hoa cho các cô gái bỏ xuống để khỏi thẹn thò. Muốn lên chòi, người ta bắc một cái thang nhỏ. Hai dãy chòi đối diện nhau. Ở đầu sân, trước chỗ dựng chòi, có lợp một ngôi nhà để ban tổ chức làm việc. Phía trước có bục cao, trên bục có ống thẻ bài và người hô bài rút ra từng thẻ, rồi dùng những lời thơ để trình bày nhưng cốt ý

gây sự hồi hộp cho mọi người đang nắm chặt ba con bài trong tay. Chẳng hạn khi hô con Học-trò :

Đi đâu ôm tráp đi hoài,

Cử nhân không thấy tú tài cũng không.

(là con Học-trò !)

Ở chòi có con bài học trò, chủ nhân đánh vào ba tiếng mõ « cốc, cốc, cốc ». Người ta sẽ mang đến một lá cờ nhỏ. Khi đủ ba con, người ta thay bằng lá cờ đỏ lớn. Như thế gọi là tới, có đốt pháo đề mừng khi lá cờ đỏ treo lên reo vui trong gió... Về lối đánh bài chòi, bạn đọc có thể tìm thấy những trình bày tỉ mỉ trong *Tân Văn số 1* hay cả trên một *Tập san Sĩ Địa* Tết cũ. Tôi chỉ nhắc lại các điểm chủ yếu để bạn đọc theo dõi được toàn thể các cuộc chơi của Làng. Tôi cũng nhắc thêm cho bạn đọc điều này : bài chòi tuy thanh mà cũng không thiếu gì lúc hài hước hoặc... hoang mà người ta hô rống lên giữa đám hội cốt để giải trí, gây một tiếng cười, chứ thực tình chả phải có ý gì khác. Chẳng hạn hô con Nghèo :

Tay bưng đĩa muối sàng rau,

Anh chấm, em chấm, chấm mau (kẻo) hết dầu

(là con Nhì Nghèo)

hay con *Nọc Thược*

Năng cường, năng nhược

Năng khuất năng sanh

Nó thiệt cục gân

Ngồi gần con gái trần trần chẳng xiu

(là con Nọc Thược)

Tiếng trống, tiếng mõ khoan thai hay rộn rã hòa hợp với màu sắc những cây cờ đuôi nheo phát phơ tạo nên không khí khác lạ không chỉ nâng loại bài bạc này lên hàng nghệ thuật mà còn tới tột đỉnh của ý nghĩa giải trí có tính chất « tiên phong đạo cốt », nhất là vào lúc ban đêm lập lòe ánh đuốc soi nửa mặt hoa nghiêng nghiêng trên những mái lều cao...

Rời khỏi Bài Chòi, các bạn có thể đến xem trường gà. Nhưng tôi tưởng môn này thì các bạn ở thành phố không lấy gì làm lạ. Nghe đâu ở Sài-gòn hiện nay đá gà cứ khôi lắm... Tôi cũng lại không dẫn nốt các bạn đi theo những đoàn săn đầu năm. Họ họp nhau ở nhà những « chủ lưới » đề cúng thượng sơn hạ thủy rồi dẫn chó, mang lưới lên đường... Những trò này sẽ lặt lẻo so với cuộc Vây Hội tung bừng đầy hùng khí tôi sẽ trình bày ở sau.

Bây giờ tôi mời các bạn ghé bước qua một đám đất rộng khác dành cho các loại đu.

Có bốn loại đu chính : đu tiên, đu bầu, đu ngô và đu rút.

Đu bầu là loại đu theo kiểu quen thuộc ở miền Bắc qua thơ Hồ Xuân Hương :

Tám cột khen ai khéo khéo trông,

Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông.

Loại đu này, bạn nào hay xem xiếc thường vẫn thấy, chỉ khác là cái cảnh :

Trai khom gối hạc nâng nâng nhấc ;

Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng.

thì làng không có. Vì chưa có cô gái nào đủ can đảm leo lên đánh bông giữa trăm con mắt tò mò, mặc dù trong bọn họ có cô can đảm đến độ vác cả con trai mà chạy vào rừng ! Chỉ có, một lần, để thay đổi không khí, người ta bắt một cậu trai hóa trang làm phụ nữ leo lên đánh cặp với một đấng râu mày thứ thiệt. Thiên hạ cười bẽ ruột khiến cô-gái-giả luống cuống rồi dây du rút xuống chết giắc. Từ đó, chả chàng trai nào còn đủ can đảm ... làm gái nữa.

Gần đu bầu, còn đu tiên. Đu giống hệt hình cái xe đạp nước (loại xe đạp nước thường thấy ở một số tỉnh miền Trung). Bánh xe đường kính khoảng dưới ba thước gồm hai

vành ráp lại, cách khoảng nhau một thước. Trên phần trống giữa hai vành có chừa tám khoảng cách, trên mỗi khoảng đóng một thanh gỗ treo hai sợi dây nâng một tấm ghế đề ngồi. Phía dưới bánh xe, người ta đã đào sâu vào lòng đất để những ghế ngồi khi quay xuống dưới khỏi chạm mặt đất. Trên tám cái ghế dây ấy có đặt tám người theo tích *bát tiên*. Tám vị tiên ăn mặc rực rỡ, sắc phục và trang bị giống hệt những Hà Quốc Cậu, Lữ Đồng Tân, Lý Thiết Quỳ, Hà Tiên Cô theo hình vẽ trong tranh Tàu. Ở hai bên bánh xe, có những người nông dân ngồi trong những chỗ đặt sẵn theo sự thuận lợi mà đạp cho bánh xe quay. Thế là tám vị tiên cứ nhón nhơ phô trương hình dạng của mình như các nam nữ thanh niên ngày nay diện trên xe hoa. Chỉ khác một điểm là xe hoa thì đi trên đường dài, còn du tiên thì chạy mãi trên... một chỗ ! Quay quanh một cái trục khá lớn suốt ngày. Để thay đổi không khí, các vị tiên thường thay đổi áo quần rực rỡ luôn cho lạ mắt.

Hết du tiên là du ngô. Loại du này nói cho đúng chỉ là một lối làm...xiếc. Trên một cây cột trồng thẳng, người ta đặt ở giữa một cây gỗ nằm ngang có thể xoay tròn rồi hai thanh niên ngồi lên hai đầu mà xoay, càng nhanh chừng nào, càng giỏi chừng đó. Thú vị hơn là được xem trẻ con đu rút. Trên một giàn gỗ như khuôn gỗ bóng tròn có dựng một cây tre. Trên cây tre có sợi dây có thể rút lên, rút xuống. Trẻ con nắm sợi dây ấy, chân đạp vào lan can mà rút mình lên từ từ. Cho tới khi lên đến điểm cao, cậu bé ngửa mặt ra liếm những đồng tiền treo trên đó. Trúng thì được thưởng, trượt thì thôi. Nếu lỡ tay rơi xuống thì cũng không đến nỗi gãy tay. Vì dưới đất đã có lót nhiều lớp rơm dày đủ sức bảo đảm cho cái lưng cậu bé tham tiền. Để làm trò cười, người ta còn dựng cột mỡ cho những anh chàng cời trần trùng trực leo lên trượt xuống, cho tới khi lấm đất, cát tràn mình mới vươn lên tới ngọn được và quơ vôi lấy phần thưởng :

Tham tiền, cột mỡ lấm anh leo

(Nguyễn Khuyến)

Còn những trò chơi khác ở trong làng, ở trong xóm... Nhưng phần nhiều là của tư nhân. Chỉ có những trò chơi công khai, rộng lớn là do làng đứng ra tổ chức, chịu tốn kém để giúp dân giải trí trong dịp đầu xuân.

Và trong dịp đầu xuân, tiếng trống, tiếng mõ tiếng cười nhộn nhịp lẫn giữa hai tràng pháo, giữa những màu áo rực rỡ, giữa những màu cờ đuôi nheo ở làng, màu phướn phát phơ ở chùa... người ta có cảm tưởng đó là tất cả vẻ đẹp cổ kính của thái bình...

Nhưng chắc bạn vẫn quả quyết nó chỉ có đa dạng tính chứ chưa có đặc thù tính, nghĩa là chưa có đủ bản sắc của núi rừng...

Nếu bạn đòi hỏi quá, e sẽ có anh chàng hoang nghịch lạng lẽ dắt bạn đi sâu thêm một chút vào miền có núi non nhiều hơn để xem các cô nàng tắm mát đầu xuân. Họ sẽ chỉ cho bạn thấy ở nơi một bờ giếng gạch xa xa, một cô gái vào độ thanh xuân đang

...trong ngọc trắng ngà,

Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.

(Nguyễn Du)

và nàng không chút bận tâm mức từng gàu nước dưới giếng lên xối trên mình cũng như nàng không chút bận tâm khi thấy có anh trai làng dừng lại đó rửa chân hay mức nước cho trâu uống. Trước cảnh hấp dẫn kiểu Thụy-diễn ấy, bạn làm sao khỏi nóng lòng đi... rửa cặp chân vốn dĩ rất sạch sẽ của bạn và bạn yên trí sẽ được đối thoại với người đẹp như anh nông dân kia. Chao ôi ! Chao ôi ! bạn sẽ lợi dụng tất cả cái khôn của cặp mắt lạnh-như-chớp trời ban cho mà quan sát đến mức tối đa, chứ đâu có ngu ngơ như anh chàng ù lì nọ. Nhưng tôi dám khuyên bạn... Chính vì những cặp mắt lạnh-như-chớp đó của bạn mà chỉ cần thoáng thấy bạn, thấy bóng dáng của bạn thôi là cô gái sẽ túm-tùm-tum hết áo quần để mặc vào mình. Và anh nông dân bạn cho là ngu ngơ sẽ tìm cách lấy thân che chở cho cô gái để tránh

nhờn quan nguy hiểm của bạn. Còn con trâu?... Nó sẽ bỏ chạy vì đánh thấy mùi xà-phòng « hôi nặc » trên mình bạn. Bạn sẽ cho là tôi kể chuyện mơ hồ trên thượng du. Không, đó là chuyện của những xóm làng sinh ra các ông Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và đến năm 1954, tôi vẫn còn bị từ chối, không được gia nhập vào hàng ngũ *thong dong rửa chân* bên bờ giếng dù chân tôi rất nhớt. Bạn thấy chưa! Bạn vẫn ca tụng lối tắm của dân Nhật và cho là đặc biệt. Thì dân ta họ cũng tắm như thế, có khác gì đâu! Cũng đàn bà tự do lỏa thể trước mắt đàn ông. Chỉ khác có lẽ vì đàn ông Nhật có cặp mắt thành thật tự nhiên, còn cặp mắt của đàn ông ta quá diên đảo nên cái một tân tiến nhất của thế giới kia đành dừng lại ở cửa núi rừng không lan xuống trung châu được.



Nhưng bạn đừng nóng ruột. Ở đây, trước sau gì rồi bạn cũng sẽ được hưởng một Hội Mùa Xuân kỳ lạ nhất trong tất cả những hội mùa xuân đặc sắc nhất của dân tộc.

Và nhất định không lâu lắm đâu. Nó chỉ xảy ra đúng trong tháng Giêng của những năm... 1945 trở về trước — thời cộc còn không lạ lắm với người cận sơn.

Về mùa Xuân riêng có tháng Giêng, sương mù từ trên núi bò xuống các đồng ruộng gần đấy và che lấp cả những hình dáng trâu bò cùng lũ mục đồng. Vào một buổi sáng nào đó sẽ có những tiếng kêu vang dội xóm làng :

— Bớ làng ! Bớ làng ! Cộc ! Cộc về ăn thịt bò tôi !

Tiếp theo tiếng kêu, tức thì tiếng chân chạy rầm rập, tiếng trống mõ khua động, tiếng gọi nhau ới ới ! chỉ một lát sau, những toán dân làng đã được thành lập, mang đủ loại vũ khí khác nhau vào vây bọc ngọn núi nghĩ là cộc đang tạm thời nấp ở đó để còn mưu toan lần theo sương mù gây ra những cuộc đánh cướp trâu bò khác. Tạm thời,

người ta khiêng những tấm phen, tấm lợp, mang các tay lưới sẵn heo rừng ra giăng tứ tung, cốt ý không cho cộc trốn sang những dãy núi cao ở phía Trường-sơn. Vì khi thoát lên các dãy núi ấy thì coi như dân làng đã bị nó hạ nhục rồi.

Tất cả trai tráng, ông lão, cả những cô gái gan dạ cũng đều góp phần vào việc ngăn chặn đường rút lui của cộc. Lý hương đốc thúc tích cực việc bao vây và khám nghiệm xem có đích là con vật bị giết chính là do cộc hay con vật nào khác. Vì nếu không phải là cộc thì cuộc săn bắt đôi khi mất lý thú, hào hứng hoặc có lúc còn làm trò cười cho thiên hạ.

Khi xem như vòng vây tạm đủ để cộc hết lối thoát, một đoàn dân của làng được phái lên để thám thính cho biết đích xác hiện cộc còn ở đó không, hay đã tẩu thoát về phương nào khác. Sự do thám này rất cần. Vì rồi đây, không chỉ làng đảm nhận việc bao vây mà còn nhờ sự góp sức tích cực của các làng khác, có khi cả tổng nữa ? Một khi các đạo dân làng khác mang khí giới tới để hì hục thức suốt những ngày, những đêm dài nhọc nhằn với kết quả là... cộc đã biến đi từ bao giờ là cả làng sở tại phải bị phạt vạ. Vạ tuy nhẹ, chỉ đến mang mâm trâu, cau, rượu ra tạ lỗi và giết heo thết khách, nhưng danh dự của làng và trai làng sẽ còn lại những gì ?

Cho nên các ông lý hương phải kêu gọi sự góp sức hăng hái của một đoàn thanh niên. Những chàng trai gan dạ mang khí giới đến nhận lời ; nhiều anh chàng chả chút gan dạ gì, nhưng bị kích thích cũng mang dao mác đi theo, thật ra, đối với các tay thợ săn, việc thám thính này chỉ là một việc... như các việc khác. Họ dẫn năm ba người đi lên núi. Dấu vết cộc để lại dễ thấy vì nơi nào nó chạy đi, lá cây cũng cúi rạp theo ngã ấy. Cho tới một lúc nghi là nó không xa lắm, một người liền leo lên cây để theo dõi. Biết chắc hiện cộc đang ở đâu rồi, lập tức họ rút lui để báo cho lý hương biết.

Lúc bấy giờ, dân làng cũng đang tìm cách giữ vững « trận địa » bằng những lưới, phen, dao mác. Họ cho chặt

những cây lớn ở chung quanh để rút hẹp bớt phần nào vòng vây. Một kinh nghiệm cần thiết : chỉ chặt cho cây ngã vô núi chứ không cho ngã ra. Vì cọp rất khôn : hề thấy cây ngã ra là lập tức nó nương theo hơi gió, đánh một phốc vút theo lá cây ra ngoài. Và như thế là xem như mất hút nó rồi.

Khi lý hương được trai tráng của làng về báo cho biết tin cọp, lập tức trống mõ im vắng từ nãy giờ liền ầm ĩ, inh ỏi nổi lên. Đây giờ mặc sức ai có món nhạc khí nào như thùng thiếc, tấm sắt, tấm thép v.v... bất luận loại gì có âm thanh vang động thì cứ tự do dùng. Cũng lập tức, lý hương cho phi báo các làng, phó tổng, chánh tổng bằng « võ lửa lông gà ». Đó là một hiệu lệnh thuộc loại tối-tối-khẩn. Trên một cái roi tu, người ta cột một cây củ tàn và một nhúm lông gà. Người dân nào mang « võ lửa lông gà » đi thì gặp ghe gọi ghe, gặp ngựa mượn ngựa, bất cứ phương tiện cần thiết nào, dù đồ ra giữa dòng cũng lập tức phải quay đầu... Nhưng sự thật, vùng này làm gì có đồ, mà ngựa thì là vật sở hữu của các ông lớn, do lẽ đó, họ đành chạy... bộ.

Lý hương các làng khác được tin « võ lửa, lông gà » lập tức nổi mõ trống kêu gọi dân làng. Lệ ở làng, đánh trống ba hồi thông thả lại ba dùi là thái bình, còn đánh hồi một rất gấp là có cấp báo, dân chúng phải tề tựu ở đình với khí giới. Những anh hương dịch, hương kiểm cũng lập tức cho người xách mõ đi kêu gọi phụ trợ. Nhưng sự thật, dân chúng đã biết việc gì đang xảy ra ở làng rồi. Ngay từ sáng, họ đã « đánh hơi » thấy việc ấy, đã cho người đi « thám sát » rồi khi nghe mõ trống từ xa vọng tới, thấy dáng anh dân tuần vác « võ lửa lông gà » sang làng mình là họ đã chuẩn bị sẵn sàng. Họ xách những tay lưới lớn, loại lưới đánh bằng dây gấm to hơn ngón tay cái để săn heo rừng theo. Lưới này, chỉ hơi ngán phần nào đối với các chú heo khoẻ mạnh, răng nanh bén ngọt chuyên cẩu xé, chứ cọp mà va vào là cứ nhùng nhằng nhùng nhăng rồi chờ người đâm chết. Họ cũng đem theo những tấm *khại* là đan bằng tre sưa vừa đủ

sức một người mang đi. Trên tấm *khại*, bao giờ cũng có giắt theo một mớ lát mỏng — loại lát nhỏ buộc bó mạ — đã chế sẵn từ trong năm để chờ tháng Giêng đi vây cọp. Vũ khí thì gồm có dao sắt là loại dao cán gỗ, trên đầu có lưỡi bằng sắt bén nhọn mà quân lính xưa vẫn dùng, dọc ngành là loại dọc trên có lưỡi sắt và nơi đầu lưỡi có ngành như lưỡi câu, đâm vào là mắc cứng. Thông dụng nhất là dao sào, tức là cây tre cứng vót nhọn kiểu gậy tầm vông. Dao sào tuy đơn sơ, nhưng có công dụng rất lớn. Cọp có thể bẻ những loại dao móc tức dao sắt, dọc ngành nhưng không bẻ được dao sào. Và dao trơn, bén, gọn gàng, nơi nào thọc vào cũng được nên rất tiện dụng.

Khi dân làng và lý hương lên đường, họ không chỉ mang theo những thứ để vây bắt và giết cọp mà còn có những người gánh theo đủ chén bát, nồi niêu để lo việc cơm nước. Tiếp theo đó là những người gánh tre, tranh để... đóng lều, lợp trại. Người dọc có lẽ ngờ ngác hỏi : họ còn thì giờ đâu mà tính chuyện ăn, chuyện ở cẩn thận như ngày nay chúng ta đi đóng trại vậy ? Quả đúng như thế ! Họ đang đi đóng trại, một cuộc trại có khi đôi ba ngày, có khi năm bảy ngày, hoặc hơn nữa,... tùy theo tình thần, khả năng và cơ mưu của con vật đối chiến. Nhưng vẫn chưa lạ lòng đâu ! Đây này, bạn còn thấy những lớp bà già, gái tơ, trẻ con xách theo bình nước, hũ mắm, nồi trã, chiếu chần đi đâu mà ồn ào tấp nập thế ? Chẳng lẽ họ đi săn cọp bằng những dụng cụ kỳ quặc đó ? Đúng thế. Họ đi theo đoàn săn cọp, vây cọp, nhưng không phải để đâm, để chém mà để... coi. Coi từ khi mới đến cho tới ngày về. Và họ chỉ xếp đặt để lại một người giữ nhà, còn nhất tề kéo rốc nhau đi hết, nhất quyết ăn thua đủ với chúa sơn lâm... hay đúng hơn để dự một hội mùa xuân tung bừng ồn ào, vang động, cuồng nhiệt. Đúng như thế : cuồng nhiệt nhất !

Khi tới làng, đoàn người dừng lại để cho lý hương đi tiếp xúc với nhau. Lúc bấy giờ ở làng trại lớn, trại nhỏ cũng đã dựng lên đầy đủ rồi. Trong các chòi, dân làng mang khí giới

vô ra tấp nập. Tại trại chính, các ông lý hương đang gân cổ truyền lệnh. Trong trại lớn, dân làng gia đình nào theo gia đình đó, đã chia nhau chỗ nấu cơm, nấu nước; bà già con gái tùm nhau nói chuyện, bàn tán về con cọp đầu xuân. Bây giờ thì các đoàn người ở các làng khác cũng đã lần lượt tề tựu đông đủ. Khoảng năm, sáu làng có mặt. Thế là họ tùy theo khả năng và sự thuận lợi của từng làng mà chia khu vực. Làng nhận lãnh khu vực rồi thì dẫn nhau đến *phòng tuyến* dành cho mình rồi chia cho các *phái* (tức thôn) đem dân binh ra trấn giữ. Trong khi đó, những ông già, trẻ con, những người yếu đuối đảm nhận việc dựng trại, cất lều. Chỉ giấy lát, quanh ngọn núi, nơi nào cũng có chòi, trại và dân binh cùng dân làng, đàn bà trẻ con nườm nượp với những áo quần sạch sẽ, có khi điếm cả màu sắc mùa xuân chẳng khác gì đi trẩy hội. Trong khi đó, trống, mõ, phèng la, thùng thiếc, pháo tống, pháo con nòi lên tứ tung. Tiếng hò, tiếng reo vang lừng bốn hướng, khí thế đúng hệt một đại quân đang vây hãm thành trì.

Thực sự, cuộc *vây hội* bắt đầu!

Cũng bắt đầu từ đây, dân các làng, không phân biệt, phải quăng tất cả lưới ra. Những tấm phên, tấm khai được buộc chặt vào nhau. Thiếu thì phải chạy sao cho đủ để không chừa một khoảng trống nào cọp có thể lợi dụng tuông ra được. Trong khi những người buộc phên, lưới, khai làm việc thì lý hương cho vác những cây tre lớn tới, xỏ hai ra để làm róng cột cho chắc chắn từ dưới lên trên như một bức thành. Phía dưới chân *tường tre* là những cây gỗ lớn gọi là *gầm* dùng để phụ cho tường vững chắc và dùng nó để thắt vòng thông lọng mà bắt cọp sau này. Công việc buộc bức tường vòng quanh chân núi đòi hỏi phải được kiểm soát chặt chẽ. Người ta còn cần thận hơn để đối phó khi cọp nường hơi gió bay ra. Cọp vốn nhảy rất cao và khi nhảy lên đầu tường, nó lập tức bám vào đó, lấy đà rồi tung mình ra ngoài. Kinh nghiệm nhiều trăm năm cho biết: trên đầu tường, không thể dùng loại cây cứng mà chỉ nên dùng loại cây rất

mềm, càng mềm chừng nào càng tốt chừng đó để khi nó phi thân lên bám vào, sẽ rớt đánh bịch xuống ngay. Để phòng cọp phá tường mà ra, người ta đã dùng lưới. Như đã nói trên kia, chỉ heo rừng mới đủ sức phá lưới, chứ cọp thì càng bám vào, càng nhùng nhằng rồi bị đâm chết. Hoặc cọp sẽ phá khai, phá phên. Điều này vẫn thường xảy ra: cọp từ trong tuông ra. Gặp những tấm khai, nó giơ hai chân trước bấu vào đó, rồi banh ra cho rộng; xong nó dứt cái đầu ra ngoài. Đầu cọp vốn to hơn mình nên hễ cái đầu mà chui ra được rồi thì nó dùng cẳng sau đánh một phốc là cả cái mình dài thườn thượt cũng bay theo ra. Trường hợp nó vừa dùng móng sắc bấu vào khai là lập tức những dân binh cầm dao sào nhất tề đâm cả vào, cọp kinh hoàng sẽ rút lui ngay. Để phòng mọi mặt cần thận như thế rồi, bây giờ chỉ còn công việc là buộc thật chặt bức tường tre, càng nhiều dây lạt chừng nào, càng tốt chừng đó. Đồng thời đưa lần bức tường vào sâu trên núi. Muốn thế, phải đẩy, tức là dùng rựa liềm (hay câu liềm) bén, đưa nó vào chân những cây cối nhỏ bên trong kéo cho ngã lần xuống hết rồi cứ từ từ đẩy bức tường theo.

Kể từ đây, giờ chết của con cọp dữ chỉ còn đếm từng ngày, từng giờ theo cái đà thời gian thu hẹp bức tường. Chúa Sơn-lâm có lẽ đã biết rõ số phận nào đang chờ đợi nó.

Trong khi đó, ở bên ngoài bức tường là sự sống, sự sung sướng, sự hoạt động hết mình của Loài Người trong lúc chờ cái chết của Loài Vật. Các ông chánh tổng, phó tổng cũng đã tới trên lưng ngựa. Các ông không đến một mình mà có cả gia đình. Tri huyện sở tại cũng dắt cả nội tướng, các cậu ấm, cô chiêu đến. Họ được tiếp đón ở những cái trại riêng, sang trọng hơn và được hầu cơm nước đằng hoàng. Các lý hương bây giờ đã rồi rảnh, chia nhau tán dóc và uống rượu để chờ tin chiến thắng. Còn dân chúng thì lợi dụng cơ hội này để bày tỏ hết cả niềm vui lớn lao của họ. Bọn thanh niên mạnh ai nấy đập trống, đập mõ, đập phèng la, mạnh ai nấy hò hét càng âm ỉ chừng nào càng tốt

Cho tới khi cặp mắt rực sáng của cạp hiện ra, vài anh dũng sĩ hơi...run, nhưng nhờ tinh thần tập thể, nhất là nhờ sự bình tĩnh của anh chỉ huy mà họ vững lòng. Anh chỉ huy vẫn nắm chặt vũ khí nghiêng ra phía trước và quắc mắt nhìn cạp. Cạp găm lên. Anh giơ tay trái tới phía trước, lớn tiếng mắng như ta mắng chó :

— Cạp không được hỗn.

Con cạp tuy dũng mãnh, nhưng có lẽ hoặc thấy người đông, hoặc thấy vũ khí đã được đề phòng không thuận lợi cho nó, hoặc thấy tiếng rống chẳng làm ai nao núng nên chính nó nao núng. Nó găm lên, quay mấy vòng làm đồ gãy cây cối, làm cho cả vùng rừng núi rung rinh, cáo sóc hốt hoảng nhảy lung tung rồi... cút mất.

Thế là sứ mệnh đoàn dũng sĩ đã hoàn thành. Họ trở về trong vinh dự, uống chén rượu thưởng công.

Bây giờ thì những tay săn lành nghề chuẩn bị những sợi dây lớn, thắt hình thông lọng, sẽ buộc theo bức tường tre, tựa vào các cây gắm to lớn, nặng nề để dùng khi rút thông lọng. Lối treo thông lọng ấy tùy theo sáng kiến cá nhân, nhưng phải theo qui tắc là khi cạp mắc, chỉ được mắc vào cổ, chứ không được mắc vào chân. Vì mắc vào chân cạp thì sức đâu mà rút cho nổi, không chừng nó lại tụt ra, rồi chờ cơ hội không ai đề phòng, đánh một phốc nhảy ra ngoài, lủi mất. Xong việc chuẩn bị thông lọng, người ta lần lượt đẩy các bức tường vào. Dưới bức tường những cây gắm to lớn, nặng nề cũng được đẩy theo.

Thường thường, khi bức tường đã được đẩy tới một nơi tương đối cố định, nghĩa là chỉ chừa chừng ba sào đất để cho cạp tự do hoạt động thì dừng hẳn lại. Bấy giờ, các thông lọng được chủ nó buộc vào một đầu sào, giờ qua các ngách cây lớn, các kẽ hở giữa hai cây cứng rắn... nghĩa là liệu cái thế cho tới khi thất cổ, cạp muốn vùng vẫy cũng không vùng vẫy nổi. Những thân cây gắm mang theo có khi dùng để chôn đứng cho đủ số cạp làm điềm tựa mà treo thông lọng. Các cây khác thì

được dùng để buộc vào đầu dây; dùng để rút khi thất cổ cạp.

Công việc chuẩn bị như thế tạm gọi như đã yên.

Đến đây, nhiều bạn đọc đoán chắc là dân làng phải nóng nảy, mong muốn làm sao bắt ngay cho được cạp để trừ một đại họa và mau mau trở lại đời sống bình thường.

Không đúng. Tâm lý hầu hết của những người dự Vây Hội là vừa mong tóm được cạp, vừa mong cuộc vây kéo dài. Bởi vì đây là một thứ Hội Chợ náo nhiệt, cuồng nhiệt một năm mới có một đôi lần. Trong Hội Chợ này, thôi thì trai gái đủ các làng mang mặt tới để xem người ta và để người ta xem mình, để chọn ý trung nhân, để liếc mắt đưa tình, để vác con gái chạy biến vào rừng... Bọn đánh bạc thì cứ mở sòng, bọn thích hát hò cứ tự do dựng rạp, bọn buôn bán tự do cất cỗ khách mua, ông già tự do uống rượu nghe chuyện tặc, bà già tự do run sợ... Đã thế mà còn tổng, lý, quan lại, lính tráng ai cũng như ai, cũng bị sự lôi cuốn, hấp dẫn kỳ quái, ma quái của hơi cạp làm cho chẳng còn nhớ gì kỷ lưỡng địa vị của mình mà chung vui thỏa thuê cùng dân chúng và chứng kiến bằng nụ cười thông cảm mọi vi phạm luật pháp.

Nhưng dù mong gì thì cuộc vây cũng đã tới buổi cuối cùng khi cạp không trốn né nữa. Mà dù nó trốn né giỏi tới đâu, dân làng cũng có cách làm cho nó phải xuất hiện. Mổ, trống, phèng la, thùng, đá gạch rồi pháo. Pháo từng tràng dài được đốt lên, ném vào tứ tung. Cạp dù bình tĩnh tới đâu mà nghe đến thứ tiếng nồ này là cũng hồn vía lên mây ! Thôi thì co chân lên cổ mà chạy. Nhưng nhiều con rất khôn cứ theo lối chữ thập mà chạy, nghĩa là hết bên dọc lại sang bên ngang chứ không chạy vòng theo tường tre. Tuy vậy, cứ đốt pháo già ném vào giữa, nó mất tinh thần phải chạy vòng quanh là trước sau gì cũng bị. Khi cái thông lọng trúng vào cổ, nó chưa kịp vùng vẫy thì cả đám dân binh đã đổ ụp tới nắm đầu dây ngoài này mà rút rồi lẩn cây gắm để buộc cho chặt hơn. Lũ chó săn cắn ầm cả lên. Và trong khi con cạp

vùng vẩy rỗng găm, búng hết sỏi đá dưới chân thì lạnh như chớp vài dân binh đã đồ tới dùng dao đâm vào cổ cộp. Bạn đọc có lẽ cho là kẻ đâm đó có công lớn hơn hết. Sự thật, không phải. Trái lại, người ta còn cấm đâm tiếp vì muốn bảo vệ bộ da quí giá.

Công đầu về việc bắt cộp trong ngày Vây Hội dành cho kẻ nào buộc được thông lọng. Đã buộc chặt cổ cộp rồi thì trước sau gì nó chả chết. Đâm chỉ là phương pháp làm cho nó chết gấp hơn mà thôi.

Kẻ giữ thông lọng được ghi công phần thưởng là bộ xương vai, tức là khoảng thịt ngon nhất của cộp. Bởi thế, phái nào cũng căn dặn người trong phái mình canh gác cho vững, cho bền, cho tích cực để tranh thủ công đầu. Không phải vì miếng thịt xương vai ngon hơn hết mà là vì cái vinh dự lớn lao, đẹp để dành cho phái, cho làng.

Và khi tin cộp bị giết tung ra, tức thì tất cả các làng với lớp lớp dân chúng ăm ăm đồ tới. Người ta reo, hò, hét, la làng la xóm, chửi tục như một bọn điên rồ.

Cuộc Vây Hội chấm dứt bằng sự cuồng nhiệt như chưa từng thấy.

Nhưng dù cuồng nhiệt đến mức độ kinh khủng nào, lý hương các làng cũng không quên một công việc quan trọng : lấy đuốc đốt ngay bộ râu cộp trước sự chứng kiến công khai của toàn thể mọi người.

Người ta sợ những kẻ có dã tâm xấp trộm những râu kia về làm độc dược hay luyện những thứ tà trùng, tà ngải dùng để ám hại kẻ thù. (5)

NGUYỄN VĂN XUÂN

(5) Muốn xem thêm những khuôn mặt lạ, những hoạt động khác thường, trong các ngày Vây Hội, xin các bạn đón xem truyện « VÂY HỘI » của cùng một tác giả. L.T.S.

TOAN - ÁNH

Mấy thú vui hội Xuân miền Bắc

Mỗi năm Xuân về, xưa kia ở miền Bắc tại các làng quê đều mở hội mừng Xuân để dân làng mua vui, sau những cuộc tế lễ về tôn giáo.

Trong các Hội Xuân thường có nhiều trò vui vừa để dân làng và dân quanh vùng tranh tài vừa để giải trí cho những người xem hội, người làng cũng như khách thập phương.

Trò vui trong các hội xuân nhiều lắm, ta gọi là trò bách hí, nghĩa là một trăm thú vui. Có thú vui tao nhã của những bậc trí thức, có thú vui ồn ào của tuổi trẻ, lại có cả những thú vui sỗ sàng hoặc bay bướm, nhưng trong thú vui nào cũng bao hàm một ý nghĩa và nêu lên một khía cạnh nào của dân tộc.

Nay nhân dịp Xuân về, đề cùng bạn đọc nhớ lại thời thanh bình với những thú vui xuân đã từng làm rộn ràng bao lòng người, làm hồi hộp bao trái tim, hôm nay chúng tôi xin trình bày cùng bạn đọc một số các trò vui xuân đầy tính cách dân tộc trong các hội hè đình đám miền quê đất Bắc.

Kéo co

Đây là một thú chơi tập thể cổ võ cho tinh thần đoàn kết cũng như tinh thần thượng võ. Thú chơi này có ở nhiều

làng quê dưới nhiều hình thức hơi khác nhau, nhưng tựu chung vẫn có hai bên cùng nhau tranh thắng để kéo về bên mình một vật gì. Trong những cuộc kéo co, có khi đôi bên toàn nam, có khi bên nam bên nữ.

— Làng Hữu-chấp tục gọi là làng Chấp, huyện Võ-giang tỉnh Bắc-ninh, hàng năm mở hội vào ngày mồng 4 tháng Giêng. Trong hội có nhiều trò vui, nhưng trò vui cổ truyền nhất của làng này là kéo co.

Ở bãi trước sân đình có trồng một cột trụ, có dây thừng lớn buộc dài ra hai bên. Thanh niên nam nữ trong làng, bên trai bên gái, xúm nhau vào nắm lấy dây thừng để kéo.

Sau khi hai bên nam nữ đã chuẩn bị nắm vào dây thừng, một vị quan viên chức sắc thường là ông Tiên-chỉ, phát cờ lệnh ra hiệu, hai bên cố sức cùng kéo, trước sự chứng kiến của dân làng và của khách xem hội. Phải cố kéo để làm sao cho cột ngã về bên mình là thắng. Trong lúc hai bên đua sức, dân làng ở ngoài cõ võ, nam mong cho nam thắng, nữ mong cho nữ thắng. Phải kéo cho cột trụ ngã về bên mình, mới được vị quan viên chức sắc tuyên bố thắng cuộc.

Kéo co phải kéo luôn ba keo, bên nào thắng hai keo là được, nhưng dù bên nào đã thắng hai keo đầu, hai bên vẫn phải kéo nốt keo thứ ba cho đủ lệ làng.

Xin nói thêm, những trai gái dự cuộc kéo co, dân làng phải kén trợn trong đám thanh tân.

— Làng Tích-sơn, huyện Tam-dương, tỉnh Vinh-yên ở sát ngay tỉnh lỵ Vinh-yên cũng có tục kéo co. Kéo co ở làng này không giống kéo co ở làng Hữu-chấp. Ở đây là thanh niên hai giáp trong làng thi sức với nhau.

Làng Tích-sơn hàng năm mở hội vào ngày mồng 3 tháng Giêng. Trong làng có hai giáp là giáp Nam và giáp Bắc. Trước đình làng là bãi trống. Cuộc kéo co được tổ chức ở ngay đấy. Dụng cụ kéo co không phải là một cột trụ mà là sợi dây song dài. Tráng đình hai giáp nắm hai đầu dây song, đứng trước

cửa đình, mỗi giáp một bên. Một vị chức sắc ra lệnh kéo co. Trai hai giáp đều cố sức kéo sợi dây song, kéo sao cho đối phương ngã về bên mình là được. Trong khi thanh niên hai giáp kéo co thì dân làng đứng ở hai bên bãi trống, dọc theo hồi đình để cõ võ cho giáp mình. Trong lúc kéo co có đánh trống để thúc giục sự hăng hái của hai giáp.

Cuộc thi sức này, hai giáp cùng nhau kéo luôn ba keo, bên nào thắng hai keo là bên ấy được, và cũng như ở làng Hữu-chấp, dù một bên đã thua hai keo vẫn cứ phải tiếp tục nốt keo thứ ba cho hợp lệ làng.

Sau cuộc kéo co, dân làng đốt pháo mừng bên thắng cuộc. Mọi người tin rằng, bên nào thắng cuộc, giáp bên đó, suốt năm sẽ gặp may mắn trong việc làm ăn.

Còn nhiều nơi khác có cuộc kéo co. Có nơi người ta không dùng cột trụ hoặc dây song, hay bất cứ một dụng cụ gì, người ta lấy tay người và sức người trực tiếp kéo co.

Hai người đứng đầu hai bên nắm lấy tay nhau, tay phải người nọ nắm tay trái người kia, còn các người sau ôm vào bụng người trước, và trong cuộc kéo co, ra sức kéo người trước trở lại. Bên nào kéo được đối phương về bên mình là thắng cuộc? Hai người đứng đầu là hai người đầu dây phải là những người khỏe mạnh. Trong cuộc kéo co, có thể một bên bị đứt dây, nghĩa là trong số những người dự cuộc kéo co, có người ôm người đằng trước không chắc, bị người đằng sau kéo mạnh tuột tay ra. Khi đứt dây, người kéo co có thể lại ôm ngay trở lại người đằng trước, nếu tất cả những người khác ở đằng sau không vì sự đứt dây mất thắng bằng mà ngã ngửa ra. Thường bên nào bị đứt dây là bị thua, vì số người còn lại quăng đầu dây không đủ sức chống lại nên bị đối phương kéo ngã về phía họ. Trong một cuộc kéo co, nếu bị đứt dây ba lần là bị thua.

Có khi hai bên kéo co đều là nam hoặc nữ cả, nhưng có trường hợp bên nam bên nữ.

Những cuộc kéo co bao giờ cũng vui vẻ âm ỹ.

Đánh vật

Vật là môn du hí rất được dân ta ưa chuộng, nhất là giới bình dân. Trong thời bình đây là một môn giải trí, nhưng trong thời loạn, đây là một môn võ thực dụng để tự bảo vệ mình và để giúp nước. Hầu hết các thanh niên đồng quê đều có tập qua một vài miếng vật. Có nhiều làng có những tay đô vật có tiếng như làng Chung-màu, làng Yên-xá tỉnh Bắc-ninh, làng Vị-thanh, làng Lầm, làng Dịch-đồng, làng Hội-hạ tỉnh Vĩnh-yên, làng Mộ-trạch tỉnh Hưng-yên, làng Mai-động, đại lý Hoàn-long Hà-nội v.v...

Đánh vật lẽ đương nhiên phải dùng sức, nhưng muốn chế ngự bên địch, sức khỏe không đủ, cần phải biết thể vật gọi là *miếng* để lừa địch mà ngáng hoặc đội địch lên.

Đánh vật, muốn thắng hoặc phải vật ngã ngựa, danh từ vật gọi là *vật ngã trắng bụng*, hoặc đội bóng địch thủ lên.

Trong hội Xuân, những cuộc đánh vật bao giờ cũng được hoan nghênh. Những làng mở hội thường treo giải vật, gồm *ba giải chính*, nhất, nhì, ba và nhiều *giải hàng*.

Giải hàng là những giải được vật trước khi có vật các giải chính. Trong giải hàng, hai đô vật vào vật nhau, ai thắng là được giải và làng tặng một món tiền hoặc một món quà nhỏ.

Ba giải chính có người giữ giải, và thường chỉ vật vào ngày chính hội. Người giữ giải tức là người nhận lấy cái giải đó về phần mình, ai vật nổi người giữ giải sẽ được thể để giữ. Người giữ giải có thể được giải không cần vật, nếu trong thời gian ấn định bởi làng treo giải không có ai vào phá giải. Thường thời gian giữ giải là ba ngày.

Tại một làng có hội Xuân với giải vật, các đô vật các nơi kéo nhau tới xin vật.

Trong lúc vật, họ cời trần và chỉ đóng một chiếc khố che kín hạ bộ. Cởi trần để đôi bên không thể nắm áo nắm quần nhau gây lợi thế cho mình được.

Khố các đô vật đóng màu hồng điều, màu xanh hay màu vàng, thường bằng nhiều bằng lụa — nhiều, lụa đây chính là những vuông nhiều, vuông lụa họ đã được giải trong các giải vật.

Vật thường được tổ chức trước đình làng, trên một bãi đất.

Trước khi vào vật, hai đô vật, lễ vọng vào đình.

Cuộc vật bắt đầu, các đô vật lên đài, nghĩa là đi đi lại lại múa tay khua chân để rình miếng nhau. Lên đài một hồi họ mới xông vào ôm lấy nhau. Họ lừa, họ dùng những miếng ngáng cho nhau ngã xuống, hoặc dùng đầu đội bóng nhau lên. Có những tay đô vật bị hở cơ, phải vội nằm sấp xuống, bò nhoài trên mặt đất. Địch thủ muốn thắng phải vật ngựa được họ lên. Với miếng nằm bò, tay đô vật gan lì mặc cho địch thủ bày mình, rồi bắt thần trong lúc địch thủ hở cơ, họ lại nhóm đứng dậy để tiếp tục cuộc vật.

Trong lúc hai đô vật vật nhau, các cụ trong làng đánh trống cái làm trịch; lại có một anh tuần đình cầm một chiếc trống bưng đi theo các đô vật, đánh trống sát bên tai họ, nửa như thúc giục, nửa như khuyến khích. Tiếng trống bưng càng mau khi hai đô vật đang cố vật ngã nhau trong lúc gay cấn.

Các cuộc vật các giải chính bao giờ cũng rất hào hứng. Khi vật các giải chính có lệ:

- Giải nhất trong sáu ngoài năm;
- Giải nhì trong năm ngoài bốn;
- Giải ba trong bốn ngoài ba.

Theo lệ này thì ở giải nhất, người giữ giải phải thắng luôn sáu keo, vật ngã sáu đô vật khác nhau mới được giải còn người phá giải chỉ cần thắng luôn năm keo, nghĩa là vật ngã người giữ

giải và bốn người khác nữa là được giải; ở giải nhì, người giữ giải phải thắng luôn năm keo còn người phá giải chỉ cần thắng luôn bốn keo; ở giải ba, người giữ giải phải thắng luôn bốn keo, người phá giải thắng luôn ba keo.

Thường thường giải ba được vật trước, rồi đến giải nhì và sau cùng là giải nhất. Mỗi một giải vật xong, người thắng giải thường được làng đốt mừng một bánh pháo.

Vật các giải chính gay go lắm. Các đô vật lờn nhau từng miếng, người xem ở ngoài cũng thấy thú vị và nhiều khi hồi hộp như chính mình là một đô vật đang dự cuộc vật vậy.

Những ai xưa kia ở Hà-nội ắt cũng đã có dịp đi xem vật ở Mai-động, tờ chức hàng năm trong ba ngày 4, 5 và 6 tháng Giêng.

Làng này thờ bà Lê Chân, nữ tướng Tiền-phong của Hai bà Trưng.

Khi xưa lúc Hán sai Mã Viện sang đánh quân ta, Hai Bà sai bà Lê Chân đem quân chống Mã Viện ở hồ Lãng-bạc. Mặc dầu bà Lê Chân đã chống cự rất anh dũng nhưng không địch nổi Hán quân do chính Mã Viện điều khiển với sự phụ tá của hai phó tướng là Phù-lạc-hầu Lưu Long và Đốc-lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí. Bà Lê Chân phải lui về Mai-động và bị chết ở đấy.

Dân làng Mai-động lập đền thờ bà. Về sau bà được phong làm *Thượng đẳng phúc thần công chúa*. Làng Mai-động ngày nay mở hội *Chơi Vật* sau Tết Nguyên-đán là để ghi nhớ những cuộc thi tuyển tướng của bà ngày xưa mà môn vật đã là một môn quan trọng trong các môn võ.

Đánh phết

Nói đến vật, một môn du hí có từ thời Hai Bà, không thể không nói tới đánh phết, cũng là một môn du hí xuất hiện

đồng thời với đánh vật. Môn du hí này, Hai Bà dùng cho quân sĩ luyện tập, vừa để giải trí vừa để gây thêm tinh thần hăng hái cho ba quân.

Khi đánh đuổi quân Tô Định, Hai Bà có những đoàn nữ binh can đảm và anh dũng không kém những đội binh phái khỏe. Trong những ngày thao luyện, các đoàn nữ binh có một môn du hí đặc biệt vừa âm ỉ vừa làm phấn chấn tinh thần chiến đấu của mọi người : Đó là đánh phết.

Ai đã có dịp xem các đội khúc-côn-cầu biểu diễn, có thể tưởng tượng đến đánh phết một cách dễ dàng, vì môn đánh phết cũng tương tự như môn thể thao khúc-côn-cầu, có điều chơi đánh phết khỏe mạnh hơn, ồ ạt hơn. Quả phết bằng gỗ tròn, to bằng một chiếc bong bóng trâu thổi phồng và nặng độ một người mang vừa sức.

Đề đánh phết, phải dùng những gốc tre được đào cả củ, đánh bỏ hết rễ đi. Một gốc tre dài vào khoảng một thước ngày nay và củ tre uốn khoằm khoằm. Người chơi phết phải có sức mang nổi cái gậy gốc tre, dùng những gậy đó phang vào quả phết bằng đầu củ tre. Quả phết lăn theo sức gậy, và cũng có khi bị củ tre móc kéo đi.

Những người đánh phết chia thành hai bên, nhiều ít tùy theo số người dự cuộc. Phết chơi trên một khu đất rộng, gọi là sân phết, phân làm hai phần, mỗi phần về phía cuối sân có vẽ vôi một vòng tròn hoặc đào một hố có thể lọt được quả phết xuống.

Đánh phết, người bên nọ dồn phết về phía bên kia, bao giờ quả phết lăn vào cái vòng tròn hoặc cái hố của bên kia là thắng. Trong khi chơi phết phải liệu mà tránh những đòn phang rất mạnh vào quả phết, lại phải khéo léo đưa hoặc kéo quả phết về phía sân địch.

Vừa đánh phết vừa tha hồ hò reo cười nói đề cuộc vui càng hoạt động.

Xưa kia, mỗi khi nữ binh chơi phết, Hai bà Trưng thường ngự lãm và thường treo giải cho bên nào thắng.

Khi Hai Bà thua quân tự vận, các tướng của Hai Bà nam cũng như nữ đều chết theo đề toàn trung. Tướng Cao Nguyên sau khi tử tiết, xác trôi về hạt Vĩnh-tường, ở Phong-châu, được làng Thượng-lập vớt lên lập đền thờ.

Đề ghi nhớ thời kỳ oanh liệt của Hai bà Trưng, những làng có đền thờ các vị danh tướng về thời ấy đều có giữ lại tục đánh phết và nhiều làng không thờ những danh thần ấy, cũng có cái môn du hí thú vị này.

Ngày xưa chơi phết thường là đàn bà con gái, nhưng về sau này, dưới thời Pháp thuộc tại nhiều làng như các làng Bích-đại, Thương-lập... Làng cắt trai tráng đóng giả nữ binh để chơi phết trong ngày hội.

Chơi phết rất vui, đúng với câu *vui ra phết*. Trong ngày hội làng, phết chơi ở trước sân đình. Chính giữa sân phết có một vòng tròn là nơi để quả phết trước cuộc vui.

Đánh trung bình tiên

Cũng như các môn đánh Vật, đánh Phết, đánh Trung-bình-tiên là một thú vui rất được các thanh niên miền quê vùng Bắc rất ưa chuộng.

Trung-bình-tiên là một cây gậy dài độ hai sải tay hơn và lúc sử dụng người ta phải ở thế trung bình tấn, nghĩa là hai chân hơi giạng ra và hơi xuống gối một chút.

Đánh trung-bình-tiên còn gọi là đánh roi và trong ngày hội thường hấp dẫn rất nhiều khán giả.

Đánh trung-bình-tiên hai người đấu với nhau, ai đánh trúng địch thủ vào những chỗ nguy hiểm và đánh trúng nhiều thì được coi là thắng.

Trong cuộc đấu, đầu chiếc gậy thường được bịt giẻ để tránh sự nguy hiểm cho các đấu thủ. Đầu bịt giẻ đó lại được nhúng vào nước vôi trắng để mỗi khi địch thủ nào đánh trúng

đối phương sẽ có dấu vết để lại, như vậy người bị trúng đòn nhiều không thể chối cãi được. Vết vôi ở người mỗi địch thủ giúp cho ban giám khảo xét định hơn thua giữa các đấu thủ. Trận đấu gồm nhiều hợp và mỗi hợp tính theo những tác động của các địch thủ.

Lúc đầu, các đấu thủ hoặc mặc quần áo chèn của các võ sinh hoặc cởi trần và mặc quần thất ống.

Chơi trung-bình-tiên phải luyện tập rất công phu, chân tay phải cứng cáp, mắt phải nhanh để lúc giao phong nhìn rõ chỗ ưu chỗ khuyết của đối thủ.

Trung-bình-tiên được các thanh niên nhiều nơi luyện tập, và nhiều xã có những tay roi có tiếng, các tay chơi miền Bắc đều biết đến.

Mỗi nơi có nhiều tay chơi roi, được gọi là một lò roi. Lò roi Ô-mễ, huyện Vũ-tiên, tỉnh Thái-bình đã sản xuất nhiều tay roi cừ khôi. Ở huyện Vũ-tiên còn có các xã Đại-lai, Phúc-khánh cũng có những tay roi đáng kể. Tại phủ Vĩnh-tường và huyện Yên-lạc, tỉnh Vĩnh-yên cũng có nhiều xã có thanh niên luyện tập môn trung-bình-tiên.

Làng Ô-mễ, hàng năm nhân dịp hội làng vào ngày mồng sáu tháng Giêng có tổ chức những cuộc đấu roi và đã tập trung được nhiều tay roi nổi tiếng kéo tới dự giải. Và những khách chuộng môn võ cổ truyền này của người Việt tới dự khán cũng không phải là ít.

Tục truyền rằng thú đánh roi trung bình này có từ đời Vạn-thắng-vương Đinh Bộ Lĩnh. Để luyện tập ba quân và để nhớ lại thời kỳ cờ lau tập trận của mình, vua Đinh Tiên Hoàng đã bắt ba quân luyện môn đánh roi thú vị này.

Môn trung-bình-tiên, ngoài tác dụng là một thú vui của ngày hội, còn giúp cho các thanh niên có một ngón võ tự vệ cũng như để bảo vệ tài sản của gia đình chống những bọn cướp bóc ở vùng quê. Do đó, môn chơi trung-bình-tiên của thời bình đã là một môn võ trong thời loạn.

Với một cây trung-bình-tiên bằng tre đực, một chàng thanh niên có nghề có thể đương đầu được với một bọn cướp không có nghề, hoặc có thể thắng được nhiều tên cướp võ nghệ tầm thường.

Hát hội ngày xuân

Từ trên tôi mới chỉ trình bày về những thú vui Xuân đầy tinh thần thượng võ với sự ồn ào mạnh mẽ của mỗi thú chơi, nhưng bên những trò vui xuân cần đến sức lực ấy, còn có những lối chơi xuân hết sức êm dịu nhất là của những trai gái thanh tân. Đây là hát Hội ngày Xuân.

Hội Xuân là dịp trai gái làng gặp nhau, và trai gái thiên hạ cũng nhân dịp này mà quen biết nhau, nhưng giữa hai bọn trai gái khác làng, phải có cái gì bắt đầu để họ quen thuộc với nhau. Cái gì bắt đầu có là những cuộc hát Hội ngày Xuân, những cuộc hát hội chính là sợi dây vô hình đã ràng buộc nhiều bọn trai gái với nhau và đã hơn một lần nó biến thành sợi xích thẳng để tạo nên những lứa đôi tốt đẹp.

Về hát hội ngày Xuân, miền Bắc có nhiều lối hát khác nhau, nhưng mấy lối hát chính thì phải kể ở miền xuôi có Hát Ví và Hát Quan Họ, và ở miền ngược có Hát Lượn.

Hát ví

Hát Ví là lối hát thông thường nhất ở Trung-du và Trung-châu Bắc-Việt. Ở nhiều nơi về miền Đông Bắc-Việt như ở Hải-dương và Bắc-giang lối hát này còn gọi là Hát Đúm ?

Hát ví có thể được coi như một bài hát làm quen (1). Đây là

(1) Phạm-Duy : Hát hội miền Bắc, Văn đàn tạp chí, số 4, đề ngày 13-7-61.

lối hát của những người mới gặp gỡ nhau và *cuộc hội ngộ có thể được kéo dài (1)*. Hát ví có đối và có đáp, có hát đề gần bó và có hát đề chia tay. *Bài hát ví là một khúc tình ca nho nhỏ và người hát ví thường dựa vào cảnh vật để nói lên tình ý của mình.*

Hát ví trong lúc làm việc và cũng hát trong những đám hội, nhất là về vùng Bắc-giang.

Ai đã có dịp đi qua con đường cái quan mà hai bên là đồng ruộng. Trên đường, khách bộ hành qua lại; dưới ruộng, thợ đồng làm việc nam có nữ có, người cấy ruộng, người cấy lúa.

Ở quãng đường này, cách đây mấy chục năm về trước, những chàng trai trẻ đi qua đám ruộng thường bị các cô gái hát trên :

Bảo này :

Hỡi người đi đường cái quan,

Dừng chân đứng lại em than vài lời.

Đi đâu vội mấy anh ơi,

Công việc đã có chị tôi ở nhà.

Anh Cả anh Hai đó ơi !

Bắt đầu câu hát, người hát thường gọi lên hai tiếng *bảo này* như muốn cho người nghe chú ý tới câu hát của mình, và cuối câu hát thường đệm bằng mấy tiếng *anh cả, anh hai đó ơi*, hoặc *chị cả chị hai đó ơi*, để báo cho người nghe biết câu hát của mình đã dứt, để người nghe hát đáp với mình.

Người bộ hành đi trên đường, nghe giọng hát đầy quyến rũ, lời ca đầm ấm, ngập ngừng rồi đứng lại để đáp lời làm quen của cô bạn gái dưới đồng.

Cô bạn gái đang cắt cỏ chẳng ? chàng trai — vì khách bộ hành thường là một chàng trai mới được các cô hát ghẹo, — liền hát lại :

Bảo này :

Cô kia cắt cỏ một mình,
Cho anh cắt với chung tình làm đôi,
Cô còn cắt nữa hay thôi,
Đề anh cắt với làm đôi vợ chồng.
Cô Cả cô Hai đó ời !

Thật là kẻ buri vợ vào. Mới làm quen mà đã tính những chuyện vợ chồng.

Câu hát của chàng trai còn khảng khít hơn :

Bảo này :

Cô kia cắt cỏ bên sông,
Có muốn ăn nhãn thì lồng sang đây.
Sang đây anh nắm cỏ tay,
Anh hỏi câu này : có lấy anh không ?
Cô Cả cô Hai đó ời !

Chàng trai hát trả lời cô gái lịch sự vì chàng trai phong nhã, chàng trai muốn gây chút tình làm quen. Có chàng trai cứ cầm đầu đi mặc cho các cô dưới đồng hát ghẹo ? Chàng trai rảo bước đi, cô gái không tha hát theo :

Bảo này :

Ma kéo hay là ma lôi,
Mà chàng lỡ bỏ lời tôi chàng về ?
Anh Cả anh Hai đó ời !

Có chàng trai đi thẳng, nhưng cũng có những chàng trai bực mình với các cô gái dưới đồng, chàng dừng lại, hát chọc một câu xuyên tâm :

Bảo này :

Cô kia mà hát ghẹo ai,
Cái mồm méo xệch như quai chèo đò !

Có muốn anh nắn lại cho,
Ngày mai chèo đò ăn bát cơm thiêu.
Cô Cả cô Hai đó ời !

Hát xong chàng bỏ đi thẳng, mặc cho cô gái muốn trả lời hay không.

Chàng trai đi thì mặc chàng, các cô gái lại cúi xuống tiếp tục những công việc của mình bên những chàng trai làng.

Rồi trong đám trai làng, một chàng cảm nhan sắc của một cô gái làng, từ lâu vẫn muốn ngỏ nỗi lòng nhưng chưa có dịp nào thuận tiện. Hôm nay trời đẹp, ánh bình minh tươi sáng, mùi đất mới được cày vỡ nồng nàn, lòng chàng phơi phới, chàng liếc nhìn cô gái, rồi chàng đánh bạo hát :

Bảo này :

Cô kia yếm trắng lòa lòa,
Lại đây đập đất trồng cà với anh.
Bao giờ cà chín cà xanh,
Anh cho một quả đề dành móm con.
Cô Cả cô Hai đó ời !

Chàng trai hơi sỗ sàng, nhưng đây chỉ là sự sỗ sàng của người đồng quê chất phác.

Cũng có những chàng trai tế nhị hơn, hát xa xôi hơn nhưng vẫn vợ vào phần mình :

Bảo này :

Cô kia má đỏ hồng hồng
Cô chưa lấy chồng còn đợi chờ ai ?
Buồng không lần lửa hôm mai
Đầu xanh mấy chốc da mồi tóc sương.
Cô Cả cô Hai đó ời !

Lời nói thật là khéo léo. Nhưng nếu với những lời khéo léo ấy, cô gái chẳng động tâm, chàng trai cho rằng cô đã mắc miu nơi nào ; Chàng hát xa hát gần :

Bảo này :

*Cô kia đi đường này với ta,
Trồng đậu, đậu tốt, trồng cà cà sai.
Cô kia đi đàng ấy với ai,
Trồng bông bông héo, trồng khoai khoai hà.
Cô Cà cô Hai đó ời !*

Và có khi chàng trai lúc bắt đầu rụt rè, nhưng với giọng hát, nhất là khi được cô gái đối đáp một đôi lời, chàng trở nên quyết liệt :

Bảo này :

*Cô mình ời. Anh quyết với cô mình
Công anh đan dít chẳng có thành thì thôi.
Con sông kia bên lở có bên bồi.
Bên lở thì đục bên bồi thì trong.
Con sông kia nước chảy đôi dòng
Biết rằng bên đục bên trong bên nào.
Cô Cà cô Hai đó ời !*

Trên đây chỉ là những câu hát nhắc lại qua những cuộc gặp gỡ giữa đồng hoặc cùng làm việc với nhau.

Thật ra, trai gái đã yêu nhau vì tình, đã quen hơi bên tiếng vì giọng hát câu ca, trai thường tìm đến làng gái để hát một vài canh, trong khi gái vừa làm việc vừa đối đáp với trai. Và những canh hát đối đáp này, thường khi đã kết quả bằng những lứa đôi tốt đẹp.

Đây là chưa nói tới hát hội.

Tại các đám hội Xuân miền Bắc, nhất là tại các vùng Trung-du, trai gái gặp gỡ nhau dùng miếng trầu mời nhau để hát vui ngày hội, rồi hội hết cùng hẹn hò nhau tới những hội sau để cùng hát. Hoặc những cặp trai gái đã quen biết nhau, họ cùng hẹn nhau tới các đám hội để cùng nhau nối tiếp sự trao tình qua câu ca giọng hát.

Ở các đám hội, trai gái như có quyền tự do cùng nhau trao đổi câu ca tiếng hát để nói lên sự yêu thương tưởng nhớ của mình. Lễ giáo Việt-nam tuy khe khắt, nhưng tục lệ các làng lại rất rộng rãi trong các buổi hội Xuân, cho trai gái được tự do luyện ái, miễn là sự luyện ái đừng đi tới trò trên bực trong dâu.

Hát ví là giọng hát để làm quen mà cũng là giọng hát để đôi bên lưu luyện nhau :

Bảo này :

*Mình về ta chẳng cho về,
Ta nắm cò áo ta để bài thơ ;
Bài thơ ba chữ dành dành :
Chữ Trung, chữ Hiếu, chữ Tình là ba.
Chữ Trung, thì để thờ cha,
Chữ Hiếu thờ mẹ, đôi ta chữ Tình.
Cô Cà cô Hai đó ời !*

Trong những hội Xuân, với các đám hát ví quang cảnh thật là vui. Trời Xuân lành lạnh, có khi mưa Xuân lớt phớt. Những cô gái quê khăn mỏ quạ, má ửng đỏ vì tiết trời, đứng tùm nập năm tụm ba cùng những bạn trai khăn đóng áo dài, vẻ mặt trung hậu chân thành, cùng nhau hát những lời yêu đương, thật là êm ái. Một đám hội không phải chỉ có một đám hát, mà có rất nhiều đám hát. Đằng sau chùa, đằng trước chùa, bên bờ ruộng, cạnh đường làng, chỗ nào cũng là chỗ để trai gái tụ tập cùng nhau ca hát.

Hát ví thịnh hành khắp miền Bắc, nhưng hát ví trong ngày hội thường chỉ nhiều tại mấy tỉnh Trung-du như Bắc-giang, Bắc-ninh v.v...

Hát quan họ

Hát quan họ là một lối hát trao tình đặc biệt của mấy

huyện Tiên-du, Võ-giang, Yên-phong, tỉnh Bắc-ninh và huyện Việt-yên, tỉnh Bắc-giang.

Tương truyền rằng hát quan họ có từ đời nhà Lê và người đặt ra lối hát này là Hiếu-trung-hầu tên húy là Diên làm quan dưới triều vua Lê Cảnh Hưng. Xuất thân, Hiếu-trung Hầu là hoạn quan, sau được thăng Thanh-hoa trấn đốc đồng.

Hiếu-trung-hầu quê ở Lũng-giang, tổng Nội-duệ, huyện Tiên-du, trấn Kinh-bắc. Ngài không có con và khi chết ngài bầu hậu hàng Tổng, và hàng năm Tổng Nội-duệ mở hội đề kỷ niệm ngài tại đồi Lim tức là Hồng-vân Sơn.

Hiếu-trung-hầu lúc về già, đặt ra lối hát quan họ để mua vui.

Đây là một lối hát đối đáp giữa hai bên trai gái. Qua những câu hát nam nữ tỏ tình với nhau. Lời hát đôi khi thật văn chương bóng bẩy, đôi khi thì thật thắm thiết nồng nàn.

Hát quan họ, trai gái đối đáp với nhau không cần tới âm nhạc đề đệm, nhưng nếu có nhạc càng hay. Trường hợp có đệm nhạc rất hiếm, và thường chỉ thấy trong buổi hát thờ ở các đình làng.

Hát quan họ phải hát giọng đôi, hai người châu miệng vào cùng nhau hát, hai giọng luyện với nhau, tiếng ngân vang, vang vút, tiếng trầm êm ái như ru.

Hát quan họ có nhiều giọng, nhưng có ba giọng chính, các nam nữ thanh niên vẫn dùng cùng nhau đối đáp trong những ngày hội. Ba giọng đó là :

Giọng sông.— Dùng đề dạo giọng lúc bắt đầu hát. Giọng sông ngân vút cao nghe đầm ấm nồng nàn. Đây là giai đoạn đôi bên trai gái dò xét ướm hỏi lòng nhau :

Hôm nay tứ hải giao tình,

Tuy rằng bốn bề như sinh một nhà.

Số anh phải lấy vợ xa,

Số em không lấy chồng nhà được đâu.

Đã chót yêu nhau lấy nhau cho được,

Bỏ lòng này rày ước mai ao.

Trên đây là một câu hát giọng sông. Lúc hát lên có những khúc đệm ý a, ý á hoặc ới ư... Hoặc những tiếng láy đi láy lại đề câu hát ăn với âm thanh, âm thanh ăn với giọng hát.

Những câu hát sông có thể dùng cho bên nam, bên nữ cũng được, lúc hát lên bên đương sự chỉ cần đổi một vài chữ trong câu hát cho hợp với mình.

Giọng vật.— Sau khi đôi bên dạo giọng bằng một vài câu hát sông là những câu giọng vật để đôi bên gần bó với nhau. Nếu giọng sông chỉ có một giọng thì giọng vật lại gồm nhiều giọng : giọng buồn, giọng vui, giọng cao, giọng thấp, giọng ngắn, giọng dài ? Chính vì vậy mà gọi là giọng vật, giọng vật không đồng nhất. Có khi giọng hát bắt chước tiếng đàn với những lời đệm tình tang tang tính, có khi giọng hát bắt chước tiếng chim líu lo nhưng nồng nàn, có khi bắt chước tiếng giun để nghe buồn rầu áo não. Giọng vật cần thay đổi mới nói lên đủ tình tiết yêu thương của đôi bên nam nữ.

Những câu hát giọng vật thường có hai câu đề đôi bên đối nhau, bên nọ hát lên, bên kia xướng lại, dù bên hát trước là nam hay nữ. Cũng như những câu hát giọng sông, mỗi câu hát đều có thể dùng được cả cho đôi bên nam nữ chỉ cần thay đổi một đôi chữ trong câu hát để cho hợp với người hát :

Nam :

Ngồi tựa vườn đào,

Thấy người thực nữ ra vào lòng những vấn vương

Gió lạnh đêm trường,

Nửa chăn đề đó, nửa giường đề đó chờ ai ;

Số chữ sắc tài,

Có công gần bó ai người phụ nghĩa quên công ;

Nên chẳng dấy vợ đây chồng.

Nữ :

Ngồi tựa vườn đào,
Thấy người bạn ngọc ra vào lòng những vẩn vơ
Tháng đợi năm chờ
Yêu nhau chớ để hững hờ với khách tài hoa.
Khăn nguyên trắng già
Duyên tơ xe lại một nhà đầm ấm yên vui.
Nguyệt lặn sao rời,
Bỏ công gần bó, bỏ lời gần bó giao đoan.
Nên chăng tình Tấn duyên Tần.

Trong giọng vật có cả giọng ngâm thơ. Đây là những bài thơ nói lên tình yêu của trai gái :

Biết chăng, chẳng biết hơi tri âm,
Vấn vít con tơ vận ruột tằm.
Khắc khoải sầu tuôn, lòng tựa bề,
Bồi hồi dạ nhớ tháng như năm.
Chăn loan bên đắp bên chờ đợi,
Chiếu nguyệt nửa nằm, nửa biếng thăm.
Một bức tình thư đưa nhận gửi.
Thấu tình chẳng hỏi bạn tri âm ?

Giọng bì.— Trai gái quan họ dạo giọng bằng giọng sòng, gần bó với nhau bằng giọng vật và để chia tay nhau họ dùng giọng bì, hoặc gọi là giọng ví.

Giọng bì ngân dài, nói lên được sự chua xót của phân ly, sự luyến tiếc của ngày mau tàn, nhất là khi gặp nhau ở những đám hội phải chia tay từ giã nhau.

Bây giờ giáp mặt đình ninh,
Xa xôi ai có thấu tình chẳng ai ?
Hay là người đã nghe ai ?
Thả chông dờng nghĩa rắp gai lối tình.

Nội dung câu hát giọng bì thường là căn dặn nhau, bảo nhau nhớ lấy những lời hẹn ước, đừng vì khuất mặt xa rời mà quên nhau.

Tuy ba giọng hát là ba thời kỳ của buổi hát, gặp gỡ, gần bó và giã từ, nhưng nhiều khi hát sang giọng bì rồi, có những bọn quan họ lại trở lại hát giọng vật như cố níu lấy sự lưu luyến của trai gái đang tuổi yêu đương. Giọng vật một đôi câu rồi họ lại chuyển sang giọng bì để từ biệt và hẹn hò nhau.

Ngoài ba giọng chính trên, quan họ còn có năm giọng gọi là năm giọng trên. Năm giọng này chỉ hát tới những khi hát giải. Năm giọng đó có những tên nghe thật kỳ khôi : *đường bạn, lên núi, xuống sông, hời la, và tình tang.*

Nguồn gốc của tục hát quan họ.— Như trên đã nói, theo tương truyền thì tục hát quan họ do Hiếu-trung-hầu đặt ra để mua vui lúc tuổi già. Vốn là một hoạn quan không có con cái, Hầu đã phó thác sự cúng giỗ của mình sau khi nhắm mắt cho dân chúng tổng Nội-đuyệt, nhưng trong tuổi già sống không con trơ trọi, ngày tháng nặng nề, Hầu tìm cái vui trong cái vui của đàn trẻ trong thôn xã, trong hàng tổng.

Dựa theo lối hát ví của vùng Kinh-bắc tức là Bắc-giang và Bắc-ninh ngày nay, Hầu đặt ra lối hát quan họ này để cho trai gái hát với nhau trong những buổi gặp gỡ. Hầu dùng lối hát quan họ thay cho hát ví, vì hát ví bao giờ cũng chỉ có một giọng đều đều kém linh động, kém tình tiết, kém cả nồng nàn, trong lối diễn tả. Vốn đã được hầu hạ nhà vua trong cung cấm, Hầu căn cứ vào những điệu nhạc khi vui khi buồn, khi đầm ấm khi dần dỗi để đặt ra lối hát quan họ với những giọng hát diễn tả đúng tình cảm từ lúc trai gái mới gặp nhau, qua thời kỳ gần bó cho tới khi từ giã tượng trưng bởi ba giọng chính : sòng, vật và bì.

Lúc mới sơ khởi, Hầu có ban nhạc cho hòa theo các giọng hát, nhưng về sau trong thôn quê, không phải lúc nào cũng sẵn nhạc, nên dân chúng gặp gỡ nhau là hát theo những giọng Hầu đã đặt ra. Thay vì nhạc đệm, họ hát giọng đôi để

tránh sự trơ trẽn của đơn ca, đề người ca giọng ồm có thể dúi dúi người còn non giọng. Hát quan họ lúc đầu chỉ có tại mấy xã thuộc tổng Nội-duệ như Lũng-giang, Lũng-sơn, Duệ-đông... nhưng dần dần dân chúng vùng lân cận thấy hay đều cùng nhau tập hát. Cho tới thời tiền chiến, tục hát quan họ này lan suốt nhiều xã thuộc hai huyện Tiên-du và Võ-giang, tỉnh Bắc-ninh, và còn lan tràn sang một số các xã tỉnh Bắc-giang ở bên kia sông Cầu như Mật-ninh, Nội-ninh...

Mùa quan họ.— Chính ra trai gái quan họ có thể hát với nhau quanh năm, bất cứ vào lúc nào, nhưng đời sống nông dân bận lam lũ làm ăn, nên quanh năm nếu có hát quan họ, chỉ có hát lễ tế, mà hát lễ tế thì lối hát ví thích hợp với đồng quê hơn. Bởi vậy quan họ chỉ được hát trong những dịp lễ bái quan trọng, hoặc trong những dịp khao cưới ở các tư gia.

Mùa Xuân là mùa hội hè lễ bái, dân quê nhân vụ chiêm vừa cấy xong, vụ gặt chưa tới, làng làng đua nhau mở hội và nam nữ thanh niên họp nhau thành từng bọn rủ nhau đi hát quan họ.

Mùa quan họ tới với mùa xuân từng bừng, tới với lòng hân hoan của những chàng trai cũng như của những cô thôn nữ nụ cười nhí nhảnh, yếm thắm thắt lưng điều.

Mùa quan họ là mùa hội Xuân. Có hội Xuân là có hát quan họ tại các vùng đã kể.

Sau ba ngày Tết, từ ngày mồng bốn đã có làng mở hội, như làng Hữu-thấp, huyện Võ-giang, tỉnh Bắc-ninh. Trai gái quan họ từ các làng kéo nhau tới.

Thường họ tới hội vào lúc quá trưa, và họ hát cùng nhau cho tới tối trời. Lúc ra về họ lại hẹn hò nhau tới các hội khác.

Suốt ba tháng xuân, có hội ở làng nào đều có trai gái quan họ kéo nhau tới hát.

Cuối xuân hội bắt đầu thưa dần. Công việc nhà nông lại

bắt đầu vất vả vì sửa soạn cho vụ gặt chiêm hoặc vì dỡ hoa màu phụ nên bận.

Rồi rồi, họ hát chơi xuân, bắt đầu có công việc, họ bắt đầu làm việc trở lại và ghi nhớ những kỷ niệm ca hát của ngày xuân. Những cuộc gặp gỡ mùa xuân đã từng tạo nên những lứa đôi đầy hạnh phúc.

Tại sao lại gọi hát quan họ ?— Tại sao giọng hát này lại gọi là quan họ ? Về điểm này, trước đây đã nhiều người giải thích trong số đó có cả nhạc sĩ Phạm Duy. Mọi người đều cho rằng vì sự kính trọng bọn người cùng hát với mình nên dùng tiếng *quan* đề xưng hô, còn *họ* tức là ý nói một bọn đồng. *Quan họ* là một bọn nhiều người được sự tôn trọng của những người khác. *Hát quan họ* tức là lối hát của những người này.

Tôi đã được dịp hỏi người dân xã Lũng-giang, các cụ già nơi đây đã trả lời :

— Ta gọi nó là hát quan họ thì là hát quan họ. Chính chúng tôi ở nơi đây cũng không hiểu tại sao lại có danh từ này. Theo các cụ chúng tôi truyền lại thì đầu tiên những người hát là thân nhân họ hàng quan Hầu được Ngài dạy cho trước. Quan họ là những người có họ hàng với quan Hầu, và hát quan họ là lối hát của quan Hầu tập cho những người này đầu tiên.

Lời giải thích xét ra rất có lý, vì lúc đầu truyền giọng hát mới, Hiếu-trung-hầu tất nhiên phải truyền cho con cháu trước rồi sau mới do con cháu truyền cho người ngoài.

Trong khi chưa ai biết đích xác tại sao lại gọi là hát quan họ, thiết tưởng nên chấp nhận lời giải thích của các cụ làng Lũng-giang nơi có đôi Lim và có thể là quê tổ của tục hát quan họ.

Một bọn quan họ.— Trai gái quan họ, đi hội, họ họp nhau thành từng bọn đề thay phiên nhau hát. Trai cũng như gái, một bọn quan họ gồm ít nhất năm người, do một người dẫn đầu, lo việc mời mọc bạn hát, hoặc quyết định những việc liên

quan tới cả bọn. Người này các quan họ tôn là anh Hai hoặc chị Hai.

Sau đó là các anh chị Ba, Tư, Năm và Sáu.

Nếu bọn quan họ có sáu người, ngoài anh Tư hoặc chị Tư còn có anh hoặc chị Bốn, không có anh Cả hoặc chị Cả như hát ví.

Một bọn quan họ bao giờ cũng gồm toàn những người cùng một làng, để còn đối đáp hát với trai gái làng khác. Trai gái cùng làng không cùng hát với nhau ở ngày hội.

Họ có thể hát tập hát chơi với nhau trong làng, nhưng đã đến hội, bao giờ cũng tìm các bọn quan họ thiên hạ để mời hát, như vậy vừa được dịp tỏ tài năng nêu danh tiếng cho làng mình, vừa được hát thẳng cánh không nề nang gì.

Tại các hội Xuân, trai gái quan họ, trông thấy những bọn quan họ ở làng nào là họ nhận ra ngay. Mỗi bọn đều có một đặc điểm riêng, khi đứng với nhau cũng như khi hát với các bạn.



Đại để những điểm chính về hát quan họ đã được trình bày. Trong đám cưới, trong đám khao, để mua vui cho quan khách, chủ nhân có khi mời hai bọn quan họ tới hát đối đáp trong đám tiệc. Và có làng, trong những dịp hội Xuân, còn mời các bọn quan họ tới hát thờ.

Trong các đám hội, có nơi treo giải cho các bọn quan họ tới hát thi.

Hát lượn

Đây là lối hát hội mùa Xuân của nam nữ thanh niên mạn ngược cũng giống như hát đúm ở miền xuôi và hò ở

miền Nam. Trai gái miền thượng du Bắc-Việt hát lượn với nhau để giao duyên.

Tại khắp các hội xuân của đồng bào Thờ, và cả của đồng bào Mán thuộc mấy tỉnh Vĩnh-yên, Phú-thọ, Tuyên-quang nữa, — hội Tam-lộng, tỉnh Vĩnh-yên vào ngày 25 tháng Chạp, hội Đồng-mỏ, Châu-ôn, tỉnh Lạng-sơn, ngày mồng 9 tháng Giêng; hội Kỳ-lừa ngày mồng 10 tháng Giêng; hội Nước-hai, phủ Hòa-an, Cao-bằng, ngày mồng 8 tháng Giêng; hội Phục-hòa, phủ Trùng-khánh, Cao-bằng, ngày rằm tháng Giêng; hội Đình-chợ, châu Quảng-yên, tỉnh Cao-bằng vào ngày mồng 2 tháng Hai... trai gái sơn cước đều rủ nhau tới hội hát lượn.

Cũng như nam nữ thanh niên miền xuôi say mê hát ví và hát quan họ, trong các câu hát cùng với những lời đắm thắm, cùng với những câu giao duyên gắn bó, trai gái thanh xuân mạn ngược hát lượn với nhau quên ngày giờ và quên cả các trò vui khác. Họ cùng nhau tính đến ngày mai qua câu hát, họ hứa hẹn thề bồi cùng nhau. Vừa lượn họ vừa đưa sóng mắt nhìn nhau để câu hát thêm tình tứ, để tơ lòng thêm rung động.

Nam xướng nữ họa, nam đối nữ đáp, trai một câu rồi đến gái một câu, họ quên giá lạnh của miền núi, họ không biết đến sự ồn ào của đám hội ở chung quanh, họ chỉ biết trao đổi cùng nhau những lời êm dịu. Họ ở lại hội Xuân rất muộn, rồi lúc về bản, trên đường về, đôi khi họ còn tiếp tục hát.



Tôi xin tạm ngưng ở đây, tuy những trò vui hội Xuân miền Bắc còn nhiều. Khuôn khổ một tập báo Xuân có hạn, xin hẹn cùng bạn đọc một dịp khác với nhiều thú vui dân tộc khác.

TOAN-ÁNH

LÊ VĂN SIÊU

Thú chơi cây cảnh

Tất cả những nước ở Á Đông sống gần thiên nhiên và hòa hợp với thiên nhiên đều có thú chơi cây cảnh, và đều đầy thú chơi thành một nghệ thuật tinh vi.

Đối với một tác phẩm mỹ thuật về hội họa, điêu khắc hay trạm khảm, người nghệ sĩ tạo tác nên bằng cả tâm hồn và bàn tay khéo léo của mình, ta thường thức thấy cảm phục tác giả, ta có thể say mê tác phẩm ấy nữa đề nhìn ngắm mãi không chán. Và nếu lại giàu tưởng tượng như người xưa, ta cũng có thể nhìn thấy như người trong tranh có bước ra ngoài, hay có nói chuyện gì với ta nữa, cái linh động của nét hội họa điêu khắc hay trạm khảm ấy đã khiến tác phẩm mỹ thuật trở thành vô giá.

Nhưng nhu cầu mỹ thuật ở con người không phải chỉ thụ động ở khía cạnh thưởng thức cái đẹp do người làm ra. Mà chính còn chủ động ở khía cạnh muốn do chính mình làm ra nữa.

Chính mình làm ra thì mình mới nhận thức hết cái từ công phu lựa chọn, gọt giũa, xếp đặt đề bắt những gì bất động phải thành linh động và đề truyền vào cái xác của phẩm vật mỹ thuật ấy một cái hồn của người nghệ sĩ, mà không thể có giá tiền nào trả cho xứng được. Còn mình chỉ là người thưởng thức, mình gọi nôi được ra những nét linh động và nhận nôi được phần nào cái hồn của tác phẩm thì cũng đã kẻ là tri kỷ như Chung Tử Kỳ nghe nôi được tiếng đàn của Bá Nha vậy.

Trên đời liệu có mấy Tử Kỳ và Bá Nha đề thức cảm hết giá trị nghệ thuật cho nhau như thế? Còn thưởng thì đã có biết bao người chỉ nghe người khác khen mà khen, nghe người khác phục mà phục? Ví thử tác giả nghe được những lời khen phục cỡ ấy thì tác giả cũng chẳng thú vị gì. Còn người làm việc khen phục ấy chả qua cũng nói xuôi theo thời thượng một lúc, rồi thôi. Có gì của tác phẩm làm được cho người ấy thiết tha?

Cho nên, liền ngay cạnh nền mỹ thuật dùng những chất liệu chết (như màu thuốc, gỗ, vàng, bạc, vải, lụa, thạch cao...) và những chất liệu trù tượng (như âm thanh, tiếng nói, ý tưởng...), người ta có một nền mỹ thuật nữa dùng những chất liệu sống và cụ thể là cây cảnh đề sáng tạo nên những tác phẩm kỳ đặc. Nó thỏa mãn được lòng người nghệ sĩ và cả người thưởng thức nữa, khi hàng ngày hàng giờ chăm nom, bón tưới cho tác phẩm. Và cũng hàng ngày hàng giờ ấy, tác phẩm đã không giữ nguyên trạng thái khi sáng tác, mà có thay đổi, có phát triển, có hiện ra những gì đột ngột với những đường nét và những dáng điệu dễ khiến người ta say mê.

Đặc biệt là người chơi cây cảnh không những chỉ đề tâm trí và kỹ thuật của mình vào cuộc chơi. Mà còn không biết bao nhiêu ước mong cho nhựa cây thiên nhiên bật ra ở đúng chỗ mà mình tính và muốn có một cái cảnh hay một cái lá, cái hoa, đề toàn thể cây cảnh trở nên một tác phẩm toàn bích. Khi có những thứ ấy nảy ra đúng điều dự tính thì người chơi sung sướng đến thế nào? Còn khi nó chưa nảy ra thì người ấy đã thao thức chờ đợi và nóng ruột đến thế nào? Ấy chính đây là lý lẽ giải thích sao chơi cây cảnh lại là một cái thú.

Cổ nhiên, còn gì vô giá trị hơn là cắm một cành cây giả vào chỗ mình chờ đợi một cành thật. Chỉ trong thời đại máy móc vội vàng này, người ta mới dám nghĩ đến trò đồi lý thay đào ấy. Nó lừa mắt người được trong một lúc.

Nhưng đề nó lừa chính mắt mình thì có ai nỡ cam tâm tự hạ như vậy.

Cho nên càng khó khăn đề cho nhất định phải có điều mình mong ước, người ta càng phải cố gắng. Và khi khó khăn mới có, mà rồi có, thì cái thú mới là thú tuyệt vời.

Bí quyết chơi cây cảnh đến say mê không thiết một thú chơi nào khác, chính là ở chỗ ấy. Say mê cho đến độ không chịu nhận rằng cây cảnh là đề trang trí cho một phòng khách chảnh, đề cho nổi những đồ vật quý trong phòng, mà ngược lại, là cần phải trang trí cho cái xung quanh đề nổi cây cảnh lên, vì cây cảnh mới là một tác phẩm mỹ thuật vô giá.

Điều này hẳn mới nghe qua lắm bạn sẽ lấy làm lạ. Nhưng nếu các bạn ấy lưu ý rằng có người đã tổ chức những bữa tiệc thật long trọng đề mời bạn bè chỉ đến xem hoa quỳnh nở thôi, thì sẽ nhận ra trọng tâm người ta muốn đặt ở đâu, nếu không phải ở cây cảnh.

Những người hàn sĩ trong những truyện Liêu Trai, ngồi đọc sách mà thấy mỹ nhân từ những cây hoa hiện đến với mình. Hay một hoàng hậu nhà Đường ban chiếu đuổi hoa quỳnh vì không kịp nở đề đón chào hoàng hậu. Đó là những truyện cổ ở Đông-phương thực chất là tưởng tượng đề ngụ ngôn. Nhưng tựu trung cũng vẫn không thể không nhìn nhận một sự có thực là sự người ta coi cây cảnh cũng có một đời sống như người, cũng buồn, cũng vui, như người vậy : Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ !

Người ta còn nói, không rõ có đúng không, rằng những cây cảnh được hàng ngày chủ nhân săn sóc, khi rủi chủ nhân mệnh một thì cây cảnh cũng buồn mà tàn úa dần đi. Có nhà còn lấy một băng vải trắng buộc vào thân cây đề cho nó chịu tang chủ nhân nữa.

Chắc những người ở các xã hội tân tiến và máy móc nghe thấy thế thì buồn cười lắm đấy. Nhưng người ở Đông-phương thì không lấy làm lạ khi người ta nhận cho cả cái điều cái

gương cũng có một linh hồn và đương khi không mà vỡ nát ra thì cũng ảnh hưởng đến chủ nhân đề báo trước cho một tai nạn.

Ta không cần lưu ý đề tìm tòi một cách khoa học xem sự thực có quả vậy không. Ta chỉ cần nhận định rằng cái tình của người Đông-phương không những chỉ đối với người và động vật, mà còn sâu đậm cả đối với những thực vật và khoáng vật nữa, sau khi đã bầu bạn với nhau được khá lâu ngày.

Chỉ với cái tình ấy, người ta mới nâng niu, âu yếm, chiều chuộng một cây cảnh gần như đối với một người đẹp (sợ kém là khác nữa), và cũng chỉ với cái tình ấy thì mới có nghệ thuật chơi cây cảnh mà thôi.

Bởi vậy, ta có quyền nói thú chơi cây cảnh không có ở Tây-phương và chỉ có ở Đông-phương thôi.



Ở Việt Nam ta, về trước nữa thì không rõ, nhưng từ thời Lê Đại Hành thì *Đại Việt Sử ký* đã có ghi là tháng sáu năm ất-dậu (985) nhà vua có cho làm một cái giả sơn bằng tre đặt trên bè nổi giữa sông cùng với cây cảnh đề đi thuyền xung quanh mà thưởng ngoạn trong dịp lễ sinh nhật, (tức là lễ vạn thọ). Giả sơn ấy gọi là Nam-sơn đề ngụ ý chúc nhà vua thọ tĩ Nam-sơn. Sau này các vua nhà Lý cũng giữ theo tục ấy.

Sách *Nam Phương danh vật Bị khảo* một quyển sách cổ nữa cũng nói đến thú chơi bồn trì và giả sơn mà dân chúng gọi nôm là bè cạn và núi đắp.

Nhà khảo cổ R. Stein trong tạp chí của Trường Viễn-đông Bác-cổ (*B.F.E.O.*, T. XII, 11-1943) có nói đến thú chơi này và có kê khai tới ba mươi kiểu hình núi giả và tới sáu mươi tám thứ cây uốn nhỏ lí ti đề trồng trên núi ấy hay trồng trong chậu.

Và ngay hồi gần ta nhất, hồi tiền chiến, cũng có thú chơi gọt hoa thủy tiên, thành các kiểu kỳ lạ do rễ, lá và hoa

tạo thành, và hàng năm cũng có tổ chức cuộc thi nữa để so tài giữa những tay chơi hoa.

Người ta ganh đua với nhau để hãm cho cây hoa không những đến ngày, mà còn, đến đúng giờ chấm, mới nở, đủ tỏ cái tài nghệ đã tinh luyện thế nào. Và bát đựng hoa, khi đưa đi dự thi, được người ta để vào trong cái kiệu có bốn người khiêng, nâng niu cho nước trong bát không sóng sánh, nghĩa là không có một tí gì làm đau được cho hoa. Ta thấy ai muốn nói gì thì nói, cái chuyện thi hoa đại khái như thế, cũng vẫn tinh khiết hơn và sang trọng, có học hơn, những cuộc thi con gái đẹp bây giờ người ta gọi là thi hoa hậu và thịnh hành ở các nước Âu-châu, để cho mấy nước Á-châu cũng đua nhau tổ chức theo. Nó có cái gì thô lỗ và phạm phu tục tử đối với một hương sắc thiên nhiên.

Vì chẳng có người nào nói, và chẳng có việc làm nào để ngăn ngừa bớt đi, thì cái đà ô nhiễm hóa rởm này sẽ chướng mắt thiên hạ một cách tội nghiệp lắm.

Đã gọi là thú chơi thì thú ấy phải thanh tao, nhã nhặn, lịch sự để biểu lộ được tâm hồn con người quân tử không như bần mà lấy làm gương cho xã hội. Còn chơi tục tằn thô bỉ, kêu gọi nhục dục, để giục giã nhau vội cướp sống cướp chín lấy xác thân của người đẹp (kéo xe điện ngầm sắp chạy mất rồi) thì đấy là lối chơi của lũ nô lệ cho cuộc sống máy móc.

Nhìn qua thú chơi, quả thực ta biết được người và tâm hồn của người vậy.

Thú chơi cây cảnh không như bọn vật dục để hàng ngày hàng giờ người ta say sưa chăm nom cho cây và để từ đấy mà ra thơ, ra văn, ra nhạc, ra họa, ra cầm, ra kỳ... nó khiến tâm hồn người tĩnh lặng lại thế nào, và chính con người cao quý lên thế nào. Tưởng chỉ cần nghĩ đến những trò chơi tục tĩu hèn hạ bây giờ, cũng đủ thấy cái chênh lệch trong bảng giá trị. Còn so sánh thì xin lỗi, đừng làm chuyện hỗn hào ấy.

LÊ VĂN SIÊU

DƯƠNG THIỆU MỤC

Tục giao hảo kỳ lạ giữa hai làng Phú-đa và Trinh-nữ

Tôi ngồi viết một truyện về « đình đám Tết làng quê », trước thềm xuân năm Kỷ-Dậu. Xuân về, nhắc lại hình ảnh xưa giờ đây không còn nữa, lòng nhớ quê hương bỗng dâng lên một nỗi buồn gay gắt, bao nhiêu kỷ niệm thời « còn để chỏm » xa xưa, lại như hiện hiện, chập chờn ra trước mắt, khiến tôi băng khuâng, ngao ngán, mà tiếc nhớ cho một thời trẻ trung êm đẹp đã qua.

Giờ đây, Xuân lại đến, Tết lại về, nhưng cảnh ly hương miền Nam khói lửa, không sao gọi được cho tôi may mắn cảm hứng của xuân xưa, mà chỉ khiến tôi buồn ngủi, ngao ngán cho cảnh đất nước chia phân, Bắc, Nam hai ngả.

●

Trong cuộc giao hảo của các xã ở thôn quê Việt Nam, nhiều khi có những tục rất lạ lùng, nhất là sự giao hảo này lại cấu kết bởi ân huệ của xã nọ đối với xã kia, như hai xã Phú-đa và Trinh-nữ (tỉnh Hải-dương, Bắc-Việt) chẳng hạn. Thêm nữa, họ còn có một tinh thần tương thân tương trợ, vì đây chính là một sức mạnh của các làng quê, nói lên sự đoàn kết giữa những xã anh em, mà họ thấy cần phải duy trì, bảo vệ.

Vẫn hay, hội làng nào cũng có những đặc điểm riêng của phong tục làng ấy, nhưng riêng hai làng Phú-đa và Trinh-nữ lại có một tục lệ rất lạ kỳ, là trai, gái hai làng này không được lấy lẫn nhau, vì họ quan niệm rằng đã giao hảo với nhau, coi nhau như anh em ruột thịt một nhà, thì không bao giờ được gả con cái cho nhau nữa. Nếu làm trái, chẳng hóa ra phạm tội loạn luân sao ? Vì vậy, họ đối xử với nhau rất thân thiết, yêu thương nhau rất mực đậm đà. Đi đường gặp nhau, họ không hỏi nhau bằng những danh từ thông thường, như ta thường dùng trong dịp thấy mặt nhau, mà kính cần kêu nhau bằng « Ông Chạ. Bà Chạ », mặc dầu cả hai còn trong tuổi trẻ trung.

Thí dụ, gặp nhau ở giữa đường, một người hỏi thăm trước :

— Kính thưa ông Chạ, ông Chạ vẫn mạnh chứ ạ ? Bà nhà ta sinh Ông hay sinh Bà ? (tức là sinh trai hay sinh gái).

Người kia liền đáp :

— Cảm ơn ông Chạ, bà Chạ nhà tôi mới sinh Ông...

Người cùng làng với nhau có thể xảy ra lắm chuyện xích mích, cãi cọ nhau, nhưng đặc biệt khi người làng Phú-đa gặp người làng Trinh-nữ, hay ngược lại, thì tay bắt, mặt mừng, kính nể, nhường nhịn nhau hết sức, không hề dám có một cử chỉ hay lời nói nào thất thổ làm méch lòng nhau, vì điều chính nhất là sợ bị... bắt vạ. Thật thế, trong một cuộc mua bán nào đó, nếu người làng Trinh-nữ đang mặc cả giá hàng, mà có người Phú-đa đến trả giá cao hơn đề định mua tranh, thì lập tức người làng Trinh-nữ nọ đi tìm ngay người làng Phú-đa nào có mặt tại đây để phân bua nội vụ. Sự việc phân bua đây, đừng tưởng như thế là qua quýt cho xong chuyện thì thôi đâu ? Không, đâu có dễ dàng thế được. Phản ứng sẽ có ngay, sau khi người làng Trinh-nữ về làng trình bày đầu đuôi câu chuyện đề dân làng hay biết. Thế là người làng Phú-đa bị bắt vạ ngay, và kẻ « bị vạ » cũng đành « vượt bụng thờ dài » mà làm theo lệnh làng đã có. Nhưng nếu không may gặp phải một người ngoan cố, không chịu nhận lỗi mình, thì cả làng phải góp tiền mua lễ

vật đem sang nộp vạ, tùy theo sự đòi hỏi của bên bắt vạ. Tục lệ trên đã bao nhiêu năm trôi qua rồi, mà người ta chưa hề thấy trường hợp này lại có thể xảy ra, thế nghĩa là : không bao giờ người có lỗi mà lại không nhận lỗi của mình. Cho đến ngày nay, dân hai làng Phú-đa và Trinh-nữ (có phần nào) đã di cư vào Nam sinh sống, mà tục lệ xưa ở làng, họ vẫn giữ gìn nghiêm trọng như khi còn ở quê nhà vậy.

Nhưng, bắt nguồn từ đâu mà có tục giao hảo kỳ lạ giữa hai làng Phú-đa và Trinh-nữ ?

Theo lời kể lại của các bô lão cả hai làng, thì vị Chạ (tức Thành-hoàng) của làng Trinh-nữ là một người đàn bà quê mùa, chất phác, sinh tại Phú-đa xưa kia. Bà về làm dâu làng Trinh-nữ được ít lâu, thì một hôm, làng chồng bà bị bọn giặc đến vây phá rất hiểm nghèo. Giữa lúc nguy nan ấy, bà một mình xông pha tên đạn, can đảm tìm cách vượt trùng vây của giặc, cố chạy về đến làng mình để khẩn khoản cầu xin người làng đến cứu giúp làng chồng. Dân Phú-đa liền kéo sang đánh đuổi bọn giặc chạy tơi bời, và cũng bắt đầu từ đây, dân hai làng giao hảo với nhau rất mực thân tình, mật thiết.

Hàng năm, theo tục lệ cổ truyền, sau ngày Tết Nguyên-đán, là làng nọ phải rước Chạ sang làng kia, và cứ thế, hai làng thay đổi phiên nhau, thí dụ như năm trước, làng Trinh-nữ rước Chạ sang Phú-đa, thì năm sau đến lượt làng Phú-đa phải rước Chạ của mình sang bên Trinh-nữ để đáp lễ.

Sân đình bữa nay có vẻ tấp nập, huyền não lạ thường. Từng đoàn người một, từ ông già, bà cả, cho đến gái lịch, trai thanh, lũ lượt kéo nhau vào đình chờ xem đám rước. Họ chen chúc, lấn áp nhau để cố tiến đến cỗ kiệu sơn son thiếp vàng đã sắp sẵn từ tang tảng sáng ở giữa sân đình, và chỉ còn chờ lệnh là sẽ lên đường sang làng Trinh-nữ. Bọn trai tráng được lãnh việc khiêng kiệu cũng đã nai nịt gọn gàng ; cờ quạt, chiêng trống đã dàn thành hai hàng thẳng tắp. Một vật tối linh thiêng của cả làng là chiếc ngai vàng vẽ rồng, màu sơn chói

lợi, che bởi một chiếc lọng lớn, do một người phụ trách, đang từ từ trong cung tiến ra để đặt lên chiếc kiệu.

Kề ra thì cỗ kiệu đòan rống cũng nhỏ thôi, chỉ năm sáu người khiêng cũng đủ sức rồi, nhưng muốn cho tăng thêm phần long trọng, nên các quan viên làng lại cắt cử những mười hai người ghé vai lên các đòan rống, khiến người xem có cảm tưởng cỗ kiệu nặng ghê gớm lắm.

Đám rước Chạ, từ làng nọ tới làng kia, phải băng qua một cánh đồng dài hàng bốn, năm cây số, và thường là đến giờ Ngọ (giữa trưa) thì tới cổng làng. Tại đây, các quan viên làng chủ đã khăn áo chỉnh tề, tề tựu đông đủ để đón tiếp. Họ theo sau đám rước để đi thẳng đến đình làng mình.

Chiếc kiệu đi rất trang nghiêm, thông thả. Từ những người rước cho đến những người đón, đều phải tuyệt đối im lặng, không ai được nói một lời nào. Tục lệ cổ xưa đã bắt buộc như vậy, nếu ai vi phạm, năm sau sẽ phải nộp vạ cho làng kia.

Đám rước đã đến sân đình, rồi từ từ hạ xuống. Lập tức người ta rước ngai thờ của làng khách vào đặt song hàng với ngai thờ của làng chủ. Giữa phút nghiêm trọng này, những người không phận sự, hoặc đi coi rước, khi đến cổng đình phải dừng lại, không được phép vào. Bởi vậy, lúc đó, trong đình chỉ toàn những đàn ông, còn bóng dáng đàn bà, con gái, tuyệt nhiên không thấy mặt ai.

Tới đây, một hồi trống tế bắt đầu nổi dậy. Đề mừng hai vị Thành-hoàng nhân buổi gặp gỡ hàng năm này, quan viên hai làng Phú-đa và Trinh-nữ bắt đầu cùng tế một tuần rượu. Cuộc tế này cũng diễn ra trong một bầu không khí hết sức im lặng. Ngoài tiếng trống, tiếng chiêng nổi lên để làm hiệu lệnh, ngoại giả không còn một tiếng gì khác, kể cả tiếng hô xướng, hoặc đọc chúc như ở các cuộc tế lễ bình thường khác.

Sau cuộc tế kỳ lạ trên, là đến phần nhập tiệc. Các quan viên làng khách được mời, cứ bốn người ngồi vào một cỗ, ăn uống tự nhiên. Trong khi đó thì các quan viên làng chủ cắt

cử nhau đứng ngoài hầu tiếp rất chu đáo, nhưng cũng là để quan sát bắt bẻ những ông khách nào vô ý, vô tứ có những cử chỉ hoặc lời nói vi phạm đến cô tục. Chẳng hạn như đang lúc ăn, khách vô tình trật khăn trên đầu xuống, gãi đùi gãi bẹn, hoặc vì « từu nhập ngôn xuất », trót buột mồm nói chuyện với người bên cạnh, v.v... vì tục lệ xưa để lại đã nghiêm cấm các quan viên cả hai làng : trong lúc tế lễ, hoặc dù tiệc tại đình làng bạn, không được trật khăn, sờ gãi...

Trong khi các quan viên làng khách đang ngồi ăn uống, thì bỗng tiếng phách nổi lên một cách bất ngờ. Tiếp theo là tiếng hát của một ả đào nương cất cao giọng, giúp vui cho bữa cơm thân mật, và, bên cạnh ả ca nhi, hiện ra một anh kép đàn, đầu đội khăn đen, tay ôm chiếc đàn đáy, cũng bắt đầu so dây, nắn phím, rồi gảy theo tiếng hát, tùy theo cung bậc bổng, chìm. Nét mặt anh ta như nhẩn hẩn lại, đôi mắt lim dim, mơ màng, cổ nắn lên một âm thanh thật ngon ngọt, du dương. Còn ả ca nhi, hát theo điệu « Hát Giải », thường là loại hát nói, vẫn được hát ở các cửa đình những khi vào đám. Thí dụ như :

*« Xinh thay mấy Thiên-thai cảnh lạ
Dưới trần gian một áng non bông.
Sườn non mây kéo ngắt trên không
Cửa động gà kêu vang dưới nguyệt.
Bích sa động lý càn khôn biệt
Hồng thụ chi biên nhật nguyệt trường.
Nước lao xao diềm rớt khúc sinh hoàng
Mây lơ lửng mải mai con điều tước.
Hoa hớn hở sắc vàng chen sắc biếc
Nức hai bên như đón rước người.
Lạ lùng thay cảnh Thiên-thai ».*

(Theo trong Làng Xóm V.N.)

Sau tiếng hát của ca nhi vừa dứt xong một khò, thì một quan viên khách đang ngồi ăn, bỗng buông đũa, bát, vớ lấy chiếc dùi nhỏ có sẵn bên người, gõ nhẹ một tiếng keng nhỏ, tức thì ca nhi liền « dạ » một tiếng thật to, rồi cả anh kép nữa, nét mặt hớn hở hẳn lên, vì họ biết rõ đó là tiếng keng thưởng tiền. Thường tiếng hát hay, thường cung đàn ngọt. Tiếng keng thưởng tiền, ngoài ra, còn một ý nghĩa nữa : thay cho lời nói bên xã khách, bảo với bên xã chủ rằng : « cuộc gặp gỡ đã lâu rồi, chúng tôi sắp sửa cáo lui đây ». Thế là các quan viên bên xã chủ hiểu ngay tiếng keng vừa gõ ra. Họ cho sắp sẵn tấm nước, cau trầu để khách dùng sau bữa rượu. Nhưng nếu tình thế xem ra còn kéo dài thêm nữa, và muốn được chóng về hơn, một quan viên xã khách lúc này lại cầm dùi gõ thêm hai lần keng nữa, vì theo sự giao kết xưa của hai làng, một khi đã gõ đủ ba lần keng thưởng tiền như thế, có nghĩa là : cuộc rượu đã mãn rồi, chúng tôi xin rước Chạ chúng tôi về làng, và làng chủ không còn cách gì giữ lại được nữa. Vì, như trên đã nói, nơi đây đã cấm không được nói một tiếng nào, thì người ta phải dùng hiệu keng để thay thế ý muốn của mình.

Tiếng keng thứ ba vừa dứt, là các mâm rượu được dọn đi, trầu nước được bưng ra để khách dùng, trước lúc lên đường trở về xã. Chiếc ngai thờ lại được cung kính rước ra khỏi đình làng chủ, đặt lên cỗ kiệu đòn rồng, rồi ra về trong bầu không khí im lặng như tờ.

Khi đã dời khỏi làng chủ, tới giữa cánh đồng rồi, các quan viên làng khách mới thở phào nhẹ nhõm, và bắt đầu bô bô nói chuyện ồn ào như đề đề bù lại mấy tiếng đồng hồ giữ mồm giữ miệng vừa qua. Trong thâm tâm người nào cũng cảm thấy thư thái như vừa thoát khỏi một cuộc thử thách gay go. Họ còn định bụng, sang năm, dân làng bạn rước Chạ sang bên họ, họ cũng sẽ không quên kiểm soát các quan viên làng bạn thật ngặt nghèo như họ vừa phải trải qua vậy.

DƯƠNG THIỆU MỤC

PHONG-CHÂU

Tết mọng tưởng

Trải qua một cuộc bề dâu

Con sông Bến-hải, nhịp cầu Hiền-lương

Thế rồi biệt cổ hương

Mỗi lần Xuân Tết lại vương vấn buồn

Tạm quên sầu hận Nước Non

Đề khơi niềm nhớ tình thôn Hạc-đình

Thôn Hạc-đình ! Tình gia quyến ! Cổ hương ơi ! Xuân này nữa là mười lăm xuân cách biệt cổ hương ! Nhớ biết bao những kỷ niệm vui tươi thời thơ ấu trong cảnh Xuân Tết tung bừng của thửa thanh bình. Thèm biết mấy những miếng chè lam ngũ vị mà chính tay mẹ mình đã đúc nén trong khuôn gỗ từ mấy ngày trước Tết. Thèm biết mấy một trái cam Giàng đỏ ối mà chính cha mình đã trịnh trọng bày trong mâm quả tứ trên hương án Nhà Thờ.

Ôi ! những kỷ niệm thơ ấu đã xa xưa quá rồi, nhưng nhớ lại vẫn còn thoảng vị Xuân Tết cổ hương.

Giờ đây, trong cảnh Xuân tha hương, tôi cũng bắt chước thầy tôi thửa xưa, bày lên « bàn thờ vọng » một mâm quả tứ, nhưng mâm quả tứ của tôi không có những trái đào tím ngắt, những cam Giàng đỏ ối, mà chỉ có vài quả dưa hấu xanh, ít trái mận trắng.

Tôi cũng đốt hương trầm. Khói trầm tuy cũng ngào ngạt thơm, nhưng không gọi cho tôi cái cảm giác ấm áp thi vị, mà chỉ khiến cho căn phòng chật hẹp của tôi càng thêm oi bức ngột ngạt. Đợi cho khói trầm hương nhạt loãng tan dần, tôi mới dụi mắt thần thờ vớ chai rượu cúc rót uống từng ly, từng ly, uống mãi, uống mãi, uống cho say để quên đi những chứng tích tha hương, nó không gọi cho tôi may mắn hứng cảm Xuân Tết, chỉ khiến tôi càng thêm buồn ngủi cho thân phận ly hương.

Tôi lim dim mắt nhìn lơ mờ qua « bàn thờ vọng », mừng tượng cảnh Xuân Tết cổ hương, để nhớ lại tất cả những kỷ niệm xa xăm từ hơn bốn chục năm về trước của thửa thanh bình xa xưa.

Tôi nhớ đến thôn Hạc-dinh là nơi chôn nhau cắt rốn của mình, với tất cả những phong vị Xuân và tục lệ Tết đặc biệt của làng mình với tất cả những kỷ niệm riêng của mọi người thân yêu nhất : thầy tôi, mẹ tôi, chị tôi, các anh em tôi... Tất cả, những kỷ niệm, tục lệ ấy, đối với tôi, quả là rất thiêng liêng nhất là trong những ngày Tết tha hương.

Dưới ánh nắng chan hòa hoa mắt ở đây, trong không khí oi ả ngột ngạt ở đây, tuy Xuân đó, Tết đó, mà tôi không tìm thấy mùi vị Tết, không cảm thấy phong vị Xuân. Thôi thì mình đi tìm cảm hứng Xuân Tết trong mộng tưởng vậy. Và phải mộng tưởng đến cổ hương xa xăm, phải quay lại cuốn phim ký ức từ thửa xa xưa. Phải đặt lại không gian, lùi lại thời gian. Không gian ở miền có cái lạnh nên thơ của mùa xuân ! Thời gian có cảnh sống thanh bình từ thành thị đến thôn quê, chỉ nghe tiếng pháo ròn rã, tiếng hát tung bừng, chứ không hề nghe tiếng súng đùng đoàng.



Tết này nữa là mười lăm lần Tết tha hương, mà lần nào mình cũng chỉ ăn Tết bằng mộng tưởng. Thế mà lại thú vị ! Thú vị tuyệt vời ! Vì chỉ trong mộng tưởng, mình mới

thấy lại được tất cả những gì nên thơ nhất của Xuân Tết cổ hương, mới sưởi ấm được lòng mình bằng những hoài niệm của gia tộc thân yêu.

Trong mộng tưởng, tôi thấy lại trước hết thôn Hạc-dinh của tôi nằm dài bên bến sông Tào, một dòng sông nhỏ chảy ra Mã-giang. Xa xa là cầu Hàm Rồng uốn cong như cầu vồng nối liền hai hòn núi Long, Hồ. Gần làng tôi là cầu Tào bắc trên sông Tào, có đường xe lửa chạy qua cùng với quốc lộ số 1. Tôi đã từng đứng dựa thành cầu Tào để nhìn những con tàu hỏa vùn vụt băng qua. Tôi đã từng lên xuống dốc cầu Tào, đã mòn chân qua lại khúc đường để dẫn đến thôn Hạc-dinh. Tôi đã từng dừng chân trên bãi Giang-dinh ở đầu thôn, để hái những bông hoa để có năm cánh dài, màu vàng, có mùi thơm hắc, để bắt những con bướm trắng chập chờn bay liệng trên những bụi cây dưới chung quanh bãi Giang-dinh.

Bãi Giang-dinh đối với dân làng tôi chẳng khác chi một công trường để tổ chức mọi cuộc vui tập thể mỗi khi có đình đám hội hè... Bãi Giang-dinh là một ngã ba mà thầy tôi bảo đó là mình con hạc với cái cò dài vươn lên thành con đường nhỏ chạy vào Nghè Mã-cương, nơi đây có đình thờ ông Lê Phụng Hiểu, Thành-hoàng chung của xã Từ-trọng gồm nhiều thôn trong số có thôn Hạc-dinh. Con hạc này đứng một cảng : đó là con đường thẳng tắp chạy từ bãi Giang-dinh lên đến sông Tào. Còn cảng thứ hai, con Phụng ghẹo lên thành khúc đường mòn chạy từ bãi Giang-dinh qua ngã cây Đề, quanh vào thôn làng tôi là làng Hạc-dinh. Thầy tôi bảo rằng ngã cây Đề là cái cựa của bàn chân con hạc.

Mỗi lần chơi ở bãi Giang-dinh, tôi không thể không ngắm nhìn vào Nghè Mã-cương, chỉ ngắm nhìn thôi, chứ không dám xông xáo vào cảnh thiêng liêng ấy, vì Mã-cương là « cấm địa », thường nhật những người vô phận sự không được phép bén mảng đến Đền Thờ Thần. Một lần, có ông Tây Đoan vác súng đến bắn cò ở Mã-cương, liền bị dân làng

tôi ngăn cản, rồi xảy ra cuộc ầu đả. Thời ấy, dân mình đánh dân Tây là một tội lớn, một tai họa cho cả làng. Vụ đánh Tây này đã thành một vụ án trầm trọng cho làng Hạc-dinh. Một số hào mục và tráng đinh của làng tôi đã bị lính khố xanh bắt về giam trong trại Giám-binh của quan ba Pháp. Vụ án kéo dài đến ba tháng, nhưng rốt cuộc « phép vua thua lệ làng », dân Hạc-dinh đã thắng kiện, còn ông Tây Đoan đã phải đền tượng trưng cho làng Hạc-dinh một « đồng bạc danh dự » và năm đồng bạc và đề mua lễ tạ Thành-hoàng Lê Phụng Hiều, vì ông Tây Đoan đã phạm đến Rừng Mã-cương của Thành-hoàng. Nghè Mã-cương sao lại là cấm địa ? Thầy tôi kể lại cho tôi nghe sự tích như sau :

Ông Lê Phụng Hiều xuất thân là một tiểu phu rất nghèo. Ông có sức mạnh phi thường có thể nói là thần lực. Ông phải ăn mỗi bữa một nôi « nôi mười » cơm mới no bụng. « Nôi mười » là nôi thổi cơm cho mười lực điền ăn. Đi hái củi, ông chẳng cần dao rựa búa rìu chi cả, vì ông chỉ bẻ củi bằng tay, dù là bẻ những cành cây lớn. Cây thường, ông có thể nhổ cả gốc. Ông lại chạy nhanh như ngựa, một bước sải chân của ông dài cả trượng, vì ông cao lớn như người khổng lồ.

Một hôm ông Lê Phụng Hiều đi kiếm củi trở về, vai gánh một đầu là một bó củi, đầu khác là một bó tre nguyên bụi còn cả gốc rễ, trên bó tre có một con cò trắng mà ông đã bắt được trên bờ sông Mã. Tôi không nhớ vì lý do gì (thầy tôi có kể rõ, nhưng lâu ngày tôi đã quên) ông Lê Phụng Hiều đã hạ gánh giữa đường, rồi một tay ông quăng bó củi bay vào đi một nơi, tay khác quăng luôn bụi tre với con cò đi một nơi khác. Bó củi bị ông ném đến tận làng Bưng, còn bụi tre bị quăng đến làng Hạc-dinh, hai làng cách xa nhau hàng chục cây số (?) Rồi sau đó, ông Lê Phụng Hiều bỏ nghiệp tiểu phu, đầu quân dẹp giặc Tàu, có công lớn, lúc chết được phong làm Thành-hoàng, được tất cả những thôn xã từ Hạc-dinh đến Kê Bưng thờ phụng.

Bó củi gỗ mà ông Lê Phụng Hiều ném vào làng Bưng, dần dần mọc thành rừng cây nay gọi là Rừng Bưng. Còn bụi

tre có con cò trắng ném vào làng Hạc-dinh nay mọc thành một rừng tre mà các vị tiền bối của làng tôi đã đặt tên chữ là Trúc-cương. Bên cạnh rừng Trúc-cương là đền thờ Thành-hoàng Lê Phụng Hiều. Rừng Bưng cũng như rừng Trúc-cương được coi là di tích thiêng liêng.

Rừng Trúc-cương của làng tôi có rất nhiều tổ cò, tổ vạc, nhiều đến nỗi suốt ngày đêm, tiếng cò vạc choang choác khiến cho khách qua đường trên quốc lộ số 1 cách đó không xa, cũng nghe tiếng tai. Chính vì thế mà ông Tây Đoan chạy xe tu-bin trên quốc lộ ngang qua rừng Trúc-cương đã hiểu kỳ dừng xe, vác súng vào Nghè Mã-cương đề săn bắn rồi mắc vạ.

Rừng tre của làng tôi có tên chữ là Trúc-cương, nhưng dân làng vẫn quen miệng gọi là Mã-cương, vì trong rừng có nghĩa địa của làng, nơi mà dân làng thường tụ họp vào ngày cuối năm để tham dự cuộc tảo mộ tập thể gọi là Hội Trúc-cương, một hội hè đặc biệt của làng Hạc-dinh. Sở dĩ cuộc tảo mộ của riêng một thôn mà trở thành một hội hè lớn, là vì cũng chính ngày ấy là ngày bắt đầu cuộc tế lễ Thành-hoàng mà Nghè Mã-cương là đền thờ chung cho toàn xã Từ-trọng gồm sáu bảy thôn trong số có thôn Hạc-dinh.

Nơi tha hương, cứ vào những ngày cuối năm trông thấy cảnh tượng tấp nập của thiên hạ nao nức sắm Tết, tôi lại chạnh lòng tưởng nhớ cố hương. Rồi trong mộng tưởng, tôi hình dung lại tất cả quang cảnh Xuân Tết Hội hè của thôn Hạc-dinh, bắt đầu ngay từ ngày cuối năm với Hội Trúc-cương, với cuộc tảo mộ tập thể của tất cả các gia tộc trong thôn Hạc-dinh, với cuộc tế lễ tiên thường trong đền thờ Thành-hoàng, đề chuẩn bị đón rước Ngải về vui hưởng Xuân Tết với dân làng vào đúng giờ Giao-thừa.

Với Hội Trúc-cương, dân Hạc-dinh đặc biệt ăn Tết trước thiên hạ một ngày, nghĩa là từ ngày tảo mộ cuối năm cũ. Hội Trúc-cương của thôn Hạc-dinh tấp nập rộn rã suốt từ lúc tỉnh sương ngày cuối năm cũ cho đến giờ Giao-thừa bước sang năm

mới. Sau ngày đó, hội hè tạm ngừng trong ba ngày Tết, rồi lại mở tiếp từ ngày mồng bốn cho đến hết ngày hạ tiêu là mồng bảy.

Ngày Hội Trúc-cương là ngày thôn Hạc-đình mở những cuộc thi đề tuyển lựa những trinh nữ sẽ được vinh dự giữ những trọng trách soạn cỗ cúng Thành-hoàng và hát Trãi đề mừng Ngai. Hát Trãi, tức là vừa « bơi chải » vừa ca hát ; « bơi chải » là chèo thuyền, trên cạn, vì đây chỉ là một đôi thuyền rồng đặt song song trước sân đình, chầu vào bàn thờ Thành-hoàng. Mỗi thuyền rồng có mười hai cặp bơi chèo sơn son cho hai mươi bốn nữ thủy thủ là các cô trinh nữ đã trúng tuyển trong các cuộc thi ngày Hội Trúc-cương. Số trinh nữ trúng tuyển phải là bốn mươi tám, vì có hai thuyền rồng. Số bốn mươi tám trinh nữ trúng tuyển này, ngoài công tác chèo thuyền và ca hát đề chầu Thần, còn có bổn phận sửa soạn những mâm cỗ có đủ các món cao lương mỹ vị cùng các thứ bánh trái ngày Tết đề tế Thần. Bởi thế, trước khi tham dự những cuộc thi, các cô trinh nữ phải tập múa hát, tập chèo thuyền cho dẻo tay, và dai sức vì không dai sức thì tay sẽ mau mỏi không tiếp tục cuộc chèo cạn tế Thần suốt ba bốn tiếng đồng hồ, tập làm mọi thứ bánh trái đặc sắc về hương, vị, mẫu sắc hình kiểu, tập đồ xôi thối cơm cho dẻo không khô, không nát, không bị một tật nào như « hơi khói » « bén nồi ». Đó là những nghệ thuật phải tập luyện hàng tháng trước khi có cuộc thi, trau dồi hàng năm cho tinh xảo khéo léo. Một điều kiện thiết yếu nữa cho các cô là trong thời con gái của mình, phải giữ làm sao cho mình khỏi bị tai tiếng về các đức trinh thực của mình. Và điều kiện thứ hai cho các cô được dự thi là không có tật nguyên, dù là một tật nguyên rất nhỏ như « lé mắt », « còng lưng »... Ngoài những điều kiện ấy, không có điều lệ nào cấm đoán các cô tham dự cuộc thi tuyển, không phân biệt giai cấp, dòng tộc. Tất cả các cô trinh nữ trong các thôn xã thờ phụng Thành-hoàng Lê Phụng Hiền, đều có quyền dự thi.

Nhắc đến những cuộc thi tuyển này, tôi lại nhớ đến người chị cả của tôi bây giờ có lẽ đã là một bà cụ xấp xỉ

thất tuần. Và tôi nhớ lại cuộc thi tuyển đặc biệt mà chị tôi đã trúng giải nhất. Năm ấy, tôi mới lên mười, tức là cách đây nửa thế kỷ. Tôi còn nhớ rành rọt những sự tập luyện của chị tôi suốt hai tháng « Một-Chạp » cuối năm, là những tháng lạnh rét nhất, thế mà chị tôi thức dậy rất sớm để trau dồi nghệ thuật thối xôi, nấu cơm ngoài mưa phùn. Ban đầu, tôi còn tưởng là chị tôi khùng, nhưng đến sau thì tôi hiểu rằng đó là phương pháp nhóm bếp và thối lửa bằng mồ hôi, bởi vì trong cuộc thi chính thức thối xôi, nấu cơm, các nữ thí sinh không được dùng loại nồi nấu riêng của mình, nhưng phải nhận nồi nấu đặc biệt của ban giám khảo phân phát : đó là bã mía còn tươi khó bén lửa và rất dễ tắt nếu thí sinh vụng về thối nhóm.

Mẹ tôi cũng dậy sớm lắm để làm « huấn luyện viên » cho chị tôi luyện tập nghệ thuật bếp núc. Mẹ tôi dạy chị tôi cách thức nhóm lửa bằng mồ hôi, thối lửa cho mau cháy mỗi khi mỗi tắt. Mẹ tôi còn dạy cho biết cách chọn hướng kê bếp theo chiều gió thuận lợi, kê bếp làm sao cho gió thổi vào trước cửa bếp và che bếp làm sao cho lửa cháy dưới nồi khỏi tạt ngang tạt ngửa, luôn luôn cháy đều hòa thì nước sôi trong nồi mới liên tục và gạo trong nồi mới nở đều, cơm xôi mới chín một cách « tiêm phát », khỏi bị « những tật bất trắc » gây ra bởi sự « bột phát » của nhiệt độ nước lửa. Mẹ tôi cũng dạy cho chị tôi biết cách đo lường thời gian từ lúc gạo nở đến khi cơm xôi chín dẻo đúng mức. « Khi cụ » đo lường ấy là những nén nhang đốt cháy, loại nhang hảo hạng, cháy rồi không thề tắt ngúm một cách « bất tử ».

Sáng chị tôi luyện tập khoa « nhóm bếp thối lửa trong mưa gió » và nghệ thuật đồ xôi nấu cơm cho chín dẻo một cách độc đáo. Tối chị tôi luyện tập nghệ thuật làm các thứ bánh còn công phu hơn khoa thối cơm, đồ xôi.

Tất cả các cô trinh nữ được vinh hạnh tham dự cuộc tuyển chọn số 48 « nữ quan chầu Thần » đều phải gắng công luyện tập tài nghệ nữ công suốt cả ba tháng mùa đông. Ngoài ra, suốt cả tháng Chạp, các cô phải hàng ngày tụ họp tại nhà

« quân giáp » để tập múa hát và « chèo cạn ». Các cô phải học thuộc lòng những bài « hát cửa đình », bài « tế nữ quan », câu « múa bài bông », bài « tấu nhạc », « dâng hương », v.v... Phải tập luyện thuần thục tay chèo, điều luyện miệng hát, dẻo dăng điệu múa quạt, làm sao cho miệng hát, tay chèo, quạt múa đều ăn nhịp với tiếng nhạc, tiếng trống.

Ngoài những buổi học tập múa hát tại nhà « quân giáp », đêm nào chị tôi cũng thức rất khuya để ôn lại những bài « hát cửa đình ». Cũng vì hàng đêm, tôi nghe chị tôi cao giọng ca hát, mà chính tôi cũng đã thuộc lòng nhiều bài, nhiều câu, đến nay vẫn còn nhớ, như những bài sau đây :

BÀI HÁT « DÂNG HƯƠNG »

I

Một nén hương thơm thấu chín lần
Kính Trời, kính Đất, kính Linh-thần
Chữ rằng : nhất niệm thông tam giới
Mừng Vua muôn tuổi trị muôn dân.

II

Một nén hương thơm thấu cứu thiên
Mây lồng năm thức nguyệt lồng in
Kính thành những bén duyên hương lửa
Rờ rờ vinh hoa ước vạn niên.

BÀI NGÂM NHẠC NHANG

Thông minh chính trực vị chi Thần
Biến hóa vô cùng đức đại tân
Mừng Vua có sắc phong choi chói
Đệ nhất Vua, đây thượng đẳng Thần.

BÀI THÉT NHẠC

Tiếng Dương tranh
Đàn... ai đàn một tiếng Dương tranh,
Chưng thuở ngọc ô đàn nảo nùng chiêu ai oán
Nhạc Thiều... tau,
Xa đưa tiếng nhạc Thiều tau,
Vẳng nghe chuông gióng lâu lâu lại dừng
Dương, hỏi dương đầm ấm...
Năm thức mây che,
Thức mây che rờ rờ ngát... trời
Nguyệt dải thêm lan,
Thanh... bóng trắng thanh dải tỏ thêm lan
Tiếc ai mặt ngọc thương ai
Vạy là đêm... là đêm đông... trường
Rạng về mây rồng,
Thiên... Nam Thiên rạng về mây rồng, rục rở nghìn thu,
Nghìn thu ngát... ngào
Lãng uyển xa bay
Luống trâu đêm, đêm nghe phảng phất mối sầu tuôn,
Tuôn khôn nhịn ngàn ngơ nỗi... buồn
Thu... lá thu ngô đồng rụng...
Sương lọt mây, ngời nghe tiếng... đàn
Sông... sông hồ nước biếc chín khúc cuốn quanh
Đáy nước long lanh, dạo ngời chơi, ngời chơi thủy... đình
Nguyệt tà tà xê xế, ánh dải chênh chênh,
Trên không hoa cỏ lãng canh dài
Đình Thần sơn... Đình Thần sơn mặt ngọc mây ngai
Thấy khách hồn mai
Dải tường lâu,

Nguyệt dải tường lâu, đồng vọng bóng trăng thâu,
 Nặng tiếng, tiếng đỉnh đang,
 Tiếng đỉnh đang, xui lòng thiếu nữ...
 Nhớ thương ai gửi bước đường trường,
 Bước đường trường, chầy ai đã nện, nện tương tư... sầu
 Vò võ phòng không,
 Luống chực phòng hương
 Gửi cố nhân tình thư một bức, gọi nỗi ái ân,
 Tư... Tương tư... sầu.

HÁT MÙA BÀI BÔNG

Thoạt vào hoa đội chia ra hai hàng qùy ở trước hương án hai tay nâng quạt Tấu lên khỏi đầu. Chị tôi là trưởng giáp phải đóng vai Tiên Đồng đứng lên khai mạc cuộc múa Bài Bông bằng một bài hát chữ sau đây :

« Tiêu dao lồng lộng Thiên-đỉnh
 « Tật tốc giáng dương trần bộ bộ
 « Khâm thừa Phật-tò,
 « Giáng hạ trần. »

Rồi hát tiếp mấy câu Nói lối như sau :

« Như tôi nay, Tiên ông trao chức,
 « Ngô biểu tự Tiên Đồng
 « Truyền ca nhi Nam, Bắc, Tây, Đông
 « Đầu múa hát dâng hương Thượng-đế »

Dứt câu nói lối, các cô đứng lên mở quạt ra vừa múa vừa hát nhiều bài.

Sau đó mới đến cuộc « bơi chải ». Các cô vừa « chèo cạm » trong thuyền rồng vừa hát.

Bài « Tấu nhạc và múa Tứ-Linh ».

Mỗi tuần dâng rượu lại múa một lần. Tuần Thượng-hương xong, hai cô đứng đầu thuyền Rồng ngâm bốn câu tấu nhạc :

« Thông thông nhai khí nhiều Trường-yên
 « Ai đại cung đình thấu cửu thiên
 « Kinh giả tất thành câu tất ứng
 « Mừng dân ta phú quý thơ thiên niên.»



Hội Trúc-cương mở vào ngày cuối năm, đúng vào ngày lễ tiên thường đề rước Thành-hoàng. Lễ Tế Thần bắt đầu vào giờ Sửu của ngày cuối năm cũ, tức là trước giờ Tý của ngày đầu năm mới, giờ giao thừa vậy. Nhưng trước đó, hội Trúc-cương, tức là hội thi tuyển nữ quan, đã bắt đầu từ sáng tinh sương ngày giáp Tết.

Hội thi được tổ chức trên bãi Giang-đỉnh. Trước bãi là con đường thẳng tắp dẫn tới đền thờ Thành-hoàng tục làng gọi là Nghè Mã-cương. Sau bãi là một đầm nước không sâu lắm, tục gọi là Đầm Giang-đỉnh, nước trong đầm thường thường chỉ lợ sâu đến rốn. Dọc bờ đầm, đã neo sẵn hàng trăm chiếc thuyền nan gọi là thuyền thúng, vì nó tròn như một cái thúng, nhưng có cặp thêm ở hai đầu hai vành bơi chèo, khiến cho chiếc thuyền thúng nhọn hai đầu như hình chiếc thoi. Các nữ tuyển thủ mang xuống thuyền tất cả mọi phương tiện bếp núc, rơm ướt làm đóm, bã mía tươi làm mỗi nấu, nôi, chõ, gạo nếp gạo tẻ. Và mỗi cô sẽ xuống mỗi thuyền, chèo ra giữa đầm, rồi chuẩn bị bắc bếp, đặt nôi, vo gạo cho sẵn sàng, đợi khi nào trên bãi Giang-đỉnh ban giám khảo ra lệnh bắt đầu cuộc thi, bằng một hồi trống, hồi trống dứt tiếng cuối cùng, các thí sinh mới được phép nhóm lửa đề trò tài thoi cơm và đồ xôi. Mỗi thí sinh đã đem xuống thuyền hai cỗ bếp kiềng, một bếp đề đồ xôi và một bếp đề nấu cơm. Đồ xôi trước hay nấu cơm trước, đó là tùy ý các thí sinh, miễn làm sao cho nhanh chóng đề kịp chèo thuyền trở vào bờ, nộp lên ban giám khảo « hai bài thi » của mình. Dĩ nhiên là sự nhanh chóng cũng được tính thêm điểm, đề cộng vào điểm của chõ xôi và nôi cơm thoi nấu xuất sắc,

Tài nghệ bếp núc của các cô thường thường không hơn kém nhau mấy, bởi vì cô nào cũng đã luyện tập tinh xảo. Điều khó thứ nhất là việc nhóm bếp thời lửa, vì củi nấu là thứ bã mía tươi rất dễ tắt. Điều khó thứ hai là giữ lửa sao cho chiếc thuyền khỏi trùng trĩnh trong khi thí sinh vẫn phải cử động mạnh trong thuyền, bởi vì thuyền thúng là loại thuyền rất nhẹ, rất dễ trùng trĩnh.

Nếu ngày hội lại là ngày mưa gió, thì các cô thí sinh vất vả hơn nữa.

Di nhiên là chỉ mưa phùn thôi, cũng đủ « bỏ hơi tai » mới nhóm thời được một bếp lửa cháy đều. Và cũng di nhiên là nếu không may ngày hội gặp ngày gió mưa tầm tã, thì các cô thí sinh lại được may mắn « làm bài thi » ngay trên bãi, dưới mái tranh, chứ không phải thi tài trong thuyền thúng ở... giữa đầm nước. Nhưng ngày hội Trúc-cương của làng tôi năm nào cũng là ngày tốt đẹp, vì thường thường ngày giáp Tết năm nào cũng đã là ngày lập Xuân, không còn cảnh mưa dầm gió bắc của mùa Đông, nếu có mưa chỉ mưa phùn, mưa lẩn phần của tiết Xuân.

Cuộc thi đồ xôi, nấu cơm chỉ hết nửa buổi sáng. Sau đó là cuộc thi làm bánh. Mỗi cô chỉ cần trổ tài làm một hay hai thứ bánh đặc biệt theo sáng kiến của mình : sáng kiến về hình thức, hoặc « long, ly, quy, phụng », hoặc « mai lan cúc trúc », hoặc « phúc, lộc, thọ », hoặc các kiểu hoa quả...; lại thêm sáng kiến về màu sắc xanh, đỏ, trắng, tím, vàng, làm sao cho thích hợp với hình thức và đề tài.

Năm ấy chị tôi đã trúng giải nhất với hai thứ bánh, một kiểu « quy hạc châu thần » và một kiểu « mẫu đơn phú quý ». Cả hai chiếc bánh độc đáo ấy đều to bằng cái mâm; « quy hạc châu thần » được chị tôi tô màu giống hệt lối « sơn son thếp vàng »; bánh « mẫu đơn phú quý » được tráng bột phăng trắng, giống hệt như một đoá « bạch mẫu đơn » là loại mẫu đơn trồng rất nhiều trước sân Nghè Mã-cương, « bạch mẫu đơn » nằm giữa, có hai cái lá xanh, một lá mang chữ phú và một lá mang chữ quý, cả hai chữ đều tô màu đỏ thắm.

Thực ra, chính thầy tôi đã « đại thí » cho chị tôi sáng kiến « quy hạc » và « mẫu đơn » để tập làm kiểu bánh dự thi.

Tôi còn nhớ buổi chiều 23 tháng Chạp, nhân cả gia đình tôi quây quần vui vẻ ăn cỗ tiễn ông Táo châu Thiên, thầy mẹ tôi bàn bạc với chị tôi về kiểu bánh dự thi ngày Hội Trúc-cương. Vì tên chị tôi là Phụng, nên mẹ tôi đưa ra ý kiến làm bánh con phụng. Thầy tôi chỉ tán thành một nửa ý kiến của mẹ tôi và đại thí chị tôi :

— Trong số các thí sinh, chắc thế nào cũng có cô làm bánh kiểu long ly quy phụng. Vậy, muốn cho kiểu bánh của con đặc biệt, thì con làm bánh con hạc. Bánh trúng tuyển sẽ tế Thần, thì con làm kiểu bánh « quy hạc châu thần ». Làng ta là Hạc-dinh mà !

Mẹ tôi vội khen sáng kiến của của thầy tôi độc đáo. Thế là thầy tôi đặc ý vẽ ngay kiểu « quy hạc châu thần » để chị tôi trông theo đó tập làm bánh dự thi. Mẹ tôi lại còn thêm ý kiến :

— Này ông ạ, con Phụng nhà ta làm bánh khéo hơn hết các cô trong làng. Nó vừa khéo lại vừa nhanh tay. Hay là đến ngày Hội, nó sẽ làm luôn hai kiểu bánh dự thi, thì khó có cô nào theo kịp để tranh giải nhất !

Thầy tôi cười ha hả :

— Phải ! Phải ! Bà nói phải lắm ! Bà có đề ý rằng trong sân Nghè Mã-cương, các cụ tiền bối làng ta đã trồng rất nhiều mẫu đơn, và hầu hết là bạch mẫu đơn. Hẳn là phải do một sự tích nào đó liên hệ đến ông Thần làng ta. Vậy thì con Phụng sẽ làm thêm kiểu bánh « bạch mẫu đơn ». Và theo điển tích về các giống hoa, thì mẫu đơn báo điềm phú quý ! Bởi thế, sách có chữ « mẫu đơn phú quý ». Tôi sẽ vẽ kiểu cho con Phụng làm thêm kiểu bánh : một bông bạch mẫu đơn có hai chiếc lá mang hai chữ phú quý ! »

Thế là ngay tối hôm đó, thầy tôi vẽ hai kiểu bánh « quy hạc châu thần » và « mẫu đơn phú quý ». Chỉ trong ba ngày, chị tôi đã làm được những chiếc bánh giống hệt hai kiểu ấy.

Chiều ngày hội Trúc-cương, kết quả cuộc thi, chị tôi giật giải nhất. Sáng mồng một Tết thầy tôi đặc ý, khai bút ngay một bài ca trù như sau:

« Hoa mẫu đơn là hoa phú quý
 Hễ làm trai có chí thì nên
 Chữ rằng : dĩ đức vi tiên
 Con nham hiểm không hiểm chi đó tá
 Cửa càn khôn lần lần khép mở
 Miếng đỉnh chung trời có riêng ai
 Có công ra thì cũng có ngày
 Gương kim cồ đề soi người chính khí
 Cõi trần hoàn hơn nhau là thế
 Dầu ngàn năm còn chép đề lưu danh
 Nam nhi hữu chí cánh thành ».

Thầy tôi khai bút xong, đến lượt mấy anh em tôi cũng lấy giấy hoa tiên khai bút, và đứa nào cũng phải khai bút bằng bài hát « Hoa Mẫu-đơn » của thầy tôi.

Khai bút xong, tất cả chúng tôi phải lần lượt « bình thơ », bắt đầu từ anh cả tôi, và phải « bình » bài « Hoa Mẫu-đơn ». Bình thơ xong, chúng tôi được lệnh đặt tờ hoa tiên khai bút lên trên bàn trắc kỷ trước mặt thầy tôi, rồi lần lượt đọc lại bài khai bút, để thầy tôi khảo sát xem đứa nào đã thuộc bài hát, nghĩa là thầy tôi muốn thử xem đứa nào thông minh sáng láng hơn cả.

Tôi đã thuộc trơn tru hơn cả. Thầy tôi bèn ban lời khen ngợi và « mừng tuổi » tôi trước tiên, mặc dầu tôi là con thứ ba, và mừng tuổi bằng một quả « cam Giàng » đỏ ối. Thầy tôi giảng rằng « cam Giàng » là biểu tượng của sự tươi đẹp thơm ngọt, lại là loại cam quý vì nó là « cam tiến ». Chả là trong các thứ sản vật đặc biệt của đất Thanh-mộc (tỉnh Thanh-hóa) cam Giàng là một trong những quý sản phải « tiến Vua », cũng như « ngọc quế » ở châu Thường-xuân, « mía Tổng » ở huyện Tổng-sơn (sanh quán ông Nguyễn Kim là Tồ-phụ nhà Nguyễn.)

Thầy tôi không bao giờ mừng tuổi các con bằng tiền như mẹ tôi. Thầy tôi còn giảng rằng thầy tôi khai bút bằng bài hát « Hoa Mẫu-đơn » là để mừng chị cả tôi đã « trúng giải nhất ». Bài hát ấy, chúng tôi phải học thuộc lòng. Đến nay, đã hơn bốn mươi năm, mà tôi vẫn còn thuộc lầu bài « Hoa Mẫu-đơn » của thầy tôi, là vì năm nào cũng vậy, cứ đến dịp Tết tôi lại khai xuân bằng bài « Hoa Mẫu-đơn » trong khi thường xuân qua « chén rượu câu thơ đầu năm ».

Và ngày nay, tôi cũng bắt chước thầy tôi, cứ mỗi lần khai bút đầu Xuân, tôi bắt các con tôi phải viết lại bài « Hoa Mẫu-đơn » để khai bút. Tôi cũng giảng cho các con tôi hiểu ý nghĩa sâu sắc của bài hát, hiểu sự tượng trưng cao quý của hoa « bạch mẫu đơn », đúng như ý nghĩa mà trước đây hơn bốn mươi năm, thầy tôi đã giảng dạy :

— Hoa mẫu đơn là hoa phú quý, hoa thanh bạch. Phú là giàu, nhưng giàu lòng mới là quý, chứ không quý gì cái sự giàu tiền giàu bạc, và sự đáng quý nhất của kẻ nam nhi là sự thanh bạch, thanh bạch trong tâm hồn, thanh bạch trong đời sống, thanh bạch trong chí hướng công danh, vì chỉ có sự thanh bạch mới tạo cho mình được cái danh đích thực của nhân cách.

Từ đó đến nay, đã hơn bốn mươi năm, tôi vẫn còn nhớ lời giáo huấn đầu năm của thầy tôi. Và năm nay, tôi đã xấp xỉ lục tuần, sắp đến tuần « thất thập cổ lai hy », tôi vẫn không quên lời giảng huấn ấy.

Giờ đây, trong cảnh Tết tha hương tôi thường Xuân trong mộng tưởng bằng cái thú quay lại trong trí nhớ cuốn phim ký vãng của Hội Trúc-cương thừa xa xưa nơi cổ hương, ly cách đã khá lâu, không biết ngày nay có còn được diễn lại những hội hè đình đám với các cuộc vui « chèo thuyền thời cơm thi », tế nữ quan « bơi chải châu thần ».

« Tết Mộng-tưởng » đối với tôi cũng là một thú thưởng Xuân đặc biệt và thích hợp hơn cả trong cảnh tha hương!

PHONG-CHÂU

ĐÔNG - HỒ

Chợ Đêm

Ở Hà-tiên, phiên chợ cuối năm gọi là « Chợ Đêm ».

Ở Sài-gòn, Chợ Đêm có nhiều đêm. Từ đầu tháng Chạp, chợ Tết đã bắt đầu rộn rịp khác thường. Chẳng những ở một chợ Bến-thành, Chợ-lớn, mà ở các chợ ngoại ô chung quanh, cũng đều kéo dài về đêm, để đủ cung ứng kịp nhu cầu cho một Thủ-đô đông đảo ngót ba triệu người rất ham ăn Tết.

Chẳng phải đợi đến tháng cuối năm, Sài-gòn Chợ-lớn mới hoạt động về đêm, mà bình thường, quanh năm, ngày cũng như đêm, Chợ-lớn, Sài-gòn có lúc nào ngừng nghỉ nhịp hoạt động. Ăn của Thủ-đô ngày nào mà thiếu trần hào mĩ vị ; mặc của Thủ-đô ngày nào mà thiếu gấm vóc phần son. Cho nên Chợ Đêm ở kinh đô đã hóa ra thường.

Ở Hà-tiên thì khác. Không phải là đất sinh hoạt thương mại sầm uất như các phụ đầu phần thịnh, cho nên quanh năm, chợ Hà-tiên chỉ họp một buổi sáng mà thôi. Gần gần trưa, thì chợ đã tan. Buổi chiều thì vắng hẳn. Câu văn nào đó, ai đã viết : « Tâm sự đìu hiu, trống trải như cảnh quán chợ về buổi chiều hôm, lộng qua bao nhiêu luồng gió... » Câu đó đã tả rất đúng « tâm sự » của cảnh quán chợ Hà-tiên về những buổi chiều trống lộng trống lơ, hứng luồng gió mặn từ biển khơi thổi lộng, muôn đời xa vắng mênh mông.

Sống trong cảnh vắng vẻ suốt 359 ngày đìu hiu như vậy, mà có một ngày được họp chợ về đêm, đi chợ Tết, cho nên vui vẻ lạ thường. Thêm thêm cho cảnh chợ, như có một khí vị thiêng liêng như cảnh thần lâu hải thị.

Chợ Đêm ở Hà-tiên luôn luôn nhất định vào ngày trước ngày tuế trừ. Nghĩa là, nếu tháng Chạp là tháng đủ, thì Chợ Đêm là ngày 29. Nếu, tháng Chạp là tháng thiếu thì Chợ Đêm là ngày 28.

Hà-tiên, sở dĩ có Chợ Đêm, không phải là vì cuộc sinh hoạt gần Tết gia tăng, thì gian của ngày không đủ, mà phải lấn sang về đêm như chúng ta đã thấy tại Thủ-đô Sài-gòn, có nghĩa « phần cao kể cứu ». Ở Hà-tiên không phải vậy. Sở dĩ phải có Chợ Đêm, trước ngày cuối năm, bởi vì ngày cuối năm không có chợ. Chợ hoàn toàn nghỉ họp. Chợ không họp ngày cuối năm, bởi vì ngày đó dành cho việc sửa dọn lễ Rước tổ tiên. Những thức ăn tươi, thịt cá rau cải bánh trái mua sắm ở Chợ Đêm tối hôm trước là để dùng nấu nướng dọn cỗ cho hôm sau, hôm tuế trừ.

Ngày tuế trừ phải dẹp hết mọi làm ăn sinh hoạt nghề nghiệp thường ngày, bởi vì ngày đó mọi nhà đều phải chú tâm lưu ý về mỗi một việc đón rước tổ tiên, không muốn bận tâm về việc khác. Lại có nghĩa thiêng liêng là mọi người phải rảnh rỗi công việc, để tỏ hết tâm thành về việc thờ cúng tổ tiên cho trọng thể, cho chỉnh tề.

Phải có như vậy, vì nghĩ rằng, quanh năm suốt tháng bận nghề nghiệp làm ăn, tuy có ngày kỵ, ngày giỗ, cũng vẫn chưa thỏa lòng hiếu kính, vẫn còn e dè sót những tổ tiên lâu đời, những họ hàng xa. Vậy, ngày tuế trừ, là ngày Giỗ-hội. Những người đã mất, từ bao nhiêu đời, bên nội bên ngoại xa gần, ngày Giỗ-hội đó cũng về hội họp đông đủ, về ăn tết tới con cháu, về đông đủ để cho con cháu cúng phụng trong ba bữa Tết. Lại nữa, ngày thường cũng đã có kỵ, có giỗ, nhưng e rằng không đủ lễ nghi, không đủ tươm tất, bởi sinh nhai đạm bạc cũng có, bởi bận bịu công việc làm ăn cũng có, bởi cầu thực tha phương cũng có. Cho nên chẳng những về phương diện tinh thần mà cả phương diện vật chất cũng phải dành hết cho việc đón rước tổ tiên, bữa tuế trừ đó, cho thỏa lòng con cháu.

Nguyên nhân, Hà-tiên có tục lệ họp một đêm Chợ Đêm là như vậy.



Riêng đối với tác giả bài này, Chợ Đêm Hà-tiên còn là một cảnh nên thơ, đã ghi nhiều ấn tượng đẹp thuở thiếu thời.

Như đã nói ở trước, quanh năm 359 ngày sống trong vắng vẻ đìu hiu, tối tăm lặng lẽ, mà đến cuối năm, được có một đêm náo nhiệt tung bừng, xôn xao rục rở, lòng ai mà chẳng nô nức vui vầy.



Nói là Chợ Đêm, chứ mọi người đã tụ họp từ lúc xế chiều. Chợ nhóm giữa lộ thiên, bởi thời tiết cuối năm không mấy khi có mưa. Y như cảnh các chợ chúng ta từng thấy quanh đây, như chợ Ông Tọa, chợ Vườn Chuối v.v...

Chợ họp ngay trên mặt đất. Không kê sạp, không dựng chòi, không che lều, che mái, như quanh chợ Bến Thành.

Trải chiếu, trải đệm trên mặt đất, các thức hoa quả khoai củ rau dưa đồ đông lên đó.

Có một điểm khác hơn Sài-gòn là chợ không có bán hoa mai. Bởi vì hoa mai ở Hà-tiên có sẵn rất nhiều ở núi rừng gần đó. Muốn chơi hoa mai thì ai cũng có thể tự mình vào rừng lấy về, dễ dàng. Có ai thèm mua đâu mà phải có người bán. Nói thế, chứ cũng ít người tết nhà bằng hoa mai. Bởi, cái gì có nhiều và có được dễ dàng thì không quý nữa. Muốn thưởng hoa mai, thì cứ đi mây bước vào rừng vào núi mà nhìn, bạt ngàn vàng rục. Tội gì mà phải bỏ tiền mua.

Ngày nhỏ, tôi có câu đối đề chỗ thư thất rằng:

*« Mai hoa cô dụng nhất tiền mai
Thư thất thăng đồi vạn hộ hầu »*

Nghĩa rằng:

Hoa mai có sẵn, không cần mua lấy một tiền.

Nhà sách đủ giàu, hơn đứt tước hầu vạn hộ.

Câu dưới thì có ý hơi xược xược, tầm thường của con nhà đọc sách, tự hào.

Chớ câu trên thì tả đã đúng thực cảnh. Quanh nhà tôi, hoa mai hồng làm giậu. Sân vườn trước vườn sau nhiều là nhiều. Câu thơ

Muôn cánh mai vàng muôn cánh bướm

Tung bừng yển tiệc náo làng hoa

là câu thơ tả mùa tết, hoa mai thịnh phát.

Hoa mai sẵn có gần bên nhà như vậy, thì còn ai đem tiền ra chợ mà mua. Có đâu như ở Sài-gòn này, hoa mai quý như vàng, ngày tết, giành giật với nhau mà mua cho cao giá.

Tràng an mai giá cao ư mễ

Ngã mai kỳ vấn như mai hoa.

Tràng an giá mai đắt như gạo

Tôi bán thơ hay Nàng bán hoa.



Lạc loài-vào chợ hoa Sài-gòn rồi đó sao. Trờ về Hà tiên mà đi Chợ Đêm.

Các món hàng đồ thành khóm trên chiếu, trên đệm, trải ngay trên mặt đường. Trước mỗi chỗ xếp đặt hàng hóa, có một vài ngọn đèn chai. Đèn chai tức là một thứ đuốc nhỏ, dài độ bốn năm tấc tây bó bằng vỏ cây trầm tẩm dầu chai. Đèn chai đốt rồi, dựng nghiêng, gác trên hai cái cọc bắc treó. Mỗi chỗ chỉ một vài cây, tuy thế, họp lại một chợ, cũng thành được một cuộc đốt lửa trại, một lễ đình liệu nào thuở xa xưa.

Đêm cuối năm, đêm áp tết, là sắp đêm hối dạ, trời tối như mực, một rừng lửa bỗng nổi lên. Ánh sáng bùng bùng, khói và lửa chập chùng dao động, bóng người bóng vật chen nhau thấp thoáng, lại lại qua qua, mua mua bán bán, tiếng người xôn xao, lòng người xôn xao. Tưởng tượng như cảnh chợ thần tiên trong huyền thoại, hải thị thần lâu. Giữa khi ở phố thị họp Chợ Đêm, thì ở trên đỉnh núi Tượng-sơn, lửa bốc cháy. Tượng-sơn ở về phía tây chợ Hà-tiên, cách độ ba cây số, bên đường đi ra bãi biển Lộc-trì (mũi nai).

Đây là một hiện tượng lạ. Bây giờ, không biết có còn cảnh đó nữa hay không.

Khi tôi còn ở Hà tiên quê nhà, thì Chợ Đêm luôn luôn xảy ra hiện tượng lạ lùng này.

Cứ y như không sai, buổi tối, họp Chợ Đêm, thì trên đỉnh núi Giếng Tượng có lửa phát hiện. Mùa tháng Chạp là mùa khô. Lá héo, cỏ ráo, cho nên lửa cháy dễ lắm. Lửa cháy lan khắp hết cả một chóp đỉnh núi. Tưởng tượng như là cuộc đốt phong hỏa đài của thời Đông Chu, cấp báo cho chư hầu, khi có binh biến. Lửa phát cháy từ lúc chập tối, cho đến gần lúc nửa đêm, khi tan chợ. Việc lửa cháy trên Tượng-sơn, đêm Chợ Đêm ở Hà-tiên này, tôi đã nhiều lần tìm hiểu nguyên nhân mà không tìm được bí mật.

Không biết đã có từ thuở nào. Khi tôi mới lớn lên, thì đã có rồi. Tôi nghe ông nội tôi kể chuyện, nghe bác tôi nói lại, thì lửa này đã có từ xưa, cũng như tôi đã thấy bây giờ. Hỏi nguyên nhân, hỏi do ai đốt, thì không ai trả lời cho thông. Những người không ưa nói chuyện mê tín, không ưa nghe chuyện hoang đường, như bác tôi, thì bác nhất định đó là những người đi rừng, nhân nấu nướng mà củi than bừa bãi, nhân hút thuốc mà tàn thuốc rơi rớt, gặp ngày cỏ khô dễ bén lửa, thì cháy đó thôi chứ có gì lạ mà lạ. Ngày thường chắc cũng có cháy như vậy, nhưng vì ngày thường không ai để ý làm chi. Bởi tình cờ đúng vào giữa đêm họp Chợ Đêm cho nên chúng ta mới lấy đó làm lạ mà thôi.

Thuở nhỏ tuổi, tôi cũng tin như suy luận ứ đoán của bác tôi.

Nhưng lớn lên, tôi thấy, suy luận của bác tôi không đúng. Nếu là do người đi làm rừng vô ý lửa củi mà cháy thì sao mà ở những núi rừng khác không cháy. Hà-tiên thời chỗ nào mà không có núi có rừng. Và núi rừng nào mà không có người đi làm. Lại nếu là do người đi làm rừng vô ý mà cháy, thì sao lại cứ cháy đúng vào đêm áp tết đó. Như trên tôi đã nói, tháng Chạp có tháng thiếu, có tháng đủ, Chợ Đêm có đêm 28, có đêm 29. Thì lửa núi Tượng-sơn cũng phát cháy như vậy. Thì rõ ràng là lửa đợi đúng đêm họp Chợ Đêm mới đốt. Là một cố ý nhất định, quyết không phải là một tình cờ. Lại lửa cháy, luôn luôn đúng vào chỗ chóp núi đó. Chỗ đỉnh núi đó bị cháy hằng năm như vậy cho nên cây to không mọc được, đã trở thành đỉnh núi trọc. Chỗ núi trọc đó, chỉ có cỏ tranh mọc được mà thôi. Cứ tháng Chạp cháy rụi hết. Qua mùa mưa, cỏ tranh mọc lại, lại xanh non, lại mơn mớn. Đến thu đông, cỏ tranh già; cuối năm cỏ khô, để cho ngọn lửa thiêu dễ bốc. Rồi lửa lại đốt, cỏ lại mọc. Lửa hồng cỏ biếc thay đổi đời đời.

Tôi đã từng lên chơi núi, xem xét có dấu tích gì lạ hay không. Trên đỉnh núi, vùng ra một khoảng rộng. Chỉ có lơ thơ vài ba cây nhỏ, đó đây lác đác có ít hòn đá tảng, nhẵn. Còn thì toàn là cỏ tranh mới mọc khắp cả. Không có gì khác lạ. Hoặc giả có, mà mình không đủ thì giờ, không đủ tư cách thám hiểm. Bởi mình đến đó chỉ với tư cách nhà thơ, thích lên đó để nhìn áng cỏ xanh mơn cho mát mắt, cho êm gót đạp thanh trong bước đặng cao.

*Non cao áng cỏ xanh non
Cỏ non xanh rợn kiền khôn bốn bề
Đỉnh ninh hện ước sơn khê
Lửa hồng cỏ biếc lời thề nghìn xưa.*

Tôi ngờ rằng đây là một ước hẹn truyền kiếp, có một tính cách kín mật thiêng liêng. Chúng ta nên nhớ rằng, Hà-tiên này nguyên là đất mang khám huyền bí của người Khờ-me. Họ Mạc Cửu khai thác, trải qua cuộc kinh doanh của những người Hoan-nam, là giống người chịu nhiều ảnh hưởng thần thánh của vùng Ngũ-linh, La-phù, rồi lại bị người Xiêm chiếm đoạt, cũng là một giống dân tộc có nhiều khuynh hướng thần bí, cuối cùng lại là địa hạt hoạt động của tổ chức Thiên-địa hội. Thiên-địa hội là một tổ chức hội kín rất trọng lời thề, rất thủ tín với lời thề ước. Vì muốn cho hoạt động của tổ chức khỏi bị bại lộ, lệ luật của họ giữ gìn rất cẩn mật, người ngoài khó mà biết được. Cũng không có ai muốn biết. Vì họ ngờ người nào khám phá được chút đỉnh hành động của họ thì tánh mạng người đó khó an toàn. Cho nên, có hiểu kỳ, cũng không ai muốn tìm hiểu làm gì.

Hướng chi, lửa cháy tận trên đỉnh núi cao, cháy một ít cây, một đám cỏ, rồi tàn, lửa không gần làng xóm, không gây hỏa hoạn không làm thiệt hại cho ai, đứng xa xa nhìn lên cuộc đình liệu cuối năm đó đã vui mắt, thì cũng chẳng can gì mà tìm hiểu cho xáo trộn ý nghĩa thần linh thâm kín của nó.

Vì những lẽ đó mà hỏi ai, ai cũng không dám nói, vì ai cũng không muốn biết. Dầu sao, nó cũng đã cho chúng ta một ý cánh nên thơ :

*Hùng hội cỏ thơm lời thề ước,
Hoa đăng ngàn đỏ lửa cao siêu.*



Chợ Đêm ở Hà-tiên không có hoa mai, mà lại có nhiều dưa hấu. Dưa hấu Chợ Đêm cũng là một món hàng đặc biệt. Dưa hấu rất nhiều và rất tốt, và lại rất ngọt rất ngon.

Dưa lòng đỏ, lòng vàng, cát dòn, nước ngọt là thuộc về dưa thời xuân, không phải nói.

Dưa quả to, da đen, gân xanh, bầu bình tròn trịa, đều đặn mới thuộc về dưa cúng, dưa phong tục.

Đi Chợ Đêm Hà-tiên phải tìm mua cho được loại dưa đặc biệt này. Là một sản phẩm nghệ thuật không thể bỏ qua.

Dưa này để chưng lên bàn thờ, tết tổ tiên cho xứng đáng, cho trọng thề, lại cũng để cho đẹp mắt, ngắm nhìn, cho thỏa lòng ước vọng. Quả dưa tròn trặn tượng trưng cho một năm viên mãn.

Qua Tết rồi, đến rằm tháng Giêng, đêm Nguyên-tiêu, ăn tết trắng đầu năm, lấy những quả dưa này, chế khắc thành quả đèn dưa. Những quả đăng sẽ biến thành những hoa đăng, dự thắng Hội Hoa-đăng, đêm bắt dạ.

ĐÔNG-HỒ

MÓN QUÀ TRANG NHĨ ĐẦU XUÂN
HÃY TẶNG NGƯỜI YÊU

CON CHIM TRỐN TUYẾT

truyện Paul GALLICO

bản dịch Trần Phong-Giao và Hoàng-Ưng

GIAO-DIỂM xuất bản

một mối tình thanh cao thơ mộng

lồng trong tình yêu nghệ thuật quê hương đất nước



giai-phẩm Xuân Kỷ-Dậu

ĐÔNG-HỒ. LÃNG-NHÂN. VŨ HOÀNG
CHƯƠNG. BÀNG BÁ LÂN. ĐỖ THỨC
VỊNH. BÙI KHÁNH ĐẢN. VÕ HỒNG.
TẠ TỴ. VÕ PHIẾN. NGUYỄN MẠNH
CÔN. MAI THẢO. THANH TÂM
TUYỀN. TRẦN THỊ TUỆ MAI. DƯƠNG
NGHIÊM MẬU. TÔ THUY YÊN. NHÃ
CA. HOÀNG BẢO VIỆT. NGUYỄN
THỊ HOÀNG. MAI TRUNG TĨNH.
TÚY HỒNG. NGUYỄN XUÂN HOÀNG.
Y UYÊN. NGUYỄN THỊ THỤY VŨ.
KIM TUẤN. TRẦN TUẤN KIỆT.
HUY LỰC. HOÀNG TRÚC LY.
VIÊN LINH. DU TỬ LÊ. NGUYỄN
QUANG HIỆN. TRÙNG DƯƠNG.
HUỲNH PHAN ANH. HOÀNG NGỌC
BIÊN. BÌA : CAO LĨNH. VĂN THANH.
PHỤ BẢN : TRANH CỎ VIỆT NAM.

Thơ Bùi Khánh Đản

U Âm

*Lỡ hẹn sông hồ, khép mộng xanh
Gạt mình-chấu, trả ngọc-liên-thành
Thiên thu vọng mãi tơ-hoài-niệm
Vạn lý vang lên khúc-độc-hành
Bút dấu lưu - quang vùi cổ sự
Lòng thường sa-mạc lắng tàn canh
Chiều ơi, những cánh hoa thời loạn
Hương có mờ theo sắc mỏng manh.*

Mạn Ý

*Sương bạc màu hoa lối hẹn hò
Mưa hoàng-hôn lạnh áo hoàng-đô
Còn bao năm nữa tròn nghiêng bút
Vẫn một trời xa lạc hải hồ
Chẳng đợi xuân đề trang mộng trắng
Đành chờ thu điểm nét thơ khô
Lòng mây, lòng gió, qua lòng bụi
Có thấy sông khuya nhạt bóng đỏ,*

Trần-thị Tuệ-Mai

Trái tim hồng

« Thương nhau cởi áo trao nhau
Về nhà mẹ hỏi. — Qua cầu gió bay... »
(ca-dao)

*Gió bay... tình lả phương người
giọt thương giọt nhớ đầy vơi mắt thề
cửa hờ then lỏng đêm mê
tay trắng ru nhẹ giấc về tình lang*

*Gió bay... tóc lúa thơm vàng
thơm em đưa áo, thơm chàng đón duyên
(coi như ván đã đóng thuyền
coi như mưa nắng muôn nghìn có nhau)*

*Gió bay... tre lả ngọn sầu
mẹ cha nữ đề trầu cau lạc mùa !
cho chiều mây rối tương tư
cho đêm nước mắt đôi bờ ngập trông*

— Thuyền em dù phải ngược dòng
mười hai bến nước — một lòng bến anh.

NGUYỄN MẠNH-CÔN

Yêu Anh Vượt Chết

Cho Nguyễn Đình Vượng

Trích Đại-Đồng BÁCH-KHOA tự-diễn

KẾ HOẠCH VƯỢT CHẾT. —... Sự thất bại của Hoa-Thơm-Sương-Sớm, lẽ tất nhiên, có ảnh hưởng tai hại đến tâm hồn Nàng. Người ta không biết rõ, và điều đó cũng dễ hiểu, về sự sống về sau của Nàng: có người nói chính Nàng còn một mình ở trong, và đã gây nên vụ nổ kinh hồn, làm tan vụn tòa lâu đài Núi-Cao-Hơn-Núi; nhưng có người lại nói Nàng ra ngồi trên tảng đá vân gấm màu xanh ở giữa Hồ-Trong-Tâm-Hồn, và ngồi mãi cho đến chết, thịt xương tiêu dần thành cát bụi vào nước hồ, mà giai nhân được nghiêm lệnh không bao giờ đến gần. Cả một vùng chung quanh tòa lâu đài Núi-Cao-Hơn-Núi không có người ở, trong ít lâu trở thành khu rừng Đồi-Đoạn-Ai-Ấn mà ai nấy đều biết. Còn về phần Tiếng-Ca-Lơ-ri-Kiểm — nghĩa là bản sao-y-nguyên-văn của Kiểm — không ai đề ý rằng dòng đời đưa đẩy hẳn về đâu... Điều đáng được ghi nhận, và quả thật có tác dụng như một sự cảnh tỉnh một số nhà khoa học, là, từ bấy giờ, người ta đã thấy rõ rằng khoa học, với tất cả những tài năng và phương tiện có thể có, không thể nào chế tạo được một linh

hồn toàn vẹn. Loài người, từ bấy giờ, phải minh xác rằng đến *Tình-Yêu-Vượt-Chết của Hoa-Thơm-Sương-Sớm* còn không tái tạo thật sự được *Tiếng-Ca-Lưỡi-Kiểm*, thì loài người, sau đó, không bao giờ còn lại có ý muốn theo kịp *Thượng-đế*. Đó chính là một trong những nguyên nhân, sau này trở thành một trong những động lực, kiến tạo nền Văn-hóa Đại-đồng của kỷ nguyên hiện tại.

1

Chàng thật đẹp trên giường người đàn bà.

Thơm quỳ bên cạnh chàng, say đắm nhìn chồng. Kiểm thật đẹp, như một con thú thanh xuân và thiên nhiên, sau khi thỏa mãn đến thống trị toàn thân con cái, đang vươn mình dãi nắng trên cỏ non. Kiểm nằm im, và Thơm nén hơi thở để khỏi quấy phá sự im lặng của chồng. Kiểm nằm im, nhưng Thơm để cho trí tưởng tượng lơ lửng theo hình bóng của chồng nàng đang chạy nhày trên những phiến đá, bên hồ. Kiểm bình thản, tươi vui giữa cái cảnh giàu sang cực điểm của nàng.

— Anh chỉ biết em, con nai sao bé bỏng của anh.

Thơm ngạc nhiên, sung sướng vì sự khinh khi đầy triu mến của người yêu.

— Đứa nào làm bận em bằng sự giàu có này, anh sẽ lui cho nó một dao. Anh sẽ bắt cóc em đến một hòn đảo nhỏ giữa một con sông. Có thời gian trốn lính, anh lạc vào khung cảnh nên thơ đó. Anh bắt rắn, bắn chim ăn, ăn xong nằm dưới gốc một cây đồi nhìn nước chảy, nhìn bóng cây mặc áo hoa cho mặt đất. Khi nào mệt mỏi, anh bơi qua sông...

Thơm ngửa mặt lên cười. Kiểm có một lối nói ngược với lẽ phải, nhưng hợp với lòng nàng. Thơm làm chủ cái sản nghiệp to lớn dị kỳ, nó cho phép nàng có bất cứ thứ gì nàng muốn,

nhưng. Thơm không thể nói bơi qua sông khi mệt mỏi. Nhưng chàng có thể làm như vậy. Kiểm thuộc lớp người mới, có lẽ nên gọi là một nhân loại mới, một nhân loại gồm những cá-nhân-dịch-thể. Những cá nhân mà bề ngoài thân thể vẫn bình thường, hoặc chỉ có đôi thay chút ít: tóc màu xanh da trời hay màu bạc, con ngươi của mắt có nhiều mặt phẳng như viên kim cương, hay trên vành tai bỗng mọc lên những hàng lông mượt. Nhưng bên trong có thay đổi nhiều hơn. Những con mắt đôi mới có thể nhìn được trong bóng tối, những vành tai bắt được luồng sóng siêu âm. Những khớp xương cò cho phép quay đầu tròn cả một vòng, những cánh tay gấp ngược, những bàn chân biết cầm. Một số người, càng ngày càng nhiều, chịu đựng được sức hấp dẫn từ mười giờ trở lên; một số người khác vào được chân không không cần đến bộ giáp không hành. Đó là những con người mà thân thể đã thay đổi nhiều hay ít, để theo kịp tình thế mới, do những tiến bộ mà khoa học đem đến cho đời sống. Lẽ tất nhiên sự thay đổi không được thực hiện bởi bất cứ một cuộc giải phẫu y học nào. Người ta chỉ nhận thấy, và hiểu rằng một ý chí thâm kín nhưng mãnh liệt nào đó đã vận động cho có sự thay đổi ấy ở ngay kích thước tế bào. Sự thay đổi đến từ bao giờ, không ai biết. Người ta chỉ nhận ra có gì mới khi bất chợt có những người bị rách bộ giáp không hành trong khi làm việc trong chân không, mà không bị nổ tung, mà vẫn tiếp tục làm việc như không có gì xảy ra. Một số người khác có thể mặc quần áo thường, đi vào giữa một tòa điện tri nguyên tử, rồi đi ra, khắp người đầy những tia *alpha*, *beta*, *gamma*, mà sau đó vẫn không sao hết. Riêng phần Kiểm, chàng chẳng có khả năng gì làm lợi cho khoa học. Kiểm chỉ có một khả năng là mỗi khi mệt mỏi, chàng lại làm một việc gì thật mệt mỏi, thì mệt mỏi sẽ hết, và chàng lại khỏe khoắn như thường.

Kiểm biết rõ đặc tính của mình từ sớm lắm. Đó là một may mắn, nhưng cũng là một tai hại. Mới mười hai tuổi, chàng đã bơi qua một eo biển rộng, để lấy một số tiền thắng

cuộc lớn. Ba năm sau, chàng đến giúp một bọn cướp chống lại nhà cầm quyền: khi bọn cướp bị tiêu diệt, một mình Kiêm mang túi ngọc kim cương vượt qua một sa mạc rộng hai trăm cây số. Mọi người tin chắc không ai thoát được bàn tay của tử thần, nên tất cả mọi cuộc tìm kiếm đều chấm dứt. Tiền bạc thành thử không bao giờ gây khó khăn cho chàng. Nhưng, ngược lại, Kiêm cũng không thích lười biếng và hưởng thụ. Nhiều món tiền lớn được một bàn tay bí mật gửi đến cho những cơ quan nghiên cứu khoa học hay nuôi dưỡng trẻ nhỏ. Kiêm, một mình, chỉ muốn được tự do. Năm chàng đến tuổi làm nghĩa vụ sản xuất, Kiêm đã chọn việc cày ruộng. Bốn năm sau, nghĩa vụ được hoàn thành rồi, và Kiêm đã được bảo đảm về mọi nhu cầu thiết yếu đến trọn đời, chàng bèn gia nhập đoàn thủy thủ — nghĩa là đoàn thủy thủ trên những con tàu không gian. Người ta nói chàng là một thủy thủ can đảm và tài giỏi. Nhưng chàng không được thăng cấp chỉ huy, vì thiếu học. Đối với một người bình thường thì đó là một tai hại lớn. Nhưng hình như Kiêm không chú ý bao nhiêu đến cuộc sống bên ba từ hành tinh này đến hành tinh nọ. Cho đến năm chàng hai mươi bốn tuổi, người ta bỗng thấy Kiêm biến đi đâu mất... Mãi hai mươi bốn năm sau chàng mới lại xuất hiện, không già đi chút nào. Nhiều người tưởng đó cũng lại là một đặc tính « dịch thể » của chàng, nhưng có một số ít, rất ít, người biết Kiêm không thật là Kiêm. Đó chính là câu chuyện bí mật về tình yêu của Thơm đối với chàng; tình yêu lạ lùng, si mê, mãnh liệt, đưa hai người lên tận đỉnh trời cao trước khi tan vỡ thành mối hận ngàn đời.

Tình yêu lạ lùng, được kể lại trong tự điển Bách-khoa như một giai đoạn ngắn ngủi mà quan trọng của lịch sử văn hóa của nhân loại, tình yêu ấy bắt đầu bằng một trò chơi. Vào cuối một mùa Nắng, Kiêm vừa làm một cuộc hành trình giữa các ngôi sao về, và mới ra khỏi không cảng thì gặp một người bạn cũ. Bạn từ thuở hai anh em còn thích chơi trò vượt tường xây chung quanh những cơ nghiệp đồ

sộ, vào « thám hiểm » những vườn hoa rộng mênh mông, hoặc treu cho cả một đàn chó dữ đuổi theo, hoặc có khi chỉ nấu mình ở yên một nơi, xem gia đình chủ nhân giết thì giờ trên sân banh, trong hồ tắm.

Kiêm mới gặp lại Phụng-Hoàng-Nhiễm-Độc — gọi tắt là Hoàng — đã vội nhớ ngay đến những trò chơi cũ. Hoàng và Kiêm cộng tuổi lại, có gần năm chục rồi, nhưng cả hai cùng thấy mình còn trẻ thơ. Họ rủ nhau đi tìm một bức tường thật cao, thật kín, giữa phong cảnh thật âm u. Họ tìm thấy nó ở rất xa thành phố. Bức tường cao hơn 5 thước, dài hàng chục dặm, uốn khúc giữa những rừng cây vô tận. Hai anh em cùng lấy làm thích ý, nhưng bấy giờ trời đã về chiều. Hoàng hẹn Kiêm sáng sớm hôm sau trở lại.

Thế rồi Hoàng sai hẹn, mãi hơn chín giờ không đến. Kiêm vùng vằng quăng cái móc sắt hình mỏ neo lên tước tường. Kiêm lạc vào một phong cảnh thần tiên, mặc dù chàng đã thấy không thiếu gì cảnh đẹp. Cây cỏ, hoa lá, hồ nước, cầu bơi, những tảng đá xanh, những bãi sỏi trắng, mọi vật đều có vẻ bình thường. Nhưng tất cả được thu xếp một cách khéo léo. Và khắp mọi nơi đều vắng bóng người — phải, có lẽ sự vắng vẻ đã làm cho xúc động một thanh niên chưa bao giờ được có một mình. Đời sống bên ngoài tấp nập quá, vội vàng quá.

Kiêm phải đợi đến hôm nay mới thấy trong tâm hồn tự nhiên nhẹ bỗng. Mọi suy tư, cả quá khứ, đều ngừng lại. Thời gian như không trôi đi. Kiêm rất khê khàng tiến đến bên bờ hồ. Chàng nhìn quanh một lần nữa, rồi cởi quần áo, rất thông thả đi dần vào nước. Chàng bơi như một con cá, im lặng ra giữa hồ. Một tảng đá, màu xanh-không-thề-nói, bỗng đội nước nổi lên. Kiêm không lấy làm lạ. Chàng ngồi trên mỏm cao, ngàng mặt lên thỉnh thoảng. Giữa những đám mây trắng bành bồng có những chớp lửa màu vàng cam của những không thuyền về bến, màu tím hồng của những chiếc ra đi. Kiêm chưa đến đây bao giờ, mà sao lại thấy như quen, như thuộc. Chàng đứng dậy, chụm tay quanh miệng làm loa, hú lên một tiếng

đầy nhựa sống và âm nhạc của tuổi trẻ. Tiếng-Ca-Lưỡi-Kiểm, ta đã về đây, làm chủ bầu trời này. Tiếng ca sắc nhọn, cắt thời gian, chém đứt những nụ hoa, gây thương tích cho những chồi cây, búp lá còn non. Tiếng ca từ thuở đợi chờ còn chưa biết, nhưng đã biết do ước hẹn ngàn vạn tế bào. Kiểm bừng tỉnh, cất tiếng cười sang sảng.

Một tiếng cười ngắn, trong như va chạm pha-lê, đáp lại. Kiểm giật mình, quay nhìn lại sau lưng. Và kinh ngạc, kêu lên :

— Ô kia ! Bò !

Thiếu nữ nhìn xuống thân thể, không e thẹn.

— Ai là con trai, là bò của anh ?

— Thế chúng ta không cùng tuổi trẻ hay sao ? Kiểm thản nhiên hỏi lại. Bò ở đâu đến đây ? Vượt tường chỗ nào ?

Thiếu nữ chum môi, nguyền thán đáng yêu.

— Tôi là Hoa-Thơm-Sương-Sớm, gọi tắt là Thơm. Tôi là chủ cả dinh cơ này.

Kiểm lại phá ra cười. Chàng tiến bừa đến gần, nắm lấy cánh tay đang vẽ một vòng tròn bao quát cả phong cảnh. Kiểm đặt bàn tay của Thơm lên vai chàng.

— Xong rồi ! Cô bé con còn nuôi mộng lớn hơn hoàng tử. Nhưng phải cẩn thận. Kẻ làm ra sản nghiệp này dăm đến tuổi thái thượng hoàng. Lúc bấy giờ tôi sẽ phải tội nghiệp cho cô bé ! Sao cho bằng làm chủ một mình ta ?

Câu pha trò không được nàng cười đáp lại. Hơn nữa, vẻ nghiêm trang của thiếu nữ làm cho Kiểm gai người.

— Được lắm ! Em bằng lòng làm chủ một mình anh.

Kiểm cố gượng. Đừng có đùa dai. Hãy bơi một chút rồi về, kéo chủ nhà bắt gặp. Bò ở khu nào, đề tôi đưa bò về... Thiếu nữ mỉm cười, không trả lời, có muôn ngàn tia sáng sao trong ánh mắt. Nàng kéo tay Kiểm ngồi xuống, ngả đầu vào vai chàng. Nàng cất tiếng hát, líu lo như chim. Kiểm vừa định

hỏi đã thấy mặt hồ nổi sóng. Hàng trăm con cá ngừ quây quần, nhào lộn, khiêu vũ theo nhịp ca.

Kiểm chột hiều. Chàng hết hồn, vượt ra khỏi vòng tay nàng. Chàng đã đứng thẳng lên được, nhưng thiếu nữ mất chỗ tựa, đồ nghiêng người.

— Cô là... cô chủ... thật sao ?

Nàng gật đầu, lại kéo chàng ngồi xuống.

— Thiệt mà bò ! Nhưng bò ngồi xuống đây, bò đứng như thế trước mặt tôi, coi kỳ quá !

Kiểm giật mình, vội khép hai đùi lại, rồi lúng túng ngồi im. Mặc dù trong kỷ nguyên mới, thân thể ngà ngọc của họ không bị nền luân lý nào bắt giấu kín những vẻ đẹp tượng thần, Kiểm vẫn biết mình có lỗi với nàng. Trong khi đó, Thơm cứ tiếp tục hát khe khẽ. Tiếng hát đưa đàn cá bơi mãi vòng quanh, biểu hiệu sự khẩn khoản chờ đợi. Xem chàng đã biết, chàng sẽ làm gì. Sẽ khen nàng đẹp, bằng những lời quen thuộc. Hoặc hôn bàn tay nàng, thần phục. Hoặc đề nghiêng nàng trên tảng đá, vũ phu. Thơm khe khẽ lắc đầu, làm rung động mái tóc. Trên mái tóc cài một bông cúc màu huyền, mà mỗi cánh hoa là một mũi kim nhọn. Chỉ một cử động hơi mạnh, khiến cho một cánh hoa chạm vào một ngón tay, là ba giây đồng hồ sau chàng thanh niên sở sàng đã bất tỉnh, ngã xuống hồ, giữa đàn cá thuộc loài ăn thịt.

May chàng thanh niên đó không phải là Kiểm. Chàng cúi đầu, nhìn mình. Chàng ngàng đầu nhìn nàng, thật lâu, rồi thở dài thật nhẹ. Trong thâm tâm, chàng đã biết tuổi trẻ này, thân hình này tự hợp. Nhưng giàu sang kia, cao quý kia cách chia. Chàng chột thấy quận đầu trong tim. Thôi, thật khờ, ta đã yêu nàng. Nhưng không, không bao giờ ta chịu làm trò cười cho ai hết, dù đời sống của nàng bỏ xa ta hàng trăm dặm. Dưới mắt ta, ta chỉ thấy nàng cô độc, đáng thương. Kiểm nghĩ như vậy trong đầu óc, nên không biết hai bàn tay của chàng đã đưa lên, chăm chăm tháo sợi dây chuyền chàng đeo nơi cổ, chăm chăm đeo vào cổ nàng.

— Cô là chủ, cho tôi xin lỗi — lời của Kiêm nói nghẹn ngào, đầy sầu tủi. Nhưng dù sao, tôi đã yêu cô. Yêu sắc đẹp này, cơ nghiệp này, thì thật điên rồ. Sau hàng nghìn năm ánh sáng viễn trình, thật không ngờ tôi được gặp tình yêu ở đây.

Sợi dây chuyền đã được đeo xong vào cổ Thơm. Kiêm đỡ nàng ngồi thẳng lên, và đòi giọng, thân mật :

— Sợi dây này quý lắm. Nó bằng vàng trên chòm sao Trinh-nữ. Nó của ông tôi tặng bà tôi, khi cưới ; rồi do cha tôi tặng cho mẹ tôi. Bây giờ, tôi tặng nó cho bồ. Đề bồ biết trọn đời tôi không còn sinh lễ nào khác.

Kiêm nói đoạn, cúi xuống hôn vào sợi dây, đằng sau gáy thiếu nữ. Đoạn chàng vươn mình, phóng xuống hồ, bơi đến chỗ để quần áo. Chỉ độ 3 phút sau, chàng đã vượt bức tường ra ngoài, không một lần nhìn lại. Chàng không biết rằng Thơm không đứng lên, cũng không có ý muốn hỏi tên họ, hoặc gọi chàng trở lại. Bởi vì thiếu nữ thừa biết nàng sẽ tìm được chàng. Thân phụ nàng, trước khi qua đời, há chẳng dặn dò nàng thật kỹ rằng : « Con sẽ có bất cứ thứ gì con muốn, miễn sao thứ đó có ở đời này ! »

Kiêm đã « có » trên mặt đất, Kiêm sẽ là của nàng.



Không ai có thể tính toán mà biết hết được của cải của nàng. Thơm — Hoa-Thơm-Sương-Sớm — là con gái của Sao-Đêm-Cô-Đơn, là cháu gái của Băng-Lạnh ; Băng-Lạnh là con trai của Khi-Cây-Quả, cháu trai của Hồ-Lià-Rừng ; Hồ-Lià-Rừng lại là con của Mây-Trắng-Đêm-Đen, là cháu của Rồng-Lạc-Lối... cứ như thế đi ngược mãi về cái thời mà người ta còn mang họ Nguyễn, họ Trần, tổ tiên mấy chục đời của Thơm đã xây dựng được một cơ nghiệp đồ sộ. Mấy chục đời về sau vị tổ tiên đó vẫn tiếp tục làm giàu. Kịp đến Thơm, con một của một người cha ngang tàng bao nhiêu lại thận trọng bấy nhiêu, nàng được nhận một gia tài thật lạ lùng, mà chính nàng không sao biết hết được.

Dưới nàng, có Chú Ba, em kết nghĩa của Sao, được cha của Sao nuôi dạy từ khi, bốn tuổi, Chú Ba mất cả cha lẫn mẹ trong một chuyến không thuyền từ Hòa-tĩnh về Địa-cầu. Chú Ba có lẽ biết hết cơ nghiệp của Thơm, nhưng nói biết hết, là chỉ biết cơ nghiệp ấy hiện sử dụng bao nhiêu Chủ-tịch Hội-đồng Quản-trị hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba ; bao nhiêu Tổng Giám-đốc Công-ty hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba... Còn nói đến số tiền vốn, tiền lãi hàng năm, của mỗi xí nghiệp, hăng buôn, có lẽ phải hỏi đến các Giám đốc hạng Nhất, hạng Nhì, vân vân.

Nhưng được cái Thơm không bao giờ là một cô gái kiêu ngạo, sa hoa. Sao-Đêm-Cô-Đơn, sau khi đề tang người vợ đẹp tuyệt trần đủ ba năm, đã tuyên bố vĩnh viễn trung thành với người quá vãng. Đứa con gái độc nhất được ông ta đem hết tấm lòng với mẹ mà cho con. Ông ta muốn cho nó được sung sướng, được hưởng thụ thứ hạnh phúc chân phương như bất cứ con người bình thường nào cũng có thể được hưởng. « Nguy cơ thứ nhất là kiêu ngạo, nguy cơ thứ hai là sa hoa », ông bố nói đoạn lại tiếp theo rằng nếu Thơm kiêu ngạo, nàng sẽ bị ghét bỏ ; nếu Thơm sa hoa, nàng sẽ bị lừa dối, và trong cả hai trường hợp, con gái yêu của ông sẽ đau khổ. Vì thế, nên Thơm mới được năm tuổi, ông ta đã giao nàng cho Chú Ba đem ra khỏi tòa lâu đài Núi-Cao-Hơn-Núi.

Chú Ba thuê một ngôi nhà nhỏ, trong một xóm nghèo, cho Thơm mặc váy đen, áo trắng, đi học ở một trường dành riêng cho trẻ em, con cái dân lao động. Mầu đen và mầu trắng, sạch sẽ nhưng đơn giản, theo đuổi Thơm mãi đến năm mười tám tuổi. Thơm, không khác con gái một gia đình tầm thường, chỉ được đi học chín tháng mỗi năm, còn ba tháng phải đi làm công lấy tiền giúp Chú Ba. Thơm giữ đúng lời căn dặn của cha nàng, đến nổi năm mười sáu tuổi, đang tập sự nghề thêu huy hiệu cho các nhà hoa tiêu không hành, Thơm được tin cha mất, mà chỉ xin nghỉ việc có một buổi sáng về đưa đám, rồi trở lại ngay với mũi kim, sợi chỉ.

Hai năm sau, Thơm mới chính thức nhận lãnh di sản của ông cha. Mặc dù nàng đã biết trước mà vẫn còn kinh ngạc trong nhiều ngày, khi tiếp xúc với thực tại. « Con sẽ có bất cứ thứ gì con muốn... », Thơm có thể muốn một hành tinh lớn bằng Địa-cầu, có vàng khí quyền, riêng cho một mình nàng. Thơm có thể muốn một người — bất cứ ai — vì cả đến con người cũng có một giá mua, giá bán, miễn sao người ta biết trả số tiền tương xứng với người : — Thơm có thể trả bất cứ bao nhiêu...

Nhưng Thơm không làm công việc đại dật ấy bao giờ. Hơn thế nữa, là khác hẳn phần đông bạn gái của nàng, Thơm hai mươi tuổi hãy còn tinh khiết. Trong tâm hồn nàng cũng chưa có hình bóng chàng trai nào. Cho đến trưa hôm đó, nàng gặp Kiếm.

Kiếm đi rồi, Thơm còn ngồi rất lâu trên phiến đá xanh. Mãi xế chiều nàng mới về nhà, về lâu đài. Nàng đến thẳng phòng giấy của chú Ba. Lẽ dĩ nhiên nàng có ưu thế tuyệt đối trong khối óc chắc chắn rất lớn của Chú Ba. Nàng cũng là con của người đàn ông chưa lần nào lấy vợ đó.

Chú Ba mới thấy nàng đến gần đã vội hỏi :

— Thơm ! Cháu có sao không ? Cháu có cảm cúm không ?

— Không ! Thơm ngạc nhiên hỏi lại : Sao chú hỏi cháu như vậy ?

— Chú thấy má cháu đỏ hồng, mắt cháu sáng sao... Chú tưởng cháu sốt !

Thơm thấy má nàng nóng ran thêm nữa. Thơm sà xuống, ngồi vào lòng Chú Ba, chúi đầu vào chòm râu bạc phơ.

— Cháu sung sướng ! Cháu đã yêu chàng !

— Chàng ?

— Vâng, bồ của cháu !

Chú Ba nhăn mặt. Ai dạy còn bé ăn nói như thế bao giờ ? Chú cố ngửa đầu về phía sau, hai tay đặt vào vai Thơm, nhẹ nhàng nhưng cương quyết đùn nửa người thiếu nữ ra xa, để nhìn cho thấy rõ.

— Cháu nói lại đi Thơm : bạn của cháu.

— Không ! Người yêu của cháu ! Người yêu của cháu.

— Ừ, thì người yêu của cháu. Nhưng cháu hãy kể cho chú nghe. Người yêu của cháu ? Bao giờ ? Ở đâu ?

— Hôm nay ! Giữa hồ...

— Giữa hồ ? Đưa nào vào được giữa hồ ? Nó tên gì ? Bao nhiêu tuổi ? Ở đâu ?

— Chàng nói chàng vượt tường vào rừng cây, từ rừng cây ra bãi cỏ, từ bãi cỏ xuống hồ. Chàng ước độ hơn hai mươi. Chàng thật đẹp, thật lạ. Chàng nói yêu cháu, cho cháu sợi dây chuyền này đây. Còn tên chàng là gì, chàng ở đâu, cháu không biết.

— Cháu không biết !

— Không ! Nhưng chú biết.

— Chú biết ?

— Vâng. Cái gì mà chú không biết ! Cái gì chú cũng biết ! Chú sẽ tìm chàng.

Chú Ba mở to mắt nhìn Thơm. Nàng nhìn lại chú, không chớp mắt. Nàng không biết Chú Ba nghĩ gì, nhưng Chú Ba biết nàng đang thầm nhắc lời căn dặn của người anh nuôi của ông. Con sẽ có bất cứ vật gì con muốn — kể cả vật đó là người — miễn sao người đó có trên đời này. Chú Ba khe khẽ lắc đầu, một tay vuốt lại mái tóc mai cho cháu gái, một tay nhắc ống điện thoại.

Chỉ nửa giờ đồng hồ sau đã có hàng trăm ngàn người đồ xô đi tìm một chàng trai tên Tiếng-Ca-Lưỡi-Kiếm, theo hình ảnh khá mơ hồ mà Thơm kể lại, mà vẻ đẹp cổ nhiên

được nhân lên gấp mười, gấp ba mươi. Và chỉ nửa giờ sau người ta bắt đầu đưa về phòng giấy Chú Ba những chàng trai có tên gọi Tiếng-Ca-Lưởi-Kiểm, thật và giả, vì trên đời không thiếu gì kẻ, không có gì dễ mất, thấy người ta xôn xao tìm kiếm thì nhận đại đi, xem họa may có lợi lộc gì chẳng. Nhất là khi người ta được biết Tiếng-Ca-Lưởi-Kiểm là tên của người yêu của cô chủ tòa lâu đài Núi-Cao-Hơn-Núi thì số người đi tìm chàng phải kể hàng trăm triệu, trên Địa-cầu và trên các hành tinh phụ thuộc. Có người mong được tiền thưởng, có kẻ chỉ cần được biết đến tên thôi. Sự hăng hái mỗi ngày một tăng thêm, đến nỗi có nhiều thanh niên bị áp giải bằng võ khí đến cơ quan sơ bộ nhận diện, và có nhiều người khác bị trói gô lại một cách cẩn thận. Nhưng không có ai tìm thấy chàng trai mà Thơm chờ đợi.

Mãi đến bốn tháng sau, một đoàn thám hiểm mới tìm thấy Kiểm trong khu rừng nhiệt đới trên Kim-tinh. Những người thám hiểm bắn vào vai chàng một mũi kim đánh tê, in hệt như người ta bắt sống thú dữ, ngày xưa. Rồi sau đó, một chuyến không thuyền đặc biệt được lệnh đưa Kiểm về Địa-cầu. Chàng được giải thuốc tê, được nghỉ ngơi một nửa giờ, xong được đưa đến gặp Chú Ba.

— Cậu là Kiểm, Tiếng-Ca-Lưởi-Kiểm ?

Kiểm gật đầu, phải. Chàng nhướng mắt, ông là ai ? Im lặng.

— Cậu có tài sản gì không ?

— Không.

— Quá khứ cậu có danh dự gì không ?

— Không.

— Cậu có nghề nghiệp gì không ?

— Không.

— Cậu yêu cháu gái tôi, con bé Thơm ?

— Không.

— Cậu muốn lấy nó ?

— Không.

Chú Ba cất tiếng cười vang dội. Cô chủ của ông, con cháu gái ông, chọn người không lầm. Đúng một tháng nữa qua, tất cả những nơi có bóng người trong vũ trụ địa phương, đều có tờ chức lễ mừng đám cưới của Thơm và Kiểm.

2

Đêm thứ ba mươi hai của Tình Yêu. Thơm quần quai dưới mình chàng. Kiểm dướn người, ghì chặt hai cánh tay, trong cổ gắng và chiếm lĩnh sau cùng. Xúc động tan loãng, giao hòa, thần thánh.

Nhưng chàng bỗng buông tay. Môi rời môi, răng đánh vào nhau lập cập. Thơm rúng chuyển, mở mắt ngược nhìn. Trời ơi ! Sao chàng lại tự nhiên đau đớn nhường kia. Mắt mở ngược trắng dã, trán toả mồ hôi, nét mặt co quắp đã có vẻ lạnh băng thần chết. Từ trong cổ họng chàng, một tiếng rên vướn nghẹn. Khắp người chàng giá buốt kinh khiếp.

Thơm hết hồn vía, trần người ngồi dậy. Tiếng kêu cứu la lên như hồi còn thơ ấu. Chú Ba ! Chú Ba ! Nàng văng mình xuống tám thảm quý, đứng lên, chạy ra cửa, không giây phút nghĩ tới áo quần. Chú Ba nghe tiếng gọi, đến nơi. Tiền bạc còn không làm cho chú xao xuyến tinh thần. Chú không quay mặt nhìn đi, cởi nhanh chiếc áo choàng khoác lên vai cháu.

— Chú ơi chú ! Ảnh làm sao...

Chú Ba gạt nàng sang bên cạnh. Đề chú xem.

— Chú ơi chú ! Chú cứu ảnh, chú cứu con.

Chú Ba im lặng. Hai mắt chú dán xuống hình người dưới đệm. Kiểm đã tỉnh lại, đang chơi với khó khăn nuốt từng giọt

khí trời. Da tê tái điềm những vùng thâm tím. Chuột rút ở tay chân, ở ngực, ở bụng? Chú Ba mang nhớ một hình ảnh đầu đây. Một nhân viên thân cận của ông đã có lần đau tương tự. Đau rồi chết, không gì chữa được. Không phải vì tai nạn ngoài vào.

— Cháu phải cố yên, phải can đảm. Chú sẽ làm hết những gì cháu muốn — chú vừa nói vừa nhắc ống nghe điện thoại. *Allo !* Tôi đây, Ba đây. Hãy ghi những điều tôi dặn. Mời bác sĩ đến ngay. Phải, ông Lân, ngay bây giờ. Mời thêm ông Quát, phải, bào-thai-học. Ông ta nghĩ? Đi đâu? Ở đâu cũng tìm cho kỳ được. Điện siêu quang vô tuyến. Mua một máy bay... Mua một không thuyền... Ngay đêm nay có mặt. Chỉ thị của tôi là đủ. Tôi chờ. Cô chủ chờ... Nghe rõ không? Hết.

Tiếng ống nghe đặt đánh cạch vào máy. Tiếng thở của Kiếm nhọc nhằn trong im lặng của căn phòng trở nên mênh mông trống trải. Thơm quỳ bên cạnh giường, úp mặt vào tay chàng. Cái chết nào đứt đoạn tình yêu này. Chú Ba nhẹ bước đến gần, đỡ cháu đứng lên. Nhưng nàng không muốn rời xa chàng nửa bước.

— Ảnh đang đau, cháu không nỡ...

— Cháu phải đi. Tắm rửa, nghỉ ngơi, lấy lại bình tĩnh.

— Không, cháu không đi!

— Cháu phải đi! Bác sĩ sắp đến. Chú phải lo cho nó. Mặc quần áo. Sửa sang lại gối nệm bừa bãi.

— Không, cháu không đi. Không có gì phải che đậy, thu xếp. Vợ chồng cháu yêu nhau. Không có gì xấu.

— Nhưng bác sĩ... Bác sĩ không muốn có người ngoài.

— Cháu không phải là người ngoài. Cháu là vợ, là một nửa của chồng...

Giữa lúc đó, một tiếng động khẽ vào cánh cửa. Đoạn, cửa mở. Một người cao lớn, tóc hoa râm, dáng đi khỏe mạnh, bước vào phòng. Bác sĩ Lân. Ông chỉ thấy Chú Ba, và tiến đến bắt tay.

— Ai?... Ai?

Tiếng hỏi sau, kèm thêm một thoáng nghiêng đầu về phía người đàn bà quỳ trên thảm, cúi mặt xuống, đương vuốt ve tay người bệnh.

— Cô Thơm, cháu Thơm... Hoa-Thơm-Sương-Sớm.

Bác sĩ Lân hơi giật mình. À, ra đây là cô chủ, người bỏ tiền xây cất và chu cấp cho tòa bệnh viện hai ngàn giường do ông quản trị. Và, ngay lúc đó, Thơm nghe nói đến tên nàng, đã đứng lên, cầu khẩn.

— Bác sĩ. Tôi là vợ chàng. Xin bác sĩ cho tôi ở lại. Tôi giúp đỡ bác sĩ. Không ai săn sóc cho chồng bằng vợ. Tôi tình nguyện làm người nuôi bệnh.

Bác sĩ Lân định nói gì, nhưng lại thôi. Ông đến bên cạnh giường, cúi nhìn lâu, thật lâu. Rồi mở túi dụng cụ, lấy ống nghe và một vài thứ khác bằng một cử chỉ thờ ơ, như đã biết xong rồi.

Một lúc lâu, bác sĩ Lân rời khỏi giường bệnh, tiến về phía máy điện thoại. Nhưng một cánh tay đưa ra, giữ ông lại.

— Tôi đã cho mời bác sĩ Quát, chú Ba nói.

— Ồ, thế ra ông đã biết? Người ta đồn cái gì ông Ba cũng biết...

— Không phải thế. Tôi chỉ gặp một trường hợp tương tự. Người đó đã chết.

— Không? Ảnh không chết. Cháu không bằng lòng.

— Chú biết. Không ai muốn mất người yêu, người chồng mà mình yêu. Cả chú cũng không muốn mất thằng cháu mới gặp. Chú rất mến nó, thương nó, nhưng...

— Không, chú không hiểu. Cháu đã nói cháu không bằng lòng. Đó không phải là một ý muốn, mà là một quyết định. — Thơm nhắm mắt một nửa phút, đoạn mở mắt và nói tiếp. Chú còn nhớ, cha cháu, khi còn sống, thường nói như ông

cháu « điều quan trọng là tìm một biện pháp. » Cháu sẽ tìm một biện pháp.

— Cô... bác sĩ Lân muốn nói « cô chủ » nhưng danh từ này rõ rệt không hợp, cô nói rất đúng. Có điều, vào trường hợp này... tôi không biết nói thế nào cho phải, vì người có đầy đủ thẩm quyền là bác sĩ Quát sắp tới đây. Tuy nhiên, tôi đã gặp nhiều trường hợp. Có người đã dùng thứ năm Tuổi-Trẻ trên Hòa-tinh, có người cầu kỳ lấy cho được những giọt Sương-Trong-Không-Gian, có người dùng... Nhưng mà thôi, tất cả đều chẳng có ích lợi cụ thể. Bệnh có bớt một thời gian ngắn, nhưng bề nào « nó » vẫn lớn, đến mức độ nào đó, thì người bệnh chết.

— Nó ? Bác sĩ nói « nó » là gì ?

— Nó là... Nhưng thôi ! Bác sĩ Quát nhiều thẩm quyền hơn tôi về vụ này. Chúng ta chờ ông tới... Cầu trời tôi có thể lắm.

Bác sĩ Lân nói câu sau như người thấy bóng mình in trên mặt đất còn cố tin không có mặt trời. Thơm hiểu như vậy. Bác sĩ là người đỡ nằng vào đời, săn sóc cho nằng từ bé đến lớn. Sự giàu sang quá độ có phần chia cách, nhưng bác sĩ vẫn có phần coi nằng như con. Thơm hiểu như vậy, nên trong tiếng nói của nằng có pha một chút nào êm dịu.

— Bác sĩ, bác sĩ chắc chắn không lầm. Nhưng bác sĩ nói phải, chúng ta nên chờ bác sĩ Quát. Chú Ba có nói đến không thuyền thì còn hơi lâu. Tôi biết bác sĩ đã chích cho chàng thuốc ngủ — chàng đã ngủ rồi —, nhưng chàng sẽ thức dậy, và sẽ lại đau đớn. Tôi mong bác sĩ ở luôn lại đây. Tất cả mọi chi tiết, Chú Ba tôi sẽ lo liệu. Bây giờ, mời bác sĩ đi nghỉ tạm — nằng quay lại nói với Chú Ba — cháu đi tìm... đi tìm...

Nàng không nói hết lời. Nàng âu yếm nhìn chàng thở nặng nhọc trong giấc ngủ nhân tạo. Tình yêu, tình yêu... tình yêu không bao giờ chết được.

— Bệnh âm thư bao giờ cũng khó chữa — bác sĩ Quát nói giọng đều đặn, theo một nhạc điệu đặc biệt của quê hương ông — nhưng bệnh âm thư tế bào sinh dục thì không bao giờ chữa được. Vì bao giờ người ta cũng biết quá muộn. Người chết vì âm thư...

— Không ! Chàng không chết ! Tôi không bằng lòng.

Bác sĩ Quát khựng lại. Nhưng ông không phản đối ngay. Ông lại nhìn Chú Ba.

— Tôi biết Thơm. Nó là chủ, nhưng là cháu tôi. Nhất là, trong lúc này...

Bác sĩ Quát thở dài. Ông đang ở trên Hòa-tinh, nghiên cứu về một loài vi sinh vật sống không cần ánh sáng — nói cho đúng là cần đến rất ít ánh sáng — bỗng có một chiếc thoi không gian đậu xuống ngay bên cạnh. Một không thuyền riêng, trị giá 430 triệu đô-la, chờ ông, một mình ông, ở không cảng. Một tư vấn cầm tay của ông Phó Chủ-tịch Liên-bang Địa-cầu, người bạn thân đồng thời là cấp chỉ huy tối cao của ông, yêu cầu đích danh Bác sĩ Quát-Trong-Sa-Mạc đi theo người cầm giấy. Nhiệm vụ : sẽ cho biết sau. Cái nhiệm vụ sẽ cho biết sau đó là khám bệnh cho một thanh niên bị âm thư ở các tế bào sinh lý. Ông đã làm nhiệm vụ ấy. Với đầy đủ máy móc, dụng cụ, in hết ở một trung tâm y khoa lớn, đã lớn còn chuyên về bộ môn vi trùng học, bào thai học. Người ta như đoán trước, mỗi nhu cầu được nói ra đều được trả lời ngay : có đây. Ông đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, mặc dù cuộc đời của một y sĩ chuyên khoa vang danh thế giới, giải Nobel và giải Tân Trung Dung, không phải chỉ có ít liên lạc, giao dịch. Và lại, là bác sĩ, ông đã chứng kiến nhiều trường hợp tuyệt vọng, nhiều nước mắt, nhiều tiếng khóc xé lòng. Nhưng chưa bao giờ ông gặp một người đàn bà như nằng. Ông đã cho nằng biết, theo

lời yêu cầu của cả nàng lẫn ông Ba, và cả bác sĩ Lân, rằng người bệnh sẽ không sống được quá 6 tháng. Ông nói đoạn, thấy nàng nhắm mắt, hai bờ vai như chao đi chao lại mấy vòng, tưởng như nàng sắp quý ngã. Nhưng rồi nàng đứng vững lại, trong cặp mắt đầy giọt tình yêu, hướng về bệnh nhân, đã có thêm một trái núi tinh thần.

— Xin bác sĩ cho biết bác sĩ có thể làm những gì cho chàng.

— Tôi rất tiếc không làm gì được nhiều, ngoài những ống thuốc có hiệu lực đánh tê, làm giảm cơn đau. Còn, ngoại giả, người ta có thể ...

— Nhưng tôi chưa biết gì về nguồn gốc những cơn đau của chàng. Bác sĩ đã nói chàng bị âm thư ở các tế bào sinh dục. Tôi hiểu bệnh âm thư, tôi nghe nói có nhiều trường hợp các y sĩ chữa được bệnh âm thư. Âm thư ở nơi khác ? Còn âm thư ở tế bào sinh dục tại sao lại không chữa được ? Xin bác sĩ cho tôi biết. Tất cả sự thật, đầy đủ sự thật. Bác sĩ hãy tin tôi có đủ can đảm. Tôi cần có can đảm. Tôi sẽ không để cho cái chết cướp mất chàng.

Bác sĩ Quát bị lời cuốn bởi giọng nói êm ái nhưng đầy nghị lực, xuýt nữa đã tin nàng có thể vượt qua cái chết. Những phương tiện ông đã thấy, và tình yêu đông đặc trong căn phòng này, làm cho ông có cảm giác băng khuâng như mơ ngủ — như mơ một giấc mơ không ngủ. Ông đã định nói ngay, nhưng thấy ông Ba ngồi ngay trước mặt, ông đã nhìn ông Ba, vừa cầu cứu, vừa dò hỏi. Ông Ba đã trịnh trọng gật đầu, ông mới bắt đầu nói. Nhưng mới nói được mấy câu đã bị cắt ngang. Cái gì mà «tôi không bằng lòng», mà «tôi không để cho», không khác gì một đứa trẻ thơ ngây, ở cái tuổi nghĩ mình có thể hái trăng sao bỏ vào đáy túi... Người ta không chữa bệnh bằng cách chỉ ước mơ không thôi. Cho nên, mặc dù ông Ba nói thế nào, bác sĩ Quát vẫn cần xác định :

— Cô... Tôi thông cảm lòng thương, tình yêu, sự nuôi tiếc. Tôi có thể dùng những lời khéo léo, để nói ra một phần

sự thật không thôi. Người bệnh, và bất cứ ai thương yêu người bệnh, có thể tiếp tục nuôi hy vọng. Trong không bao lâu, nhưng dù sao cũng là hy vọng. Nhưng đằng này, cô đã nói thẳng với người thầy thuốc trong tôi. Cô muốn biết tất cả, biết đầy đủ. Như vậy, tôi làm thế nào để vừa nói sự thật, vừa nuôi hy vọng ?

Thơm khẽ mỉm cười, buồn như mặt trăng sáng bỗng bị mây mờ che khuất. Bác sĩ Quát thấp thoáng thấy ân hận. Ông phác một cử chỉ, tỏ vẻ muốn giải thích thêm. Nhưng không kịp. Thơm đã cất tiếng nói ngọt ngào.

— Tôi xin lỗi bác sĩ. Tôi không có ý định làm khó cho bác sĩ. Tôi hiểu bác sĩ nói chồng tôi sẽ chết. Tôi không nghi ngờ gì lời phán quyết ấy. Tôi chỉ nói, về phần tôi, tôi sẽ không cho phép cái chết cướp mất chàng. Tôi nói thế, có gì ngăn cản bác sĩ nói sự thật đâu !

Bác sĩ Quát nhìn lại Thơm một lần nữa. Thơm ngồi im, hai tay chấp, mặt hơi ngửa về phía sau, vầng trán như phản chiếu ánh-sáng-không-nguồn từ trên trần chiếu xuống. Hai mắt nàng mở to, như mơ màng huyền ảo mà cũng như tính toán bản khoán. Bác sĩ Quát thầm nghĩ ông đã gặp trường hợp dị kỳ nhất trong đời thầy thuốc. Cái lạ này còn có cái khác lạ hơn. Bác sĩ Quát cố gắng tự trấn tĩnh, cố gắng tự quên mình, nói đều đều như đọc trong một cuốn tự điển y khoa.

— Cái chết vì âm thư tế bào sinh dục hơi khác những cái chết vì bệnh âm thư ở nơi khác. Vì, theo lẽ thường, bệnh âm thư bắt đầu tấn công một địa phương rõ rệt, nghĩa là một bộ phận nào đó trong thân thể. Một con số tế bào mất trật tự, rối loạn, càng ngày càng tăng, đến những con số lớn lao kinh khủng, sẽ làm cho bản thể của bộ phận bị tấn công bị phá hoại, động tác của nó bị ngưng trệ hay bị xáo trộn. Qua một thời gian, bộ phận ấy chết hẳn, và làm cho con người chủ nó chết theo. Vào một trường hợp khác, những tế bào bị âm thư lọt ra ngoài bộ phận nuôi dưỡng nó từ đầu, tràn đi khắp nơi,

và tấn công nhiều bộ phận khác. Bệnh âm thư, vào trường hợp này, làm cho nội thân người bệnh bị hư hỏng hoàn toàn. Đây là trường hợp bệnh âm thư thường cũn không chữa được.

— Nghĩa là có trường hợp người ta chữa được bệnh âm thư ?

— Vâng, đúng như thế. Nhưng những trường hợp đó thật hiếm hoi. Người ta cần được báo động thật sớm. Hơn nữa, âm thư phải bắt đầu từ một bộ phận không thiết yếu — tôi xin nói lại cho rõ : không thiết yếu cho đời sống của cá nhân, nhưng thiết yếu cho giống nòi. Ví dụ : quả thận, cái tử cung... Hoặc giả, âm thư mới chỉ tấn công một phần của một bộ phận kếp. Ví dụ : một trong hai quả cắt, một trong hai buồng phổi. Trong các trường hợp này, với điều kiện còn kịp thời, người ta có thể cắt bỏ một nửa bộ phận bị tấn công. Một nửa còn lại thường thường sẽ suy yếu một cách nhanh chóng, vì phải làm việc gấp đôi. Nhưng, dù sao, người bệnh có thể tự coi như đã khỏi, và có thể sống thêm được nhiều năm.

— Còn trường hợp thứ hai ?

— Trước đây, người ta không mò được, đành nhờ tia *bêta* trong chất *côban* phóng xạ, hoặc giết chết, hoặc làm cho điếng lịm, một số tế bào làm loạn, càng nhiều càng tốt. Mục đích là hãm chậm sự phá hoại các bộ phận trong nội thân người bệnh. Phương pháp này được đặc dụng trong mấy trăm năm liền. Cho mãi đến gần đây, nhờ sự hợp tác của một số nhà thông thái trên hành tinh thứ 7 của Mặt Trời Alpha, thuộc chòm sao Thiên-ngư, người ta biết các tế bào bị âm thư không phải là những tế bào bị bệnh, mà, trái lại là những tế bào đang vận động một cách lẫn mò nhưng quyết liệt, dưới sự chỉ huy của một thể lực mệnh mệnh kỳ diệu, nhằm mục đích đào tạo một thân thể mới cho loài người, hay ít lắm cũng thay đổi một số đặc tính căn bản của đời sống. Đề rồi đi tới đâu, chưa ai biết. Nhưng ở nhiều nơi, đặc biệt là trên tùy tinh Phobos, một trong hai tùy tinh của Hỏa-tinh, người ta đã thành lập những trung tâm không phải để chặn đứng, mà để kích thích tình trạng rối loạn của các tế-bào-được-gọi-là-bị-âm-thư.

— Còn trường hợp của chàng ? Giọng nói của Thơm chứa chan hy vọng.

Bác sĩ Quát nghe thấy niềm hy vọng đó. Ông cúi đầu, nhìn xuống hai bàn tay, để khỏi phải nhìn sự đau đớn sắp tới.

— Đó là một trường hợp đặc biệt, giữa hàng trăm ngàn bệnh nhân, trải qua hàng chục năm, mới thấy có một lần. Trường hợp hoàn toàn vô vọng, vì « nó » đã quá lớn, trong buồng phổi bên trái. Thân thể cường tráng, sức chịu đựng bền bỉ, có thể cũng là những điều kiện giúp cho « nó » lớn đến thế. Đến độ, bây giờ có cắt buồng phổi ấy đi cũng vô ích. Cả một nửa buồng phổi bên phải, cả một phần trái tim, các tĩnh mạch và động mạch lớn, cả hoành cách mô, cả một phần dạ dày, có lẽ cả một phần lá gan lớn, đều đã xúm vào phục dịch « nó », nuôi « nó »... Với tình trạng ấy, thật là lạ mà... — bác sĩ Quát liếc nhìn Kiểm nằm thiêm thiếp trên giường — mà sống được đến bây giờ.

— Nó là gì, mà tôi nghe nói đến nó mấy lần rồi ?

Bác sĩ Quát nhìn bác sĩ Lân, ngượng ngịu. Nhưng bác sĩ Lân im lặng, ông đành phải giải thích, một cách gián tiếp.

— Cô, cô nghe nói đến chứa-ngoài-dạ-con bao giờ chưa ?

— Có. Hình như quả trứng mới xuống đến nửa đường, trong một cái vôi rất nhỏ, thì một con tinh trùng vượt lên, lọt vào trong, thành cái thai ?

— Vâng. Giản dị thì như thế. Nhưng điều người ta cần phải hiểu, trong trường hợp này, là tại sao một cái ống thật mong manh, khác hẳn với tử cung như trời với vực, lại có thể dung nạp cái bào thai càng ngày càng lớn. Vì không hiểu, nên người ta đoán rằng không phải tại cái vôi — mà chúng tôi gọi là cái vôi-của-Eustache — mà tại khả năng sinh tồn mãnh liệt của quả trứng, sau khi bị tinh trùng xâm nhập, đã trở thành một đời sống đầy đủ, riêng biệt.

— Vâng, Thơm nói tiếp. Có phải vì thế mà quả trứng, trở thành cái bào thai, đòi hỏi được cái vôi-của-Eustache làm nhiệm vụ nuôi dưỡng nó thay cho tử cung? Tôi nghe nói, sau khi cái vôi bị xé rách, vì bào thai lớn quá, các bộ phận chung quanh sẽ tiếp tục làm nhiệm vụ của tử cung?

— Nói cho đúng, thì vừa là tử cung, vừa là nhau, vì chính cái nhau mới làm nhiệm vụ nuôi dưỡng bào thai.

— Nhưng tôi không thấy gì liên hệ... Thơm lại hỏi.

Bác sĩ Quát đòi thế ngồi một cách khó khăn trong chiếc ghế bọc nhung. Nhưng rồi ông cũng quyết định, vì, thật ra, Thơm đã chứng tỏ năng không phải là một thiếu phụ tầm thường.

— Có chứ, ông bác sĩ thở dài, chúng ta đang đứng trước một trường hợp bào thai sinh trưởng ngoài tử cung.

— Bào thai ! Ngoài tử cung ! Thơm kêu lên và đứng vùng lên.

Nhưng một bàn tay đã đặt lên vai nàng, níu kéo, nâng đỡ.

— Cháu đừng yên cho bác sĩ giải thích.

Bác sĩ Quát gật đầu tỏ ý hài lòng. Ông chia hai ngón tay ra trước mặt.

— Thật ra thì có hai trường hợp : chữa ngoài tử cung, và chữa không tinh trùng, cũng không cả quả trứng. Tôi xin nói rõ về trường hợp thứ hai, là, trong nhiều bệnh nhân bị âm thư tế bào sinh dục, có một hiện tượng lạ lùng là, trong số tế bào sinh sản một cách vô tổ chức, một cách rối loạn đó, người ta đã tìm thấy không biết bao nhiêu hình thê, chất liệu, kích thước khác biệt. Người ta, lẽ cố nhiên, không thể đếm được số tế bào hàng chục tỷ, trăm tỷ, sống rồi chết trong mỗi giờ. Và người ta không biết tại sao, trong số đông vô cùng tận ấy, lại có không ít những tế bào giống hệt như những quả-trứng-đã-bị-tinh-trùng-xâm-nhập.

— Nghĩa là những bào thai sẵn sàng thành hình ! Đến lượt Chú Ba kêu lên. Tôi không tưởng tượng kịp. Một bào thai là kết quả của sự phối hợp âm dương...

— Ai dám quả quyết với ông rằng trong một con người không có đủ âm dương ? Vả lại, nếu nói rằng bất cứ sự sinh sản nào cũng cần có âm dương, như hai thành phần riêng biệt, thì các tế bào, là căn bản của sự sống, làm thế nào có thể tự phân đôi mà vẫn sống, và tiếp tục làm nên đời sống được ?

Bác sĩ Lân bỗng đứng lên, giơ tay làm dấu ngăn cản.

— Tôi thiết tưởng các ông đi quá xa. Anh Quát, có lẽ chúng ta chỉ nên giới hạn sự giải thích về căn bệnh của ông Kiêm.

— Vâng, bác sĩ Lân nói có lẽ phải. Ông Ba gật đầu đồng ý.

Nhưng có một người không đồng ý. Thơm ngồi yên không động, nhưng cánh tay phải của nàng đưa thẳng ra trước mặt, làm một cử chỉ sai khiến bất ngờ.

— Không ! Tôi xin bác sĩ đừng giữ lại điều gì. Tôi không được học nhiều, nhưng tôi sẽ cố gắng theo sao cho kịp. Nếu có cần, tôi sẽ học thêm, hoặc mời những nhà chuyên môn khác. Tôi nói thế, không có ý xúc phạm đến các bác sĩ. Tôi chỉ muốn bày tỏ rằng người chồng thương yêu nhất đời của tôi đang đau. Bác sĩ bảo chàng không sống được. Tôi tin bác sĩ nói đúng, nhưng chỉ đúng trong hoàn cảnh bình thường. Tôi hy vọng bác sĩ hiểu chúng ta đang ở trong hoàn cảnh không bình thường. Vì tôi yêu chồng tôi, yêu chàng. Chàng cũng yêu tôi. Khi người ta yêu nhau như chúng tôi, người ta có thể dời non, lấp biển. Nhưng người ta không thắng được cái chết, tôi biết trước bác sĩ sẽ nói như vậy. Bác sĩ có thể đúng, nhưng tôi không chịu thua, trước khi tôi phẫn đấu, trước khi tôi dùng hết phương tiện mà tôi có dưới tay, để cứu chàng. Tôi sẽ dùng hết phương tiện mà tôi có — Thơm ngừng lại, để tách rời từng chữ —

phương tiện mà không phải bất cứ ai cũng có. Tôi nhớ cha tôi, hồi còn sinh tiền, thường bảo tôi có thể có bất cứ thứ gì tôi muốn, miễn sao thứ đó có ở đời này. Vậy bây giờ tôi muốn có một biện pháp để giữ chàng lại cho tôi. Và muốn biết biện pháp đó có hay không có trên đời, tôi thấy chỉ có một cách là tìm kiếm. Trước khi tìm kiếm, phải hiểu biết. Vì thế, tôi xin bác sĩ nói thật hết lời, kể cả những điều còn ở trong vòng giả thiết, mà bác sĩ mới nghĩ đến, nhưng chưa nói với ai.

Thơm nói đến đây, giọng nói thiết tha lại có thêm một chút gì trịnh trọng :

— Kể từ hôm nay, xin bác sĩ vui lòng tự kể như đã được mời làm Chủ tịch ban Quản trị của Hợp doanh Nghiên cứu các Vấn đề Văn hóa. Chú Ba tôi sẽ chu tất về các chi tiết, đề Bác sĩ Chủ tịch được biết phái trong một thời gian vô hạn định về tòa lâu đài Núi-Cao-Hơn-Núi này.

Bác sĩ Quát nín thình thập lâu đề kìm giữ sự ngạc nhiên. Ông vốn đã nghĩ chủ nhân tòa lâu đài này phải là một người giàu có ghê gớm lắm, nhưng vẫn không chờ đợi... Làm chủ tịch HNVT là, trên thực tế, điều khiển công việc của những nhà tư tưởng lỗi lạc nhất, những nhà toán học danh tiếng nhất, những vị bác sĩ tài giỏi nhất, và những tay thám hiểm không gian táo bạo nhất. Làm chủ tịch HNVT cũng là chỉ huy hàng trăm phòng thí nghiệm rộng lớn mênh mông, rải rác trên mặt Địa-cầu và trên mấy chục hành tinh khác. Tuy cách thức tuyển dụng hơi có phần thiếu tế nhị, bác sĩ Quát vẫn nhớ như vậy nhưng, là một người đứng tuổi, đã hết tự ái viển vông, ông sẵn sàng chấp nhận rằng con người đó có quyền đặt ông vào một chức vụ mà ông không dám từ chối, con người đó có quyền nói với ông như vậy.

Bác sĩ Quát, hơn nữa, còn nghiêng mình tỏ ý cảm ơn. Sau đó, ông tiếp tục :

— Như tôi đã trình bày, cô... bà...

Thơm mỉm cười đỡ lời :

— Tôi còn trẻ, xin bác sĩ cứ gọi là cô. Hơn nữa, bác sĩ cũng bằng tuổi Chú Ba tôi, xin bác sĩ coi tôi như một đứa cháu gái, và cứ gọi là Thơm cho tiện.

Bác sĩ Quát nhìn nàng một cách biết ơn, nhưng cứ tiếp tục gọi Thơm là cô :

— Xin vâng. Bây giờ tôi xin nói tiếp theo về một số tế bào sinh dục bị âm thư, giống in hết những quả trứng đã có tinh trùng ở trong. Trên thực tế thì mọi việc xảy ra cũng tương đối giản dị. Theo gót chân của âm thư, các tế bào bị bệnh rời khỏi bộ phận sinh dục, nơi bệnh phát ra đầu tiên — từ cung ở người đàn bà; hai trái cột, trái thận, hai hòn ngoại thận ở người đàn ông — và lan sang các bộ phận khác, như ruột, gan, xương sống vân vân. Trong khi đó thì một số khác, ít thôi, tìm cách xuyên qua cái màng mỏng của các vi-ti huyết-quản, và từ đó, lọt vào hệ thống tuần hoàn. Máu đỏ, máu đen sẽ vô tình làm công việc chuyên chở chúng đi khắp nơi trong cơ thể, và một phần lớn những tế bào đó sẽ chết đi, hoặc sẽ biến thể theo nhiều chiều hướng khác biệt. Trừ một số cực nhỏ, trong những điều kiện thuận lợi một cách đặc biệt, được đưa vào đáy của một trong hai buồng phôi.

— Buồng phôi sẽ nuôi dưỡng cái bào thai đó ! Thơm kêu lên một cách thảng thốt, mừng rỡ.

Bác sĩ Quát kinh ngạc nhìn nàng, yêu mến pha lẫn kính trọng.

— Vâng đúng thế ! Nội trong các bộ phận nào có khả năng thay thế cái nhau bằng hai buồng phôi. Dưỡng khí, máu, chất huyết tương và nhiều chất khác. Cái tế-bào-in-hết-quả-trứng-có-tinh-trùng-ở-trong lớn mạnh một cách tự nhiên, không làm cho người bệnh đau đớn. Nhưng đến một mức độ nào đó, nó đột nhiên chẹn chặt buồng phôi, khiến người bệnh ngạt thở mà...

— Sao không cắt buồng phổi đi ? Thơm vội hỏi đề cắt lời.

— Đó là một trong những việc mà y học có thể làm. Nhưng điều cần nhớ là trong khi một tế bào được nuôi dưỡng trong buồng phổi, thì bao nhiêu tế bào khác đã mang bệnh đi khắp nơi. Lẽ cố nhiên người ta có thể hãm chậm đà tiến của căn bệnh, bằng cách tuyệt đường chuyển vận các tế bào bị âm thư qua mạch máu, vào các bộ phận.

— Hãm như thế nào, bác sĩ ?

— Bằng cách cắt bỏ bộ phận đầu tiên mang bệnh.

— Không đời nào ! Tiếng kêu của nàng thật thảm thiết.

Thơm biết ngay nàng sẽ bị hiểu lầm. Chú Ba khẽ lắc đầu, bác sĩ Lân cười nụ. Chủ nhân của tòa lâu đài Núi-Cao-Hơn-Núi không thể chấp nhận sự hiểu lầm một cách dễ dàng.

— Tôi không phải chỉ yêu chàng vì tình dục — Thơm cất tiếng nói dễ dàng, minh bạch — vì nếu chỉ có thế, tôi có thể yêu người khác sau chàng. Tôi cũng không chỉ yêu chàng vì vẻ đẹp bề ngoài, dù hai mắt chàng như sao đêm, dù nụ cười của chàng như bình minh, dù tiếng nói của chàng như suối đổ thác reo. Vì nếu chỉ có thế, tôi vẫn có thể tìm người khác như chàng, sau chàng. Bởi chàng là tất cả những thứ đó, nhưng còn là gì khác. Cái khác đó... Khi chàng nhìn tôi, tôi tự quên mình. Tâm hồn tôi tan loãng vào một sự nâng niu kỳ diệu, một sự thông cảm tuyệt trần. Khi chàng cầm tay tôi, da thịt tôi cháy bỏng trong một sự nung nấu si mê, và sự thèm khát tự nhiên được tràn đầy, sự nồn nóng nhẹ bỗng đi như mây bay gió thoảng... Bác sĩ, bác sĩ có hiểu tôi không ? Chúng tôi là người, chúng tôi không từ chối ái ân, nhưng tình yêu của chúng tôi không thể ví như một tình dục tầm thường.

Bác sĩ Quát gật đầu. Ông thấp thoáng thấy người đàn bà ngồi trước mặt ông còn dành cho ông nhiều kinh ngạc. Điều đó thật ra cũng dễ hiểu, khi người ta sống trong bầu không khí dị kỳ này. Nhưng, ông xót xa nghĩ tiếp, sự đau khổ càng lớn, đề cắt đứt một tình yêu...

— Tôi hiểu nỗi đau lòng của cô. Tôi chỉ tiếc...

— Không, bác sĩ đừng nói thế. Đừng nói thế vội. Xin bác sĩ nói tiếp về cái bào thai trong phổi.

— Tôi tưởng đã nói hết rồi ? — bác sĩ Quát hỏi ngược lại. Tôi có thể tóm tắt : trong một số nhiều kinh khủng những tế bào bị âm thư, sinh trưởng rối loạn trong một bộ phận sinh dục, có một con số nhiều kinh khủng những tế bào in hệt như những quả trứng đã có tinh trùng. Số tế bào này lọt vào mạch máu, được chuyên chở đi khắp nơi, và thời thường gây bệnh cho các bộ phận khác. Nhưng trong một trường hợp hãn hữu, một trong số tế bào đó lọt được vào phổi, và nó sẽ được nuôi dưỡng cho lớn, cho đến khi, vì lớn quá, nó làm nghẹt đường hô hấp, đem cái...

— Không ! Tôi đã nói tôi sẽ không để cho cái chết cướp mất chàng. Xin bác sĩ tránh cho tôi cái tên gọi ghê gớm và đáng thù ghét đó. Xin bác sĩ cũng trở lại những điều vừa nói. Nếu tôi không hiểu lầm, thì bác sĩ cho biết, trong những người mắc bệnh âm thư ở tế bào sinh dục, có những tế bào không phải là tinh trùng của người đàn ông, cũng không phải là quả trứng của người đàn bà, mà có thể sống và lớn lên như một bào thai. Một phần khác, khi một cái bào thai lọt ra ngoài tử cung, nó có thể vẫn được nuôi dưỡng một cách bình thường, ít ra là trong một thời gian nào đó, bởi những bộ phận không phải là nhau, cũng không phải là tử cung ?

— Vâng, tôi có nói đúng như thế.

— Vậy tôi có thể nghĩ rằng một tế bào sinh dục bị âm thư nào đó, nếu có đầy đủ điều kiện, có thể thay thế cả con tinh trùng lẫn quả trứng ? Và sự sống mãnh liệt của nó có thể kéo dài ?

— Vâng, đúng thế.

— Và những chất đề nuôi dưỡng bào thai có thể được chế tạo ở ngoài, và bởi những bộ phận không phải là cái nhau, cũng không phải là tử cung ?

— Vâng, đúng thế.

— Tôi xin cảm ơn bác sĩ. Bây giờ, xin mời các bác sĩ đi nghỉ. Tôi sẽ xin gặp lại các bác sĩ sau.

Thơm vừa nói vừa từ từ đứng dậy. Như một bà hoàng. Hơn một bà hoàng. Trên khuôn mặt buồn vời vọi của nàng tự nhiên sáng rực rỡ một niềm hy vọng, một niềm vui dồn nén, mà vẫn chan hòa sức sống.

3

Năm tháng sau, Tiếng-Ca-Lưỡi-Kiểm qua đời. Theo tin tưởng và nghi lễ thời bấy giờ, người ta đặt thi thể của chàng lên một phiến gỗ thơm quý, và đặt bên trên bằng một tấm pha-lê đúc cong, còn phía đầu và chân để trống không. Theo ý người đặt ra nghi lễ ấy, người quá cố được bảo đảm sự toàn vẹn thân xác — không bị đất cát đè chặt — đồng thời cũng được bảo đảm sự phân tán tế bào trong thời gian ngắn nhất: khi một đời sống đã chấm dứt, việc tốt đẹp sau cùng mà người ta có thể làm, là giúp cho một đời sống khác bắt đầu, ở cây cỏ, nơi các côn trùng, trong thân thể các sinh vật. Một cuộc đời, nói cho đúng là phần vật chất của cuộc đời ấy, được phân tán vào muôn nghìn cuộc đời khác; hoặc nói ngược lại, một cuộc đời sau là muôn nghìn cuộc đời trước hợp thành.

Hoa-Thơm-Sương-Sớm đi theo đám tang của chồng nàng đến tận huyết, đào trên bờ hồ. Nàng không khóc nhiều, như người ta chờ đợi. Nhưng vết lệ khô trên má, làn tóc mây buông lơi, màu da trắng xanh của trán cắt trên nền đen mun, và cặp mắt nhìn không đâu, và đôi môi triu nặng suy tư, khiến cho người ta có cảm tưởng nàng vừa ở đó, trong giây

phút vĩnh biệt người chồng, lại vừa ở nơi nào khác lạ, trong sự chờ đợi phi thường một biến cố không thể xảy ra. Thơm như đi một mình giữa đám đông.

Khi nghi lễ chấm dứt, nàng ngồi lại nơi ven hồ. Bên cạnh nàng, Chú Ba, mới 6 tháng, già đi cả mười năm. Chú im lặng một lúc lâu rồi mới hỏi Thơm:

— Công việc của cháu ra sao?

— Thừa chú, giọng nói của Thơm xa xôi, công việc của cháu tiến hành đều đặn.

— Điều đặn! Chú Ba nhắc lại, nửa như vui, nửa như buồn.

— Vâng. Sau những thử thách ban đầu đầy thất vọng, bác sĩ Lân đã tìm được chất dinh dưỡng hoàn toàn phù hợp với chúng. Mọi phương tiện cần thiết đã được cung cấp, đủ để chuyển từ mức chế tạo thí nghiệm sang mức chế tạo thừa đủ thỏa mãn nhu cầu. Ngót năm trăm ngàn lít, cho một trăm tám mươi hai đơn vị. Đó là vào tháng thứ hai, trước khi chú đặt ra vấn đề mới.

Vấn đề mới? Phải, hôm đó ông Ba nói về tâm hồn của Kiểm, nói cho đúng là của Kiểm-phổ-bản. Sau khi Thơm yêu cầu không được, van nài không được, đã phải dùng đến phương pháp thách thức bác sĩ Quát làm theo ý muốn của nàng. Thơm đã thành công. Hàng trăm ngàn công nhân, và hàng ngàn kỹ sư, chuyên viên, đã được điều động đến xây, bên cạnh tòa lâu đài Núi-Cao-Hơn-Núi, một trung tâm khoa học vĩ đại. Tất cả mọi ý kiến của bác sĩ Quát đều trở thành mệnh lệnh. Tác giả của một luận đề về bào-thai-học, ông đang sống giấc mơ không ngủ của những người được tự tay thực hiện lý tưởng của họ. Bác sĩ Quát tin rằng sự truyền tiếp nòi giống không đợi đến các tinh trùng mới được gọi là hoàn thành. Sau nhiều năm theo dõi sự vận động của các bộ phận sinh dục, ông nhận thấy có một sự giao truyền tin tức vô cùng tế nhị, đồng thời cũng hết sức đầy đủ, giữa các cơ quan phụ trách

tiêu hóa, tuần hoàn, thần kinh v.v... với các bộ phận sinh dục. Các bộ phận sinh dục, trong khi đào tạo những tế bào có nhiệm vụ hình thành các tinh trùng sau này, đã đem ký thác cho chúng số tin tức lớn lao nhận được. Vì thế nên mỗi tế bào sinh dục là một kiến trúc sư, có đầy đủ họa đồ để kiến tạo một đơn-vị-người giống in đơn vị kiểu mẫu. Mỗi tinh trùng là một nhóm kiến trúc sư như vừa nói : một số đông bao giờ cũng có khả năng dồi dào, mạnh mẽ hơn từng đơn vị. Đó là nguyên nhân vì sao có nhiều nhà bác học đã nghĩ đến, và thử nuôi tinh trùng, mà không ai dám nghĩ đến nuôi thẳng ngay các tế bào.

Và lại, nếu người ta có nuôi tế bào, những tế bào bình thường, người ta cũng chỉ có thể thất bại. Với tất cả mọi thứ công phu, tế bào sống lâu nhất trong hoàn cảnh mới, cũng không vượt được quá ba ngày. Sáng kiến tài tình của bác sĩ Quát là nghĩ đến loại tế bào bị âm thư, hay nói cho đúng, những tế bào gây nên trạng thái âm thư vì sức sống mãnh liệt, và ý chí sinh tồn kỳ diệu của chúng.

Sáng kiến thứ hai của bác sĩ Quát là xác nhận nhiệm vụ phụ tá kiến trúc, đồng thời là một hệ thống tiếp vận tinh vi, của quả trứng trong tử cung người đàn bà. Quả trứng không giữ vai trò chủ động. Nhưng quả trứng đo lường được nhu cầu của tinh trùng, đề, tùy trường hợp, vận chuyển đến cho nhóm tế-bào-kiến-trúc từng loại chất liệu cần thiết : cacbon để làm xương, gan để làm gan, óc để làm óc. Một nhiệm vụ nữa khó khăn hơn, là quả trứng nhận tin tức của các giác quan về hình ảnh nào đó — của người chồng, người bạn, hay của kẻ tình nhân ? — để giao truyền cho nhóm tế-bào-kiến-trúc. Chính sự giao truyền này làm cho đứa trẻ, khi ra đời, có nét mặt của người này, có thân thể giống người nọ. Và cũng chính sự giao truyền này làm cho công việc của bác sĩ Quát trở nên muôn phần khó khăn : nhờ đủ các loại máy móc tối tân, và to lớn cồng kềnh, ông cố gắng phóng vào nội thân những tế bào đang được nuôi dưỡng những tin tức đầy

đủ về một con người tên là Kiêm, bề ngoài và bên trong, để tăng thêm cường độ của ký ức của chúng.

Người đi lạc trong trung tâm của bác sĩ Quát khó mà ra được. Hàng cây số máy móc, với những máy phát điện mạnh hàng triệu vôn, với những máy phát điện yếu từng phần chục, phần trăm của điện-từ-vôn. Hàng ngày, xe hơi và máy bay, đôi khi cần thì cả đến không thuyền, đưa về trung tâm hàng triệu lít máu loại âm-B của những người đàn bà mang thai từ ba tháng đến sáu tháng. Cả một ngân hàng đặc biệt được thành lập, có chi nhánh khắp nơi, để tìm mua cho đủ số máu đó, mà bác sĩ Quát sẽ lọc lấy chất huyết tương, căn bản dinh dưỡng của những bào thai không có mẹ.

Bác sĩ Quát đã gặp những khó khăn ghê gớm, nhưng ông đã thành công, đang thành công. Vào tháng thứ hai, ông còn giữ được ngót hai trăm ngàn bào thai có trái tim bắt đầu đập nhẹ nhẹ, có xương sống, có tròn con mắt, và có hai cánh tay đã nhú mầm nơi vai. Thơm đến thăm ông hàng ngày, đã dần dần thấy vững lòng trước sự khuyến can, chống đối của Chú Ba. Thì vào giữa lúc đó, ông Ba trở lại. Nghe tiếng chân ông bước đến gần, Thơm đã ý thức được tầm quan trọng của những điều ông sắp nói. Nàng thu hết nghị lực, đón đầu sự khó khăn.

— Chú ! Cháu nghe chú đây.

— Cháu ! Cháu thật thông minh — ông thở dài —, chú thật khờ sớ. Chú không thể nào quên lời hứa với cha cháu, làm cho cháu bất cứ việc gì cháu muốn. Chú vui lòng nhận cái chết để giữ lời hứa ấy. Nhưng trong trường hợp này, chú càng thương càng thấy phải ngăn cản cháu. Cháu nên hiểu, chú không sung sướng gì khi nói đến những vấp ngã đang chờ đợi cháu.

Thơm cảm động, rưng rưng nước mắt, cầm tay người bạn già của cha nàng. Tuy nhiên, sau màng lệ mỏng, hai mắt nàng long lanh cười.

— Chú! Cháu hiểu. Hơn thế nữa, cháu biết ơn sự lo nghĩ của chú. Những chương ngại được biết trước là những chương ngại được đẹp đi một nửa ...

— Nhưng lần này cháu sẽ không đủ sức vượt qua ...

Thơm im lặng. Ông Ba đắn đo một phút trước khi nói tiếp :

— Cháu có nhớ cháu nói yêu chồng. Không phải vì tình dục không thôi. Không phải vì con người đẹp để không thôi. Cháu có nói khi cháu được nhìn, cháu tự quên mình. Tâm hồn cháu tan loãng vào một sự nâng niu kỳ diệu, một sự thông cảm tuyệt trần...

— Vâng, cháu có nói.

— Như vậy, cháu không phải chỉ yêu một thể xác không thôi ?

— Vâng.

— Trong khi đó, ví dù cháu có thành công, cháu chỉ đang đào tạo ra một thể xác không thôi !

Sự thật tàn nhẫn loé lên như lần chớp chết người. Thơm điếng lặng, đứng yên, mắt mở tròn tròn vào một rỗng không tê tái. Ông Ba cố gắng tự bắt mình tiếp tục :

— Một đứa trẻ không một phút trở thành người lớn. Tình yêu chỉ bắt đầu khi gặp gỡ, nhưng đã được chuẩn bị lâu dài. Chú nhận biết chồng cháu có cái nhìn menh mông tuyệt đẹp. Nhưng cái nhìn đó của con mắt và của cả linh hồn. Linh hồn của con người có cái nhìn như thế không thể được hình thành trong phòng kín. Nguy hiểm, can trường, không gian vô tận, mộng mơ không cùng... Linh hồn có nhiều phần, từ lọt lòng mẹ đã chịu ảnh hưởng của người ngoài. Không kể ngay khi còn là bào thai đã vui buồn theo bậc sinh thành. Đó là cả một cuốn phim dài...

— Cuốn phim! Thơm kêu lên, nàng đã tỉnh. Chú nói rất đúng. Đó là một cuốn phim. Đã là cuốn phim, tất phải có người đóng — người đóng là người sống. Chú! Chú nói đi! Chú giúp cháu! Cần phải làm gì? Bắt đầu như thế nào? Bao giờ? Chú, chú nói đi chú!

Đến lượt ông Ba điếng người vì kinh ngạc. Nhưng tình thương sau cùng vẫn thắng. Ông cảm thấy vui lây cái vui của Thơm. Nhưng mọi sự không dễ dàng như một sản phẩm nghệ thuật hoàn toàn tưởng tượng. Cuốn phim phải bắt đầu từ khi Tiếng-Ca-Lười-Kiểm bắt đầu có ký ức, bắt đầu suy nghĩ, bắt đầu rung động.

— Có lẽ còn phải đi quá về phía trước nhiều. Cùng với ký ức về hình thể, các tế bào sinh lý còn có ký ức về bản năng. Cần kiểm hay hoang phí, mơ mộng hay thực tế, là những tính nết căn bản của đứa trẻ, được chép đúng theo bản năng của người cha, tùy theo hoàn cảnh sinh hoạt ngoài đời.

— Về điểm đó chắc không có thay đổi. Cháu thấy cả ảnh hưởng của người mẹ cũng không đáng kể, mặc dù trí thông minh của đứa trẻ có thể chịu ảnh hưởng nhiều của mẹ nó. Cháu tin rằng phần sinh hồn, của tế bào, không có gì thay đổi. Cả phần giác hồn, của các bộ phận nội thân, của ngũ quan, tiến tới trạm chỉ huy trung ương là bộ óc, cũng không có gì thay đổi

— Còn anh hồn ...

— Anh hồn làm bằng ký ức, sự học hỏi, và kinh nghiệm của cả đời người. Cháu có thể...

— Cháu làm gì? Ông Ba vội hỏi.

— Cháu sẽ hỏi chàng.

— Chồng cháu làm sao có thể nhớ hết, và kể hết và đúng những cảnh tình nó đã sống? Có nhiều việc nó quên đi, nhưng vẫn ngấm] ngấm] chi phối nó. Có nhiều việc nó nhớ,

nhưng khi kè lại sẽ không còn có xúc động ngày xưa. Ví dụ một tia sáng mặt trời, một đêm trăng, người ta thấy tâm hồn mình cao rộng, mà không thể tả thế nào. Và còn những mộng mơ cũng ảnh hưởng đến tính tình không ít. Người ta không ai nhớ được tất cả những cuốn sách đã đọc, những lời đã nói hay đã nghe. Trừ phi cháu dùng đến những giác ngủ thôi miên...

— Giác ngủ thôi miên? Chàng bị thôi miên có nhớ được hết không?

— Nếu không hết, nó cũng nhớ được những gì quan trọng. Thôi miên là phương pháp hóa giải áp lực của hiện tại. Hiện tại có áp lực rất mạnh. Người ta bị hiện tại tràn lấn, và tự dìm mình vào sự lo nghĩ, suy tư cho tương lai, nên người ta dễ quên quá khứ. Thôi miên là phương pháp cắt đứt mọi liên lạc giữa con người với hiện tại. Hai hình thức của trí nhớ sẽ vận động mạnh hơn.

— Chú vừa nói trí nhớ có hai hình thức? Thơm tò mò hỏi.

— Đúng thế. Trí nhớ bằng liên hệ và trí nhớ do sự ghi khắc vào giác hồn. Trí nhớ bằng liên hệ bao gồm những tin tức thuần túy trừu tượng, như một cảnh đẹp thoáng qua, một bài toán, một truyện vui. Còn trí nhớ do sự ghi khắc vào giác hồn bao gồm cả hình ảnh và xúc động về một quá khứ nào đó. Ví dụ cháu lớn lên, và ở lâu trong khu vực tòa lâu đài này. Không khí cháu thở, thức ăn uống, sự làm việc hàng ngày, đều đem đến trong nội thân cháu những phần góp rở rệt — nghĩa là trong thân thể cháu có một phần của đất, nước, cây cỏ, gió mưa... của khu vực tòa lâu đài này — cho nên, từ bây giờ về sau dù cho cháu có đi đâu xa, dù cho cháu không có lý lẽ gì nhắc nhở, cháu vẫn có những lúc bất ngờ nhớ đến nó. Đó là phần việc của giác hồn. Và chính vì thế nên những người học giỏi, nhờ trí nhớ tốt; thường có tính nết lạnh lùng; ích kỷ. Còn những ai giàu tình cảm thương hay nhớ đến và kể truyện về những nơi họ đã đến, về những người họ đã gặp.

— Như chồng cháu?

— Phải, như chồng cháu. Những con người như thế; nếu được giải thoát khỏi thực tại; sẽ nhớ rất nhiều về quê hương; về tuổi trẻ, về tình cảm của họ.

— Cháu sẽ nói với chồng cháu ngày mai. Không! Cháu sẽ nói ngay hôm nay, ngay bây giờ...

Mới mấy tháng, ông Ba đã già tới mười năm, mặc dù trước đó ông vẫn đã già rồi. Ông ngồi yên trong lúc Thơm ngồi yên. Thiếu phụ hồi tưởng lại những khó khăn vừa qua, trong công cuộc tái tạo một người chồng, một người yêu. Ông Ba thì hơi khác: ông liên tiếp tự chiếu lại cho mình một cuốn phim bắt đầu bằng một vụ nổ và cháy không thuyền. Hai vợ chồng nhà thám hiểm, hai đứa con gái lớn, cùng toàn thể nhân viên, đều biết cái gì chờ đợi họ. Sự tiêu trầm trong siêu-không-gian là một niềm hoan lạc hay một nỗi khổ đau ở mức độ cuối cùng. Mỗi nguyên tử lạc trong siêu-không-gian không biết bao nhiêu trăm, nghìn thế kỷ, mới hy vọng đạt tới bến bờ. Đây ải hay cô đơn khiếp sợ? Tất cả mọi người đồng ý dành chiếc bè cứu cấp cho em bé mười tuổi có cái tên rất lạ: Mây-Không-Không-Gian. Một mình em có hy vọng thoát thân. Vì điện siêu quang đánh đi đã được trả lời. Chiếc không thuyền gần nhất, thuộc đội Cấp-cứu Liên-Thiên-hà, còn cách 40 năm-ánh-sáng.

Mây-Không-Không-Gian, gọi tắt là Mây, được đánh tề rồi đặt vào tình trạng sinh-hóa-chậm, trong một lãnh độ 170 dưới Không. Bè cứu cấp được phóng đi một phút trước khi bộ óc điện tử báo trước không thuyền sẽ phát nổ. Cha mẹ của Mây tính phải 5 năm sau — 5 năm sinh-hóa-chậm của nội thân chú bé — Mây mới có hy vọng thoát hiểm. Nhưng không ngờ chỉ 3 ngày, một không thuyền tuần thám đặc biệt, do lệnh của Băng

Lạnh, ông nội của Thơm, áp dụng những khám phá mới nhất, tự cuốn mình vào một cơn bão từ trường, rồi thoát khỏi cơn bão theo ý muốn đã xuất hiện ngay bên cạnh chiếc bè. Mây được cứu tỉnh. Được nuôi dưỡng cùng với Sao-Đêm-Cô-Đơn. Như vậy, chàng được coi như con đẻ. Pháp luật bảo vệ những thiếu niên thoát nạn từ siêu-không-gian mà không còn thân quyền. Nhưng Mây không bao giờ nghĩ đến pháp luật. Lớn lên, chàng chỉ biết làm việc, giúp ích cha của Thơm; không biết hưởng thụ, không có đầu óc dành cho phái đẹp. Cho đến khi mẹ Thơm sinh ra Thơm rồi mất. Mây trở thành đàn bà, tình nguyện làm người mẹ. Mây trở thành Chú Ba của cô bé tên Thơm, một Chú Ba vừa là mẹ, vừa là thầy — rất có thể có phần là người-yêu-trong-đáy-quả-tim. Đó là nguyên nhân vì sao Chú Ba vừa giúp đỡ, lại vừa ngăn cản Thơm trong một việc làm mà, vào tuổi của ông, ông ghê tởm một cách kinh hoàng, vì việc làm đó trái hẳn với thiên nhiên, và, nếu thành công, sẽ đoạt quyền chi phối đời sống của Thượng-đế. Chú Ba không yên lòng chút nào. Không những vì sợ hãi sự thành công, mà còn vì sợ hãi sự thất bại, sợ hãi sự đau khổ của Thơm.

— Cháu thơm, cháu hãy nghe chú nói. Bây giờ thì mọi việc đã tiến quá xa để có thể dừng lại được. Chú muốn cháu hiểu chú không còn có ý muốn ngăn cản cháu. Tất cả những điều chú sẽ nói chỉ nhằm sửa soạn cho cháu tiếp nhận tương lai. Còn bốn tháng nữa, nếu bác sĩ Quát thành công, cháu sẽ có một hay nhiều...

— Không, Thơm thắng thốt trả lời. Cháu chỉ giữ lại một.

— Chỉ giữ lại một? Còn bao nhiêu...

— Bác sĩ Quát sẽ không cho ra đời, nghĩa là không cho ra khỏi bầu dinh dưỡng.

— Bác sĩ Quát sẽ giết! Ông Ba ghê sợ kêu to.

— Vâng, nhưng chưa thành người thì chưa phải giết người.

— Nhưng đã là sự sống...

— Sự sống mà chính ông nuôi dưỡng thì chính ông có quyền.

— Không, không! Người ta chỉ có quyền nuôi, không có quyền giết.

— Không có quyền giết sẽ có nhiều...có nhiều chàng. Một mình cháu...cháu có một mình...

Ông Ba cúi đầu thật thấp. Ông đã biết trước có giờ phút này. Một bên là nhân đạo, một bên là Thơm. Ông cũng biết trước Thơm sẽ thắng. Nhưng lần này sự bênh vực Thơm sẽ vượt quá sức của ông. Chắc chắn như vậy. Ông cố gắng đề nghị:

— Hay là bác sĩ Quát đừng giết. Những...những cái thai khác, ta sẽ cho đem đi thật xa, cho được nuôi dưỡng tự do. Chúng sẽ không giống...

— Không giống về tâm hồn, nhưng giống về thân thể. Cháu...cháu yêu có một mình chàng...Cháu không chịu đựng nổi ý nghĩ có hàng trăm, hàng nghìn kẻ khác, in hệt như chàng, mà ở trong đời sống khác, lọt vào...lọt vào vòng tay kẻ khác!

Ông Ba thật không ngờ đến điều này. Một cơn lạnh toát chạy khắp người và làm cho chân tay ông run rẩy. Ông muốn nghỉ ngơi, nhưng ông còn có một điều phải nói.

— Thơm...Thơm, cháu đừng quên...khi...khi Kiếm lớn thì con đã già.

— Vâng, vâng, chú nói phải. Con không nghĩ ra. Con phải tìm ngay bác sĩ Lân, bảo ông ta cho xây ngay một phòng sinh-hóa-chậm. Mức độ lạnh phải thật gần độ Không-tuyệt-đối. Bao giờ chàng trở lại...cháu chỉ có quyền lớn thêm mấy tháng là cùng.

Thơm vui mừng trở về lâu đài, không quay nhìn Chú Ba. Sau khi nói được lời nói sau cùng, cho nàng, ông Ba đã quý hẳn trên nền cỏ. Điềm tình anh sót lại sau cùng không muốn cho Thơm nhìn thấy thân hình tiều tụy này. Thơm đi xa rồi, một tiếng thở dài u uất mới tan vào khoảng không, đem theo lời nói sau cùng không nở nói :

— Thơm ơi ! Con không yêu chàng...Con chỉ yêu một mình con đấy thôi...

Và sau đó, trên bờ Hồ-Trong-Tâm-Hồn chỉ còn có một ông Ba, tên thật là Mây-Không-Không-gian, như một thi hài.

4

Hai mươi năm sau, vẫn trên bờ Hồ-Trong-Tâm-Hồn. Chàng trai, mang tên Tiếng-Ca-Lưỡi-Kiểm bơi một mạch ra giữa hồ. Và trèo lên phiến đá, nhắc lại hoàn toàn đúng những cử chỉ ngày xưa.

Một tiếng người ngán, trong như va chạm pha-lê. Kiểm quay nhìn lại sau lưng. Và kêu lên :

— Ô kìa ! Bờ !

Thiếu phụ mỉm cười :

— Ai là con trai, là bờ của anh ?

— Thế chúng ta không cùng tuổi trẻ hay sao ? Kiểm thân nhiên hỏi lại. Bờ ở đâu đến đây ? Vượt tường chỗ nào ?

Thiếu phụ mỉm cười, nguýt thật đáng yêu.

— Tôi là Hoa-Thơm-Sương-Sớm, gọi tắt là Thơm. Tôi là chủ cả dinh cơ này.

Kiểm lại phá ra cười. Chàng tiến bừa bãi đến gần...

Mọi việc diễn tiến y như quá khứ. Thơm cất tiếng hát gọi đàn cá ngư đến chung quanh. Kiểm xác nhận nàng là chủ. Chàng cỡi sợi dây chuyền đeo trên cổ. Đeo vào cổ nàng.

— Cô là chủ, cô là chủ, cho tôi xin lỗi. Nhưng dù sao, tôi đã yêu cô. Yêu sắc đẹp này, cơ nghiệp này, thì thật điên rồ. Sau hàng nghìn năm ánh sáng viễn trình, thật không ngờ tôi được gặp tình yêu ở đây.

Thời gian ngừng lại và giọng nói thay đổi cũng in hệt ngày xưa :

— Sợi dây này quý lắm. Nó bằng vàng trên chòm sao Trinh-nữ. Nó của ông tôi tặng bà tôi, khi cưới, rồi do cha tôi tặng cho mẹ tôi. Bây giờ, tôi tặng nó cho bờ. Để bờ biết trọn đời không còn sinh lễ nào khác.

Kiểm nói đoạn cũng phóng xuống hồ, bơi vào bờ, lên bãi cỏ, không nhìn lại phía sau. In hệt ngày xưa. Nhưng có một chút gì không in hệt ngày xưa. Thơm, phải, thiếu phụ, một mình trên phiến đá, không thấy tâm hồn nàng rung động. Một bề bàng thấm thía trong tim gan. Một cái gì đã thấy, đã biết. Một cái gì trơ trên thê thảm. Thơm cố nhớ xem nàng đã nghĩ gì cảm gì, mới hơn một năm qua, đối với thân thê óng chuốt và sắc đẹp man rợ của nàng. Nhưng nàng không nhớ ra. Lời của người cha, sự tin tưởng vào người chú — người chú không còn trên đời này. Cái chết xóa bỏ một phần, cái đã biết hóa giải phần còn lại. Trong lòng nàng, vừa mất kỷ niệm đã sống, vừa không thấy sự tái sinh chờ đợi. Kiểm đã chết. Kiểm đã mất. Thế là hết. Hoang vắng thê lương này, có tài sản nào chất được cho đầy...

Thơm ngả mình trên phiến đá, nói những lời nói không hồn vào một bộ phận truyền thanh. Sản nghiệp này, từ bao nhiêu đời tích lũy, được chia đều cho những kẻ có công. Chỉ một mình tòa lâu đài Núi-Cao-Hơn-Núi được giữ lại. Nhưng tất cả đồ đạc, bảo vật, đều cho ai muốn lấy. Với một điều kiện, là rời khỏi khu vực bao vây bởi bức tường dài mấy chục dặm. Sớm phút nào hay phút đó.

Một vài người gần gũi, cảm tình tớ chủ, muốn tỏ lời khuyên can, đều bị nàng từ khước bằng im lặng. Ba ngày sau, chung quanh Hồ-Trong-Tâm-Hồn và cả lâu đài Núi-Cao-Hơn-Núi không còn một bóng người. Nhưng rất nhiều ký giả đã dùng viễn kính, trên nhiều vệ tinh, tò mò theo dõi cái chết của một người mà tình yêu không vượt qua được cái chết. Họ chờ đợi nhiều, họ thất vọng cũng nhiều. Hoa-Thơm-Sương-Sớm, xứng đáng với khung cảnh vĩ đại vây quanh nàng, chỉ nằm xuống một lần, rồi nằm yên như thế đến chết. Không một cử chỉ nào. Các ký giả kính trọng tình yêu và cái chết lạ lùng của nàng, đã đồng ý với nhau không viết gì thêm.

Trích Đại-Đồng BÁCH-KHOA tự-diễn

KẾ HOẠCH VƯỢT CHẾT.—... Sự thất bại của Hoa-Thơm-Sương-Sớm, theo một số người biết chuyện, không hẳn chỉ do một nguyên nhân, là sự nhắc lại một tình yêu làm cho nó tự chết. Theo số người đó thì chính thái độ của Tiếng-Ca-Lưu-i-Kiểm cũng có phần khác trước. Người ta thấy chàng thiếu sự kinh ngạc khi gặp nàng, và trong giọng nói chứa đầy thiếu phần sâu tui. Người ta nói Kiểm cũng chỉ là Kiểm khác, mặc dù vẫn xác thân và một lớn phần tâm hồn ấy. Hành động và lời nói như nhau. Nhưng một chút gì báo trước : Kiểm sẽ không yêu Thơm. Một chút gì, nhưng là một chút sau cùng, miên viễn ở ngoài tầm hiểu biết và chờ đợi của bất cứ ai. Một chút gì... Của Thượng-đế.

NGUYỄN MẠNH-CÔN
(25.I.LXIX)

Cao Tiêu

Mưa thu hương

Ngồi đây nghe sùi sụt
Đếm mưa rơi ngoài trời
Mưa không là xích khóa
Sao giữ được chân người ?
Đất hẹp không đủ bước
Ngày buồn chầm chậm trôi
Ý thù tràn hương gió
Tóc xanh ngạo tuổi đời
Căm hờn từng tiếng khóc
Nghẹn ngào từng giọng cười
Thơ dâng trong lửa loạn
Mộng chìm theo mưa rơi.

Trời xuân sao ảm đạm ?
Mưa xám màu tóc tang
Bốn trời rền chiến địa
Máu đọng vết thương tàn
Chinh phu oan mấy kiếp

Mưa thấm đất mồ hoang
 Khăn xô trùm lớp lớp
 Oán thương lệ nổi hàng
 Bừng giấc mơ di sử
 Xót nỗi đời hợp tan
 Say giữa tình tan tác
 Cười vỡ cuộc bi hoan.

Tả tơi xô cát bụi
 Nẻo đi lạc mấy phương !
 Biển dâu hằn chứng tích
 Điều tàn giải nặng sương.
 Tin chờ sóng núi cách
 Mưa xóa lối sa trường.
 Những ai lời tâm huyết
 Có đau tình quê hương ?
 Những ai đang tranh đấu
 Có đi chung một đường ?
 Mưa rơi thấm nước nở
 Làm sao mà thê lương !

Ném thân vào cuồng ảo
 Lăn mình trong gió sương
 Mê giữa rừng ma giáo

Người đi, ta lạc đường !
 Trận đời ai mài miệt ?
 Sự nghiệp ai chán chường ?
 Dặm về xa lãng lã
 Nao nao tình cổ hương,
 Thương những lòng bên cửa
 Mỗi mòn giận lửa hương
 Cùng ta ôm đồ vỡ
 Ru người giấc miên trường.

Trời xuân mưa sùi sụt
 Nghe hồn nặng u sầu
 Nỗi niềm dâng cô quạnh
 Tha hương bạc mái đầu
 Gót mòn lê năm tháng
 Gió cát áo phai màu
 Đời còn đang chinh chiến
 Ta hỏi đâu ? tìm đâu ?
 Hỡi những lòng thuở trước !
 Hỡi những tình mai sau !
 Hãy nhập hồn đất nước
 Đừng để cỏ hoa giải sầu.

CAO TIÊU
 (12-68)

Du Tử Lê

Mùa mai

N.C.G.H.T.

đêm người xa cánh tay tôi
phố xưa lệ xót cây nguôi lá thè
nuôi mối ấm ướt thềm kẻ
bóng chung nỗi khát nẻo nề kiếp mai
tay chiêm bao — thân đời dãi
mắt trong lơ khếp hồn ngoài lơ buông

đêm cay nghiệt ngậm bờ hôn
cánh đời ngọn gió tình nguồn lượng sông
thương nhau lặn giữa quần cùng
yêu tôi người sớm phi tàn thanh xuân
cưu mang sáng đỉnh đời nàng
lòng tôi gió cuốn đã vãn trời đi

đêm chung thân — đêm cầm tù
người trên đỉnh hủ tôi mù mắt trông.

Lý Minh

Trăng sữa, tháng 12

Ngàn năm anh giấu lụy phiền
Hỏi dăm câu chuyện giữa thuyền hoàng vu
Ngấn trắng mầu nếp thâm u
Lũng sâu suối cũng nghe lù mù xa
Ngàn năm anh giấu bao la
Dù trong đời mắt biết là bề dâu
Tháng mười hai viết thơ rầu
Mỗi hôm sau thấy mái đầu bạc phơ.

Và ngày chót, một mình

Biển vui triều nửa lưng rồi
Rừng đưa tay nọ tiễn người xin theo
Tháng giêng chiều ngủ bên đèo
Chiếc thân ấm mục chột yêu tôi nhiều
Dưới dòng rêu mốc trong veo
Thời gian có nắm tiêu điều mọc quanh
Em về bỗng nhớ tên anh
Phố đêm vừa dạo một canh trầm buồn.

Hà Nguyên Thạch

Những ngón Xuân sầu

lá che từng mảng sầu đời
 tay em vẫy ngón tình tôi lựa mềm
 ngày hôn vội dấu chân đêm
 tôi hong nổi nhớ trên thềm tim ai
 máu chia xa giọt hình hài
 tôi xa tôi thừa thơ đầy bóng em
 tóc bay rồi sợi ưu phiền
 cỗi xa rợp bóng tịnh yên lối về
 lòng nghiêng đợi mái sương che
 ngoài kia chân sóng vừa xê dấu bởi
 khuya mưa những sợi tình người
 tạt hiên tôi trũng bóng thời hoang du
 đậu vai em vạt mây mù
 nắng tôi trải muộn ngày thu bóng chùng
 thấp chưa sáng ngọn mới hồng
 máu xương nào đổ một dòng thanh xuân
 sớm mai chim bồ xa rừng
 hót tim em điệp khúc thương yêu người
 cảnh khô, lá chắc ngậm ngùi
 tay em trải ngón xuân vui đời nhau.

một vì sao rụng

John E. STEINBECK



bài của
TRẦN THIỆN-ĐẠO

Văn-chương và thực tế

Khi tác phẩm đáng kể thứ tám trong văn nghiệp của John Ernst Steinbeck nhan là *Cannery Row* (Phố hàng cá, 1944) được ấn hành, thì, chẳng mấy lâu sau, Phòng Thương-mại Monterey (*Monterey Chamber of Commerce*) công bố một bản thông cáo ngắn, minh định hai điểm quan trọng sau đây, liên hệ mật thiết tới sinh hoạt thường nhật ở thị trấn Monterey và đời sống miêu tả trong thiên truyện thượng dẫn :

1.— Phố hàng cá ở Monterey hằng ngày sinh hoạt rất bình thường, dân chúng làm ăn rất lương thiện, chớ không

lỗ lảng và hư đốn, biếng nhác như John Steinbeck đã miêu tả trong *Cannery Row* ;

2.— Kết luận hạp lý : *Cannery Row* là một cuốn tiểu thuyết ngụ ý, giả tạo ; John Steinbeck là một nhà văn bịa đặt lão phét, xuyên tạc.

Bản thông cáo ngắn của Phòng Thương-mại Monterey lược thuật cách mấy dòng trên đây, cảnh giới độc giả trước tập sách *Cannery Row* mà Phòng cho là một cuốn tiểu thuyết hoàn toàn *bồi lợ* thị trấn và dân chúng Monterey, tuy chủ đích thiện cận của nó chỉ là phòng ngừa, ngăn chặn đón trước những tiếng vang xấu và có hại cho tổ chức du lịch ở thị trấn nằm sát ven bờ Thái-bình-dương này, — bản thông cáo ngăn ngừa ấy đã *vô tình* chiếu phá vào văn nghiệp của John Steinbeck một tia sáng cho phép chúng ta nắm lấy ngay được đặc tánh nồng cốt của một văn nghiệp đồ sộ : nghệ phẩm xây dựng trên thực tế.

Xây dựng trên thực tế. Nhưng không phải thứ thực tế đã được lọc qua tâm tình nội loạn tương tợ với thứ thực tế nhận thấy trong văn nghiệp của một John Dos Passos (sinh năm 1897), ít nữa, trong văn nghiệp của một John Dos Passos thời kỳ đầu với bộ trường thiên *U.S.A.*, gồm ba tập : *The 42nd Parallel* (Vi tuyến 42, 1930), *Nineteen Nineteen* (Năm 1919, 1932) và *The Big Money* (Hốt bạc, 1936) ; hay của một Jean-Paul Sartre với bộ *les Chemins de la Liberté* còn dở dang (Lối về Tự do, 1945-1949) (1). Cũng không phải thứ thực tế tả chân một cách lạnh lùng kiểu tiểu thuyết xã hội Mỹ *in the thirties* (khoảng 1930) mà đại diện là một James Farrell, một Sinclair Lewis (giải Nobel Văn-chương 1930) và nhiều nữa, vừa rườm rà vừa đơn điệu. Mà là một thứ thực tế

(1) Jean-Paul Sartre chịu ảnh hưởng sâu đậm của John Dos Passos, sử dụng kỹ thuật miêu tả nhiều động tác đồng xuất đồng thời trong bộ *les Chemins de la Liberté*, đồ theo kỹ thuật của nhà văn Mỹ trong bộ *U.S.A.*

Steinbeckian, đặc-biệt John-Steinbeck ; nói : đặc-biệt John Steinbeck, cũng hết như chúng ta nói : đặc-biệt Võ-Hồng-trong-tác-phẩm-*Gió-cuốn* (2), — nghĩa là một thứ thực tế tuy còn nguyên-chất, nhưng vẫn cứ ngấm ngấm hàm súc cảm tình tựa hồ bầm sanh tác giả dành cho bất luận nhân vật nào của mình, dành cho con người lặn ngụp trong thực tế đó.

Nêu lên ngay liền ở đây đặc tánh nói trên, dễ nhận thấy trong một văn nghiệp đồ sộ, tức là đã mặc nhiên chỉ định vị trí của John Steinbeck trong nhóm nhà văn lớn gồm những Erskine Caldwell (sinh năm 1903), Ernest Hemingway (1898-1961), William Faulkner (1897-1962) (3) và nhiều nữa mà tác phẩm tạo thành thời đại có ai đâu đó đã gọi là *Thời-đại của nền tiểu thuyết Mỹ* (4), thời đại nằm giữa khoảng những năm từ 1930 tới 1940. Chỉ định vị trí của John Steinbeck trong Thời-đại vàng-son đó của nền tiểu thuyết Mỹ hiện đại như vậy, cũng là để giúp chúng ta có điều kiện nắm lấy cốt chất của một văn nghiệp đương nhiên chỉ được sơ lược phác họa trong một bài tường niệm ngắn, — văn nghiệp này chúng ta sẽ tìm hiểu xuyên qua một số yếu tố thuộc thân thể và cuộc đời của tác giả, cần thiết cho một cái nhìn khái quát.

Từ Salinas qua giải Nobel đến Việt-nam

Mở mắt chào đời ngày 27 tháng 11-1902 ở Salinas, tiểu-bang California — miền đất sẽ làm bối cảnh cho số tác phẩm

(2) Võ Hồng, *Gió cuốn*, Lá Bối, Sài-gòn, 1968. Chúng tôi sẽ luận tới tác phẩm này, ngày gần đây.

(3) Claude-Edmonde Magny, *l'Âge du roman américain* (Thời-đại tiểu-thuyết Mỹ, le Seuil, Paris, 1957). Thành ngữ này đã được giới phê bình văn học Mỹ chấp nhận, trở nên tiểu thuyết Mỹ khoảng 1930 tới 1940.

(4) Xem bán-nguyệt-san *Văn*, những số đặc-biệt về : Erskine Caldwell, số 88, ngày 18.8.1967 ; Ernest Hemingway, số 41, ngày 1.9.1965 ; William Faulkner, số 37, ngày 1-VII-1965,

giá-trị và đáng-kề của ông, — John Steinbeck trưởng-thành dưới một bầu trời khoáng đặng (nhưng che khuất nhiều tệ đoan xã hội sẽ bị ông tố giác) và trong một không khí gia đình dễ thở, cha công chức, mẹ giáo viên (nhưng không cho phép ông biến thành cậu ấm cục cưng). Sau những năm trời lết rách đũng quần ở trường làng, John Steinbeck ghi tên vào Đại-học Stanford trong ba niên khóa 1919-1920, 1922-1923 và 1924-1925.

Những niên khóa đứt đoạn, không liên tục (bỏ dở vào những niên khóa 1920-1921, 1921-1922 và 1923-1924) đương nhiên dẫn ông đến chỗ thất bại trong ý nguyện chiếm lấy miếng giấy khoa bảng: John Steinbeck bán công tự túc trong thời gian tòng học ở đây, biến mình thành thợ làm công trong các vườn trồng cây ăn trái (tài liệu thực tế cho thấy tác phẩm lớn của ông sau này, đặc biệt trong tác phẩm tranh đấu nhất là thiên truyện *In Dubious Battle*, Trận đấu bất phân thắng bại, 1936). Rồi bỏ đại học, và kể từ đó tiếp tục tay làm hàm nhai bằng đủ nghề, đủ nghiệp, luôn cả cái nghiệp văn chương khó lòng nuôi nổi John Steinbeck lúc mới bước chân vào nghề.

Trước hết, đầu công trên những tàu hàng, rồi làm thợ trong xưởng *Madison Square Garden* ở New-York (New-York). Bỏ nghề thợ, chun vào nhật báo *The New-York Journal* (Nữ Uớc Nhật báo) với vai ký giả săn tin vật và phóng sự vật: bị xét là thiếu khả năng và bị cho về vườn. Thế là ký giả hệt John Steinbeck về vườn thật sự; ông về xứ ở tiểu bang California, xin được chân gác-dan trông coi một khu điền chênh vênh trên triền núi đồ xuống hồ Tahoe quanh quẽ và đìu hiu, cơ hội quyết định cho một văn nghiệp khơi nguồn và chỉ mới vừa cạn hần hôm qua, thứ sáu 20 tháng XII-1968, khi ông vĩnh biệt cuộc đời trong cư xá khu Manhattan ở New-York.

Thời đại vàng son của nền tiểu thuyết Mỹ

Tiếp xúc thường xuyên với thân thể và sự nghiệp của

những nhà văn lớn, chúng ta rút được từ đó một nhận xét chung này: sự nghiệp của một nhà văn lớn, dầu nó có được cái mà ngày xưa các cụ gọi là *nghiệp dĩ trời cho* thai nghén-sẵn, cũng chừng như phải được khai thông, khơi nguồn nhờ ở một cơ hội quyết định nào. Cũng hệt như nhà văn quá cố Pháp André Maurois, chẳng hạn, nhờ đã tình cờ gặp gỡ tâm tánh khác thường của giống nòi Hồng-mao qua tác phong viên sĩ quan Anh-cát-lợi nọ mà nghiêm nhiên biến mình từ một kỹ nghệ gia trở thành nhà văn nhiều triển vọng (5), John Steinbeck nhờ đã bị cho về vườn, giữ chức gác-dan bên cạnh một ven hồ tịch mịch và hoang vắng, mà nắm lấy cơ hội quyết định đó hoàn thành tác phẩm đầu tay của mình, tác phẩm khơi mào cho một văn nghiệp làm rạng danh cho nền văn học Mỹ mới phôi thai.

Tác phẩm đầu tay đó nhan là *Cup of Gold* (Mộng vàng, 1929), tiểu thuyết hóa cuộc đời ba chìm bảy nổi của Tướng Cướp Biển (*buccaneer*) Sir Henry Morgan đeo đuôi hình bóng hư ảo và tuyệt trần của một người đàn bà đề rồi khi gặp mặt phải vỡ mộng tan tành: cô nàng mộng tưởng ở đất Panama nhiều vàng-ngọc-châu-báu ấy (nên đã được mạng danh là *Cup of Gold*, Chén vàng: phần khác, nhan đề cũng biểu tượng cho giấc hoàng điệp của nhân vật), trên thực tế, cũng tầm thường như muôn ngàn phái nữ khác. Tiếp theo tác phẩm này là tập truyện ngắn *The Pastures of Heaven* (Las Praderas del Cielo, 1932; địa danh một thung lũng lân cận thị trấn Salinas), miêu tả sinh hoạt một số nhân vật, Monroe, Whiteside..., sống trong nông trại ở Las Praderas del Cielo, đánh dấu văn pháp tả chân, truyện này tiếp nối truyện kia một cách lỏng lẻo, về phương diện hình thức. Quyền tiểu thuyết thứ hai, nhan là *To a God Unknown* (Tạ vị Thần Vô-danh, 1933), thuật chuyện một chủ nông trại ở California thờ thần Thiên-nhiên tới độ bị thần ám

(5) Trần Thiện-Đạo, *Một vì sao rụng: André Maurois (1885-1967)*, bản nguyệt san Văn, số 119, ngày 1.XII.1968.

ảnh, cuối cùng tự vẫn hiến mình cúng thần : một bài thơ ca tụng Thiên-nhiên, ca tụng cây cỏ và núi đồi.

Ba tác phẩm kể trên chuẩn bị con đường dẫn tác giả tới những tác phẩm đã được giới phê bình coi như kiệt tác trong văn nghiệp John Steinbeck, và được độc giả ưa chuộng. *Tortilla Flat* (Chuyện ở Tortilla Flat, 1935) là một bức tranh u-mặc, minh họa sinh hoạt hạng *paisanos* (6) ở Monterey, một làng chài nhiều màu sắc ven Thái-bình-dương. *In Dubious Battle* (Trận đấu bất phân thắng bại, 1936) là câu chuyện một cuộc đình công của hạng người di dân bán công cho các chủ vườn trồng cây ăn trái ở California, hạng người bị bóc lột tột cùng trong xã hội tư bản Mỹ tưởng chừng giàu mạnh, — đây là cuốn tiểu thuyết đầu tiên của John Steinbeck mở màn cho mấy kiệt tác tiếp sau đề cập tới cảnh ngộ tầng lớp bần cùng. *Of Mice and Men* (Của Chuột và Người, 1937) tách rời cuộc đời hai kẻ làm công nhứt tên là Lennie và George được tác giả biến thành đại diện cho thảm kịch của tầng lớp nói trên, không ngừng mơ tưởng tới một tổ ấm gia đình mà họ chẳng bao giờ với tới được. Có lẽ đây là kiệt tác bất hủ của John Steinbeck.

Sau vở kịch phóng tác từ tân truyện *Of Mice and Men* được trình diễn và thành công rực rỡ cùng năm nói trên và sau tập truyện *The Long Valley* (Minh mộng trời rộng sông

(6) Xem : « *What is a paisano ? He is a mixture of Spanish, Indian, Mexican and assorted Caucasian bloods. His ancestors have lived in California for a hundred or two years. He speaks English with a pasaino accent and Spanish with a pasaino accent. (...)* »

(Pasaino là gì ? Pasaino là một giống người lai, trộn lộn nhiều thứ máu, Tây-ban-nha có, Da-đỏ có, Mễ-tây-cơ có, Nga cũng có. Ông bà họ sanh sống ở California đã một hay hai thế kỷ nay. Họ nói tiếng Anh với giọng pasaino và tiếng Tây-ban-nha cũng với giọng pasaino...)

John Steinbeck, *Tortilla Flat*,
Modern Library, New-York, 1937, p.2.

dài, 1938) gom góp mấy đoàn thiên đã xuất bản *Saint Katy the Virgin* (Thánh-nữ Đồng-trinh Katy) và *The Red Pony* (Con Ngựa Hồng), John Steinbeck tiếp tục dòng văn nghệ tranh đấu xã hội (có người gọi là dẫn thân hay đầu thế) với cuốn trường thiên tiểu thuyết phóng sự nổi tiếng nhứt, nhan là *The Grapes of Wrath* (Chùm nho công phần, 1939 ; giải Pulitzer 1940), tác phẩm này xuất hiện như bức tranh bi hùng miêu tả đậm nét gia đình nhà họ Joad bị cái nghèo rớt mồng tơi đuổi khỏi xứ là tiểu bang Oklahoma (nên hạng người này bị mạng danh là *Ookies*) đi tìm cái sống cơ cực ở tiểu bang California và không ngừng buộc phải đấu chọi với một hệ thống hầu như phong kiến trong các nông trại.

Nhà văn xuống dốc

Cũng ghệt như hai nhà văn đồng thời với ông, là James Farrell và John Dos Passos, sau số tác phẩm làm nên Thời-đại vàng son của nền tiểu thuyết Mỹ, John Steinbeck bắt đầu xuống dốc, và ông càng xuống dốc bội phần khi đề tài các tác phẩm tiếp sau, xuất bản kể từ ngày Thế-chiến thứ Hai khởi mào, hoặc với rộng ra khỏi bầu trời quen thuộc của ông là bầu trời California, hoặc chỉ là bản sao những đề tài đã được ông sử dụng trong các tác phẩm trước, — những tác phẩm này sâu sắc bao nhiêu, thì những bản sao kế tiếp lạt lẽo bấy nhiêu, tựa hồ chỉ là thứ nước đảo vớt vát sau kỳ vất vả trồn nước cốt.

Không kể vài ba tập sách ký sự và tiểu thuyết phóng sự chiến tranh viết cho nhiều nhứt báo và tuần báo bấy giờ về Thế chiến thứ Hai (chẳng hạn *Bombs Away*, Thả bom ; *The Moon is Down*, Đêm trăng khuất...) hay mấy tác phẩm thứ yếu khác (như *The Forgotten Village*, Làng bị bỏ quên ; *Sea of Cortez*, Thám hiểm biển Cortez...), sáng tác phẩm của John Steinbeck gồm có : *Cannery Row* (Phố hàng cá, 1944 ; xem lại tiểu mục Văn chương và thực tế trên đây), câu chuyện lông bông và nên thơ của hạng vô công rồi nghề ở Monterey và các lần họ tiếp xúc với nhà sanh vật học dễ mến nọ, trên một bối cảnh hiện thực và chánh xác.

The Wayward Bus (Chuyến xe bất kham, 1947), tượng trưng cho thế giới thu nhỏ tràn đầy ảo ảnh là nước Mỹ hiện kim nhìn qua đám hành khách từ tưng trên một chiếc xe đồ miệt đồng xứ California. *The Pearl* (Hột xoàn, 1948), truyện ngụ ngôn (*parable*) ngắn thuật chuyện một người Mỹ-tây-cơ làm nghề chài, bắt được một hột xoàn mang đến cho gia đình nhiều khổn đồn gian lao.

Năm 1947-1948, John Steinbeck sang Liên-sô vừa với tư cách ký giả vừa với tư cách du khách, viết một loạt bài ký sự du lãm, in lại thành tập nhan là *Russian Journal* (Nhật ký ở Nga, 1948), ghi nhận nhiều hình ảnh sống động tác giả chứng kiến ở Maxcova, Xtalingrad, Kiev, Tiflix, Batum và nhiều nữa, vừa về cảnh vừa về người. *Burning Bright* (Tuyệt tự, 1950), với nhan đề phụ: *A Play in Story Form* nói rõ thể loại của tác phẩm, một thứ tiểu thuyết kịch hay kịch tiểu thuyết. *The Log from the Sea of Cortez* (Thám hiểm biển Cortez, 1951), sửa chữa và xén bớt cuốn *Sea of Cortez* thượng dẫn.

Mấy tập sách kể trên, thật tình chẳng phả thêm vào văn nghiệp của John Steinbeck chút giá trị nào. Có lẽ chính ông cũng nhận thấy rõ ràng như vậy, nên tác giả đã cố gắng (chúng tôi muốn dùng trạng từ: *gắng gượng*, chánh xác hơn) xây dựng một tác phẩm lớn, nhiều hoài bão, nhiều tham vọng, một thứ chúc thư của kẻ già tuổi đời (tuy bấy giờ ông chỉ mới ngũ tuần) và già tuổi văn: *East of Eden* (Phía Đông Eden, 1952). Tác phẩm lớn về bề dày, nhưng, tiếc thay, đề tài không thích hợp với sở trường của ông, và giá trị tương đối của tác phẩm không nằm ở luận đề (bởi vì cuốn *East of Eden* là một thiên tiểu thuyết luận đề, nhà họ Hamilton xuất hiện rõ rệt như phát ngôn viên của John Steinbeck với vô số suy tư siêu hình và đạo đức, đối lập với nhà họ Trask), mà nằm chính ở hình ảnh hiện thực cuộc đời hai gia đình vừa kể, vào khoảng đầu thế kỷ XX qua Đại-chiến thứ Nhất, tiểu bang California hay, chánh xác hơn, ở Salinas.

Với *Sweet Thursday* (Hiền dụ là Thứ năm, 1954), John Steinbeck nhái lại chính mình, các nhân vật trong *Cannery Row*

lại xuất hiện lần nữa, văn pháp u mặc của *Tortillat Flat* lại được sử dụng —, khiến cho tác phẩm không hàm chứa chút gì độc đáo. Với *Un Américain à New-York et à Paris* (Một người Mỹ ngao du ở New-York và Paris, 1956), ký sự viết đặc biệt cho tuần báo Pháp *le Figaro Littéraire* (Thợ cạo văn nghệ) trình bày kinh nghiệm thật tế tác giả đã tai nghe mắt thấy ở hai thành phố lớn. Với *The Short Reign of Pippin IV* (Triều đại phù du của hoàng đế Pippin IV, 1957), John Steinbeck tỏ ra đã cạn hứng thật sự, không tránh khỏi bị giới phê bình văn nghệ Mỹ kịch liệt chê trách, và chính ông cũng nhìn nhận đó là *a fabrication*, một cuốn sách hoàn toàn tưởng tượng và bịa đặt không thích hợp với sở trường của mình. Cũng như với *Travel with Charley* (Ngao du với chó tên gọi Charley, 1960), ông càng xuống dốc hơn nữa... và, lạ lùng thay, đề rồi hai năm sau đó Viện Hàn-lâm Thụy-điền vụt tuyên bố tặng giải Nobel Văn-chương 1962 cho ông.

A dove or a hawk ?

Bồ câu hay là điều hâu ? Giới trí thức Mỹ năm ngoái năm kia đã chẳng ngại xếp nhà văn John Steinbeck vào hạng *điều hâu*, hạng đánh-cho-tới-thắng-lợi-cuối-cùng, cùng một nòi với các nhà quân sự Mỹ trong nhóm đã được gọi là *military lobby* (nhóm nhà binh) rất mạnh trong tòa Ngũ-giác Washington.

Bốn năm sau ngày đoạt Giải Văn-chương Nobel, John Steinbeck được nhật báo Mỹ *News Day* (Tin ngày) gởi qua Việt-nam với chân ký giả phóng sự chiến tranh... không phải ngoài mặt trận với con trai của ông cũng tên là John (thật ra, tên ông là John Ernst Steinbeck; con trai ông là John Steinbeck), mà là ở... thành phố (Sài-gòn, Đà-nẵng,...), hằng ngày viết *Thư từ Việt-nam* (Letters from Việt-nam) cho độc giả, cho thứ độc giả đặc biệt mà chính người Mỹ gọi là *armchair soldiers* (quân nhân ghế bành) (7).

(7) Thề từ *armchair* trong thành ngữ thượng dẫn, mới đây, lại được sử dụng lần nữa, kết chung với thề từ *explorer* thành →

Những bức thư ngày lại ngày đăng trên nhật báo *News Day* vào khoảng cuối năm 1966 nói trên đã vô tình khiến cho đa số thành phần độc giả, hằng dành cho nhà văn xã hội (xin bạn đọc chú ý: nhà văn xã hội) John Steinbeck trước kia rất nhiều cảm tình và thần phục, bỗng dưng thất vọng và chua chát, một phần vì bút pháp và nhận định của tác giả vừa thiếu gãy gọn vừa thiếu chín chắn và nhứt là, phần khác, tác giả đã tỏ ra là một kẻ hiểu chiến lậ kỳ, biến ngòi viết của mình thành công cụ tuyên truyền (chúng tôi xin nhấn mạnh chữ: *tuyên truyền*; và nói: *tuyên truyền*, là đã mặc nhiên khẳng định tánh cách thiếu nghệ thuật rồi) cho một chánh sách nhị nguyên nào.

Bạn đọc bán nguyệt san này hẳn còn nhớ trận bút chiến giữa ông và nhà thơ Liên-sô trẻ Evghêni Evtusenkô vào đầu năm ngoái. Evghêni Evtusenkô đã lên tiếng trách John Steinbeck, trách ông sao không phản đối chánh sách can thiệp của Mỹ ở Việt-nam; còn John Steinbeck thì lên tiếng trách Evghêni Evtusenkô, trách nhà thơ sao không phản đối chánh sách can thiệp của cộng-sản vào miền Nam Việt-nam (8). Đây là lần cuối cùng John Steinbeck trực tiếp đề cập tới một vấn đề chánh trị, và chúng tôi nhắc lại ở đây không ngoài mục đích thông tin: phần bình phẩm xin nhường cho bạn đọc, và cho hàng thức giả chuyên ngành bình luận chánh trị. Đó cũng là một yếu tố quan trọng kết thúc một cuộc đời văn nghệ tuy dài về mặt tác phẩm, nhưng cô đọng vào khoảng thời gian rất ngắn chỉ gồm bốn, năm năm trời: 1935-1939. (9)

→ *armchair explorers*, trở hạng khán giả theo dõi từng giây từng phút hành trình của hỏa tiễn Apollo-8.

(8) Xem Evtusenkô, Steinbeck và Nguyễn Mạnh-Côn trong bán nguyệt san *Văn* số 72, ngày 15-12-1966.

(9) Xem thêm: Trần Phong-Giao, *John Steinbeck, giải Văn-chương Nobel 1962*, bán nguyệt san *Văn*, số 30, ngày 15-3-1965. Bài nói chuyện chứa nhiều chi tiết về thân thế và sự nghiệp của nhà văn hơn mấy dòng sơ lược trên đây.

Nhà văn đánh dấu một thời đại đặc biệt trong nền tiểu thuyết Mỹ

Khi nhà phê bình và nghiên cứu văn học phái nữ Pháp Claude-Edmonde Magny sáng tạo và sử dụng từ kết *l'Âge du roman américain* lần đầu tiên (từ kết này đã được giới phê bình văn học Mỹ chấp nhận) đề trở thời kỳ thanh hành của nền tiểu thuyết Mỹ vào khoảng những năm 1930-1940 (3), mà đại diện đích thật ngoài John Steinbeck, còn gồm có những William Faulkner, Ernest Hemingway, Erskine Caldwell, James Farrell và nhiều nữa, (4) thì quả tình bà đã chỉ định vừa chánh xác vừa tinh xác một thời đại *đặc biệt* trong nền tiểu thuyết Bắc-Mỹ.

Đặc biệt, bởi vì chẳng những chúng ta nghiệm thấy nền văn học Liên-quốc Mỹ nói chung thật sự phát triển và ảnh hưởng sâu rộng vượt qua mặt biển Đại-tây-dương mà đặt chân lên đất Châu-âu vào thời kỳ đó, mà chúng ta, ít nữa là những người hằng theo dõi và khảo cứu văn học Mỹ, chúng ta còn nhận thấy ở nó một đặc tánh dị biệt, hoàn toàn Bắc-Mỹ, hoàn toàn *yankee*, ăn khớp với tâm tình, với tánh khí của giống nòi *Anglo-saxon* lìa khỏi rún Mẹ đã có hơn ba thế kỷ nay mà đương đầu với một thực tế mới là miền Bắc châu Mỹ: văn học Bắc Mỹ, cho tới khoảng 1940, vẫn còn đắm trong bầu khí đặc biệt này, một bầu khí chẳng màng đến những chuyện trí thức xa vời và xa rời cuộc sống thường nhật xảy ra quanh mình.

Trong viễn tượng đó, chúng ta không lấy làm ngạc nhiên chút nào, nhận thấy một John Steinbeck chỉ thành công vào khoảng thời gian rất ngắn qua ba bốn tác phẩm mà thôi; những tác phẩm không phải chỉ làm rạng danh tác giả của chúng, mà còn đánh dấu cho một thời đại *đặc biệt* của nền tiểu thuyết Mỹ, một thời đại sắp tàn theo ảnh hưởng hổ tương ngày càng lớn rộng giữa nền văn học châu Âu và nền văn học Bắc-Mỹ, một

thời đại sắp bị thế hệ nhà văn trẻ phủ nhận hoàn toàn đầu với một chút gì thần phục, càng thần phục bao nhiêu, thì thế hệ trẻ này lại càng tỏ ra gay gắt đối với thời đại vàng son đó bấy nhiêu. Chỉ cần nghĩ tới đường lối *anti-realism* (phản-hiện-thực) của vài ba nhà văn trẻ chưa nổi tiếng mà giới phê bình văn học Mỹ hiện đang bàn tán xôn xao vào năm 1968 này, chẳng hạn như một John Hawkes, một John Barth và nhiều nữa (họ chỉ được giới phê bình chú ý, chưa nổi tiếng bao nhiêu đối với độc giả), là chúng ta đã nhận thấy rõ rệt được rằng thời đại của John Steinbeck không phải chỉ mới chấm dứt theo cùng hơi thở cuối cùng của những Ernest Hemingway, William Faulkner, John Steinbeck, mà nó đã kết thúc ngay vào khoảng năm 1940, nhường chỗ cho lớp nhà văn thế hệ sồn sồn (Truman Capote, William Styron, Carson McCullers...) (10) chuẩn bị địa thế và chỗ đứng cho thế hệ trẻ cùng lứa tuổi với hai nhà văn họ John thượng dẫn.

Mấy sự thể trên đây giải thích cho chúng ta hiểu rõ vì sao mà vào năm 1962, khi John Steinbeck được Viện Hàn-lâm Thụy-điền choàng hoa, giới văn học Mỹ đã tỏ ra kinh ngạc khôn tả: dưới mắt họ, văn nghiệp của John Steinbeck đã chấm dứt từ năm 1940 rồi, giải Nobel Văn-chương chỉ trao tặng cho ông hơn hai mươi năm sau quả tình xuất hiện như một hành động quá ư chậm trễ khiến nó mất trụi hết giá trị cần thiết. Trao tặng một giải thưởng lớn cho nhà văn tiêu biểu một thời đại đã qua và qua hẳn từ lâu, dưới mắt họ, khác nào muốn tái sinh một thời đại không làm sống lại được.

Mà quả thật vậy, như bạn đọc đã có dịp nhận thấy, chúng ta có thể đếm mấy tác phẩm thành công nhất của John Steinbeck trên đầu một bàn tay, những tác phẩm sáng tác trong khoảng ba bốn năm trước 1940, khởi sự từ tiểu thuyết u-mặc *Tortillat Flat* (1935) đến mấy tiểu thuyết tranh đấu xã hội *In Dubious Battle*, 1936), *Of Mice and*

(10) Xem bán-nguyệt-san Văn, số 103, ngày 1-4-1968. Số đặc biệt Carson McCullers.

Men (1937) và *The Grapes of Wrath* (1939). Bốn thiên truyện dài ngắn khác nhau và được sáng tác nhằm nhiều chủ đích khác nhau này, chúng ta có thể coi như những tác phẩm điển hình nhất cho sở trường của John Steinbeck và, đồng thời, tiêu biểu nhất cho thời đại vàng son của nền tiểu thuyết Mỹ vào những năm 1930-1940.

Với bốn thiên truyện dày, độc giả được thưởng thức mấy khía cạnh độc đáo chứng tỏ văn tài của nhà văn xã hội John Steinbeck, trên bối cảnh mỗi một xã hội duy nhất là xã hội bản cùng khổ rách áo ôm ở một không gian duy nhất là tiểu bang California (và, hẹp hơn nữa, là miền đồng ruộng vây quanh Salinas Valley) vào một thời gian duy nhất là khoảng những năm trời cuộc khủng hoảng kinh tế không lồ còn hoành hành ở Liên-quốc Mỹ, — trên bối cảnh đặc biệt ấy, John Steinbeck, đã biết vận dụng truyền thống u mặc Hồng-mao tạo nên *Tortillat Flat*, đã biết phả chút suy tư triết lý vào *Of Mice and Men* (11) và đã biết biến ngôi bút thành lưỡi kiếm sắc bén trong *In Dubious Battle* và *The Grapes of Wrath*. Chỗ nhất trí nhìn thấy dễ dàng trong bốn thiên truyện mà văn pháp đi từ truyền thống u mặc qua suy tư triết lý đến đấu tranh xã hội nằm chính ở sở trường của John Steinbeck: cảm thông hoàn toàn với hạng bản cùng tay làm không đủ bỏ lúm và khả năng (chúng tôi toan dùng từ: *bản năng*) làm sống những sự việc liên hệ tới cuộc đời của nhân vật tái tạo từ thực tế trước mắt.

Cảm thông hoàn toàn với hạng bản cùng tay làm không đủ bỏ lúm: những Danny, Pablo, Big Joe Portagee, Jesus-Maria Corcoran... (*Tortillat Flat*), Mack, Jim Nolan, Burton... (*In Dubious Battle*), Lennie, George, Carlson, Curley... (*Of Mice and Men*), nhà họ Joad, Casy... (*The Grapes of Wrath*) đều có đàn độn, ngang tàng, cục súc, hư đốn tới mức nào, cũng không hề bị tác giả miêu tả bằng màu sắc đen tối, khinh miệt. Khả năng

(11) Trần Thiện-Đạo, *Độc CỦA CHUỘT VÀ NGƯỜI*, đặc san Văn, số 1, đệ nhất tam cá nguyệt 1967.

tái tạo thực tế trước mắt : những nhân vật sơ lược kể trên, khung cảnh xã hội trong tác phẩm, thấy đều là những điều có thật, chứng thật được, *biên chép* từ những điều tai nghe mắt thấy thật sự. Bản thông cáo của Phòng Thương-mại Monterey đã tường thuật ở tiêu mục đầu chứng nhận cho nhận định đó, cũng như cuộc phản thư mà cuốn *The Grapes of Wrath* là nạn vật (nạn vật, làm sao gọi sách là nạn nhân được ?) vào năm 1939 ở Liên-quốc Mỹ, khi cuốn sách bị quyền thế và thế lực tay đĩnh của chủ nghĩa tư bản ghép vào tội tuyên truyền cho... Cộng-sản và, trên thực tế, về phương diện tố cáo xã hội, chứa đựng một chất nỏ ngang hàng với tiểu thuyết phóng sự *The Jungle* (Người ăn thịt người, 1904) của Upton Sinclair (1878-1968) (12), ngang hàng với tiểu thuyết ứa nước mắt *Uncle Tom's Cabin* (Túp chòi của bố Tom, 1852) của Harriett Beecher-Stowe (1812-1892).

John Steinbeck đại diện cho một thời đại vàng son đã chết, lu mờ (nhút thời ?) dưới thế hệ *tri thức* trong nền văn học Liên-quốc Mỹ vào năm 1968 này.

TRẦN THIỆN-ĐẠO

(25-XII-1968)



HỘP THƯ
BẠN ĐỌC

ĐÍNH CHÍNH :

● Bài *Con người huyền thoại* đăng trong TẤN VĂN số 7, có hai chỗ in sai :

- 1) Trang 92, dòng 26 :
— thay vì : thần linh của chúng ta có cánh
— xin đọc : thần linh và chúng ta đều có cánh
- 2) Trang 95, dòng 5 :
— thay vì : con người giải thoát của Platon
— xin đọc : con đường giải thoát...

● Bài *Chợ đêm Hà-tiên* của Đông-Hồ đăng trong cùng số này :

- 1) Trang 89, dòng 24 :
— thay vì : những họ hàng xa,
— xin đọc : những họ hàng xa
lãng
- 2) Trang 89, dòng 26 :
— thay vì : cũng về hội họp
— xin đọc : cũng về tụ hội
- 3) Trang 89, dòng 26 :
— thay vì : ăn tết tới con cháu
— xin đọc : ăn tết với con cháu
- 4) Trang 90, dòng cuối :
— thay vì : thăng đổi vận
— xin đọc : thăng đổi vận

5) Trang 91, dòng 7 :

- thay vì : hoa mai hồng
- xin đọc : hoa mai tròng

6) Trang 91, dòng 11 :

- thay vì : hoa mai thịnh
phung
- xin đọc : hoa mai thịnh
phóng

7) Trang 92, dòng 9 :

- thay vì : Lộc-tri
- xin đọc : Lộc-trĩ
- thay vì : mũi-nai
- xin đọc : Mũi-nai

8) Trang 94, dòng 3 :

- thay vì : đất mang khám
- xin đọc : đất Mang-khảm

9) Trang 94, dòng 23 :

- thay vì : ý cảnh nên thơ
- xin đọc : ý cảnh nên thơ.

Xin chân thành cáo lỗi cùng tác giả Trần Thái Đĩnh, Đông-Hồ, toàn thể bạn đọc, và mong độc giả vui lòng sửa lại giùm.

NHẮN TIN RIÊNG :

✱ Học-tăng Đồng-Liên, Đà-nẵng.

Có thể hỏi mua Đặc-san VĂN tập 1 tại nhà sách Lam Sơn, số 144 đại lộ Độc Lập, Đà-nẵng. Trường hợp ở đây không có, gửi bưu phiếu 190 đồng, đề tên ông Nguyễn-dinh Vương, về tòa soạn Tấn Văn.

● ông Nguyễn Tư Hối, Gia-dịnh (?)

Xin cho biết địa chỉ để tiện liên lạc.

(12) Trần Thiện-Đạo, *Một vì sao rụng : Upton Sinclair (1878-1968)* bản nguyệt san Văn, số 120, ngày 15. XII. 1968.

T I N S Á C H

Chúng tôi vừa được tin Nhà sách KHAI-TRÍ sắp cho xuất bản loại sách TUỔI THƠ dành cho nhi đồng Việt Nam. Sách dày 36 trang, in đẹp, giá phổ thông 10\$ mỗi quyền, cùng loại với SÁCH HỒNG của Đời Nay và TRUYỀN BÁ của nhà xuất bản TÂN DẦN thời trước.

Loại sách TUỔI THƠ ra đời là một tin mừng cho phụ huynh học sinh, từ lâu hằng ao ước có một tủ sách giáo dục lành mạnh dành cho con em mình để tránh cho trẻ em khỏi phải đọc loại sách nhằm nhĩ hiện đang tràn ngập trên thị trường sách báo.

Tương lai nước Việt Nam sau này hay hay dở đều do sự giáo dục hiện tại của lứa thiếu nhi, mầm non của đất nước.

Chúng ta đã từng xót xa đau đớn nhìn thấy đám trẻ thơ ngây đọc loại sách trinh thám và kiếm hiệp rẻ tiền, loại sách khiêu dâm và quái đản, — những thứ sách đầu độc trí óc non nớt của con em chúng ta, nên chúng ta không khỏi vui mừng khi được thấy một số nhà văn, nhà giáo tha thiết với vấn đề giáo dục con em, đứng ra cộng tác với nhà sách KHAI-TRÍ thực hiện việc phổ biến loại sách lành mạnh nói trên.

Được biết nhà sách KHAI-TRÍ sẽ cho xuất bản đều đặn, cứ mỗi ba ngày, một quyền sách TUỔI THƠ. Trong đợt đầu, TUỔI THƠ sẽ trình bày mười tác phẩm :

1. Đứa bé mù	của	Bửu Kế
2. Một thảm cảnh trong biển cả	—	Tiêu Sử
3. Dinh Thầy	—	Phan Du
4. Con đũa thần	—	Nguyễn Văn Xuân
5. Hai chiếc nhẫn thần	—	Lương Nhân
6. Ông Hoàng què	—	Tiêu Sử
7. Cái quái chèo	—	Nguyễn Văn Xuân
8. Con nước dột	—	Lương Nhân
9. Linh Miêu	—	Bửu Kế
10. Nhan sắc và trí tuệ	—	Bửu Mạn

NHÀ SÁCH KHAI - TRÍ
số 60-62 ĐẠI-LỘ LÊ LỢI — SÀI-GÒN

THƯ-LÂM ÁN THƯ QUAN

số 231-233-235 đường Phạm Ngũ Lão

Sai-gon Dãy số : 25.861

NHÀ IN - XUẤT BẢN
CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phụ kiện,
cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)

TRƯỜNG TRUNG HỌC

HƯNG-ĐẠO

115-125 Cống Quỳnh, Sài-gòn
Đ.T. 24 797

các lớp từ đệ thất đến đệ nhất
các ban A.B.C.